**TÀI LIỆU ÔN TẬP LỊCH SỬ 12**

**( CHƯƠNG TRÌNH 2018)**

**CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

**BÀI 1: LIÊN HỢP QUỐC**

**I.KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

- Liên Hợp Quốc (còn gọi là Liên Hiệp Quốc, viết tắt LHQ; tiếng Anh: United Nations, viết tắt là UN) là một tổ chức liên chính phủ, là trung tâm của thế giới trong việc giữ gìn hòa bình và an ninh nhân loại, thúc đẩy sự hợp tác kinh tế - xã hội giữa các quốc gia.

- Cờ (Hội kì): Biểu tượng màu trắng trên nền xanh (hòa bình – đối lập màu đỏ: chiến tranh); biểu tượng là bản đồ thế giới, lấy điểm bắt đầu là Bắc Cực kéo đai đến 60 vĩ độ Nam và bao gồm 5 vòng tròn đồng tâm, bao quanh vởi 2 cành ô liu biểu tượng cho hòa bình.

# 1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc

***a.Bối cảnh lịch sử:***

- Giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình thế giới có những biến chuyển quan trọng trên các chiến trường chính, các nước Đồng minh chống phát xít đang chiếm ưu thế.

+ Sức mạnh và ưu thế trên chiến trường thuộc về phe Đồng minh chống phát xít, thắng lợi của phe Đồng minh chỉ còn là vấn để thời gian.

+ Cuối năm 1941, sự cần thiết hình thành một Mặt trận Đồng minh chống phát xít trên phạm vi thế giới càng trở nên bức thiết và những điều kiện để thành lập mặt trận đó đã đầy đủ. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong trận Mát-xcơ-va đã nâng cao vị trí của Liên Xô trên trường quốc tế và nhân dân thế giới đòi hỏi phải liên minh với Liên Xô.

+ Tháng 4 - 1945, Hồng quân Liên Xô bắt đầu chiến dịch công phá Béc-lin - sào huyệt cuối cùng của phát xít Đức và giành được thắng lợi hoàn toàn; Ngày 9 - 5 - 1945, phát xít Đức đầu hàng quân Đồng minh không điểu kiện, chiến tranh kết thúc ở châu Âu. Ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, quân đội Nhật Bản ngày càng lún sâu vào thất bại,...

- Các nước Đồng minh nhận thấy cần hợp tác để giải quyết một số vấn đề chung:

+ Tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

+ Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

+ Xác lập một tổ chức quốc tế nhắm duy trì hòa bình và trật tự thế giới sau chiến tranh.

- Tổ chức Hội Quốc liên ra đời (1920) nhưng không đủ sức mạnh để duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

- Khát vọng được sống trong hòa bình của nhân dân thế giới.

=> Yêu cầu đặt ra: thiết lập một thể chế đa phương hữu hiệu có tính toàn cầu, thành lập tổ chức quốc tế

thực sự có vai trò trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

# b. Quá trình hình thành:

- Kéo dài từ 1941 – 1945, gắn với vai trò quan trọng của Liên Xô, Mỹ, Anh.

- Trải qua nhiều sự kiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Sự kiện** | **Ý nghĩa** |
| 14-8-1941 | Tuyên bố chung Đại Tây Dương  do Mỹ và Anh kí | * Một trong những sự kiện đầu tiên dẫn tới việc thành lập LHQ; * Là văn bản pháp lí chính trị quốc thế đã hình thành các tư tưởng về sự cần thiết xây dựng trật tự thế giới hòa   bình hợp tác sau chiến tranh. |
| 29-9-1941 | Tuyên bố của Chính phủ Liên Xô tại Hội nghị của phe đồng minh tại London |
| 1-1-1942 | Đại diện 26 nước đã kí bản *“Tuyên*  *bố Liên hợp quốc”* tạo cơ sở cho việc hình thành Liên hợp quốc | Bước đi thực tế đầu tiên trong quá trình thành lập LHQ. |
| 30-10-1943 | Tuyên bố Matxcova của Liên Xô,  Mĩ, Anh, Trung Quốc |
| Từ 28-11 đến  1-12- 1943 | Tại Hội nghị Tê-hê-ran (I-ran), nguyên thủ ba nước: Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập một tổ chức quốc tế để duy trì  hoà bình và an ninh. | Là cơ sở cho việc soạn thảo Hiến chương LHQ. |
| 10-1944 | Đại diện các nước Mĩ, Anh, Liên Xôm Trung Quốc thông qua *“Những đề xuất sơ bộ về việc thành lập tổ chức an ninh quốc tế*  *chung”* |
| Từ 4-2 đến  11-2-1945 | Tại Hội nghị I-an-ta (Liên Xô), nguyên thủ ba nước: Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất thành lập tổ chức  Liên hợp quốc. |
| Từ 25-4 đến 26  6- 1945 | Đại diện 50 nước họp tại Xan  Phran-xi-xcô (Mỹ) thông qua Hiến chương Liên hợp quốc. | Là sự kiện tiến bộ trong lịch sử nhân loại từ trước tới nay; là biểu hiện: của tinh thần hợp tác, đoàn kết vì sự tiến bộ, của tinh thần quyết tâm đấu tranh chống thế lực cực đoan hiếu chiến đe  dọa hòa bình và nền văn minh nhân loại. |
| 24-10-1945 | Với sự phê chuẩn Hiến chương của các nước thành viên, tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành  lập. |

=> Như vậy, sự ra đời của LHQ là thành quả chiến thắng của các dân tộc thuộc phe đồng minh trong Thế chiến thứ hai.

# \* Hiến chương LHQ – một văn bản pháp lý nền tảng:

**- Khái niệm*:***Hiến chương là một loại con điều ước quốc tế, trong đó các bên thực hiện ký kết, quy định những nguyên tắc, mục đích hoạt động và những thể lệ về quan hệ quốc tế giữa những bên tham gia vào việc ký kết.

- Hiến chương LHQ gồm 19 chương, 111 điều; chính thức có hiệu lực từ 26/10/1945.

**- Ý nghĩa của Hiến chương:**

+ Hiến chương tạo dụng một nền tảng pháp lý quốc tế, tính pháp chế và sự công bằng quốc tế, là một điều ước quốc tế phổ biến quan trọng nhất;

+ Hiến chương điều chỉnh hoạt động của LHQ, các cơ quan của nó và hành vi của các quốc gia thành viên nhằm đạt các mục đích đặt ra;

+ Các quy định của Hiến chương tác động tới chính sách của các quốc gia, tới kết quả đàm phán về các vấn đề khác nhau trong đời sống quốc tế;

+ Hiến chương là cơ sở quan trọng để hoàn thiện cơ cấu và hoạt động của LHQ, định hướng cho sự củng cố hòa bình thế giới;

+ Đặc điểm cơ bản của Hiến chương là cơ sở cho sự củng cố hòa bình và an ninh quốc tế, là nền tảng của sự hợp tác trong lĩnh vực quốc tế, nhân đạo và các lĩnh vực khác của đời sống quốc tế; Tạo dựng những nhân tố quan trọng cho một tư duy chính trị.

## Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động

* **Mục tiêu:** *Qui định tại Điều 1 – Hiến chương LHQ*
* Duy trì hòa bình an ninh quốc tế - *là cơ sở cho các mục tiêu khác*.
* Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc.
* Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề về an ninh kinh tế xã hội, văn hóa, nhân đạo, đảm bảo quyền con người, không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo.
* Trung tâm điều hòa hành động của các quốc gia nhằm đạt được những mục tiêu chung.
* **Nguyên tắc hoạt động:** *Qui định tại Điều 2 – Hiến chương LHQ*
* Bình đẳng về chủ quyền của tất cả các thành viên.
* Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.
* Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình .
* Không đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế .
* Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các quốc gia.
* Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.

 Đây là những nguyên tắc cơ bản được Liên hợp quốc coi trọng trong quá trình hoạt động, qua đó tác động tích cực đến đời sống kinh tế, chính trị của từng dân tộc và quốc tế nói chung. Việc ghi nhận các nguyên tắc đó có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển tiến bộ của luật quốc tế sau Thế chiến thứ hai.

***Nhận xét:*** Các mục tiêu và nguyên tắc hoạt động trên của Liên hợp quốc mang tính bao quát, phản ánh mối quan tâm toàn diện của các quốc gia. Các quan tâm ưu tiên này thay đổi tuỳ theo sự chuyển biến cán cân lực lượng chính trị bên trong tổ chức này. Hoạt động của Liên hợp quốc cho thấy trọng tâm chính của Liên hợp quốc là duy trì hòa bình an ninh quốc tế và giúp đỡ sự nghiệp phát triển của các quốc gia thành viên.

## Bộ máy tổ chức

* **Gồm sáu cơ quan chính** là: Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, Hội đồng Quản thác, Toà án Công lí Quốc tế và Ban Thư kí.

+ Đại hội đồng: Tất cả các đại diện của các quốc gia thành viên, có quyền bình đẳng; Thảo luận tất cả các vấn đề hoặc các công việc thuộc phạm vi Hiến chương qui định.

+ Hội đồng bảo an: Gồm 15 thành viên, 5 thành viên thường trực vô thời hạn và 10 thành viên không thường trực; giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

+ Ban thư kí: Cơ quan hành chính, do Tổng thư kí đứng đầu.

+ Tòa án quốc tế: Tòa án chỉ có thể giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia với điều kiện: do các bên đưa ra, các vấn đề được nêu trong Hiến chương, các vấn đề nêu trong điều ước hiện hành.

* Trụ sở của Liên hợp quốc đặt tại Niu Y-oóc (Mỹ).
* **Các cơ quan chuyên môn** của LHQ:

Một số cơ quan nổi tiếng nhất là [Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C6%A1_quan_N%C4%83ng_l%C6%B0%E1%BB%A3ng_Nguy%C3%AAn_t%E1%BB%AD_Qu%E1%BB%91c_t%E1%BA%BF) [tế](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C6%A1_quan_N%C4%83ng_l%C6%B0%E1%BB%A3ng_Nguy%C3%AAn_t%E1%BB%AD_Qu%E1%BB%91c_t%E1%BA%BF) (IAEA), [Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c_L%C6%B0%C6%A1ng_th%E1%BB%B1c_v%C3%A0_N%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p_Li%C3%AAn_H%E1%BB%A3p_Qu%E1%BB%91c) (FAO), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc ̣([UNESCO](https://vi.wikipedia.org/wiki/UNESCO)), [Ngân hàng Thế giới](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%A2n_h%C3%A0ng_Th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi) (WB) và [Tổ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c_Y_t%E1%BA%BF_Th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi) [chức Y tế Thế giới](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c_Y_t%E1%BA%BF_Th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi) (WHO).

# Vai trò của Liên hợp quốc

## Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế

* Góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945 đến nay.
* Ngăn chặn các cuộc xung đột; làm trung gian hòa giải các cuộc xung đột và khủng hoảng quốc tế tại nhiều khu vực trên thế giới; triển khai hoạt động giữ gìn hòa bình, tạo điều kiện để hòa bình được duy trì bền vững. Trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX, các hoạt động của Liên hợp quốc góp phần chấm dứt các cuộc xung đột tại một số điểm nóng trên thế giới như ở En Xan-va-đo, Goa-tê-ma-la, Mô-dăm-bích,...
* Triển khai các hoạt động gìn giữ hoà bình ở nhiều khu vực trên thế giới, từ năm 1948 đến nay, trên 70 Phái bộ gìn giữ hoà bình đã tham gia hoạt động để giúp chấm dứt xung đột, khôi phục hoà bình, hỗ trợ công cuộc tái thiết ở nhiều quốc gia thành viên. Năm 1988, Lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc được trao tặng Giải thưởng Nô-ben Hòa bình. Năm 2001, Tổ chức Liên hợp quốc và Tổng Thư kí Cô-phi Át-ta An nan được trao tặng Giải thưởng Nô-ben Hòa bình.

 Đây là đóng góp lớn nhất, tạo môi trường hoà bình, nến tảng quan trọng để phát triển.

* Xây dựng một hệ thống các công ước quốc tế về giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang tạo cơ sở pháp lí quốc tế để đấu tranh vì một thế giới hoà bình, chống vũ khí hạt nhân, Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân (1968), Công ước cấm vũ khí hạt nhân (2017),…

 Tạo khuôn khổ cho việc ngăn chặn, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân.

* Thúc đẩy quá trình phi thực dân hóa, thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, chấm dứt các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc => thúc đẩy phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, đưa các nước thuộc địa và phụ thuộc trở thành những quốc gia độc lập, có chủ quyển, góp phần gia tăng số lượng thành viên Liên hợp quốc lên 193 nước.

## Thúc đẩy phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống nhân dân

* Liên hợp quốc với hệ thống các cơ quan, tổ chức chuyên môn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính và thương mại quốc tế đạt được nhiều thành tựu nổi bật.

+ Các hoạt động của Liên hợp quốc hướng vào mục tiêu là đảm bảo sự phát triển hài hoà về các mặt kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế,... giữa các quốc gia. Từ năm 1960 Đại hội đồng Liên hợp quốc đề ra các chiến lược phát triển cho từng thập kỉ nhằm huy động hợp tác quốc tế cho các mục tiêu phát triển chung. Trên cơ sở đó, các nước thành viên xây dựng chiến lược phát triển phù hợp cho mỗi quốc gia, nhằm phát triển kinh tế, thương mại và nâng cao đời sống người dân.

 Việc phát triển và hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế là mục tiêu quan trọng được Liên hợp quốc chú trọng và xem đó là công cụ chủ yếu để phát triển kinh tế của các nước thành viên.

* Để nâng cao đời sống người dân, Liên hợp quốc thực hiện nhiều dự án, đặc biệt là ở các khu vực kém phát triển trên thế giới, góp phần hỗ trợ cho công tác xoá đói, giảm nghèo, chống biến đổi khí hậu, dịch bệnh,... ở nhiều khu vực trên thế giới.

+ Có nhiều chương trình, dự án hỗ trợ các nước về vốn, tri thức, nhân lực để phát triển kinh tế, cải thiện, nâng cao đời sống của người dân và hỗ trợ cho công tác xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt là ở các nước đang phát triển

+ Liên hợp quốc cũng góp phần quan trọng trong các hoạt động chống biến đổi khí hậu, dịch bệnh,…ở nhiều khu vực trên thế giới.

* Năm 2015, Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, đặt ra 17 mục tiêu, hành động mang tính toàn cầu đến năm 2030.

*1. Xóa đói; 2. Xóa nghèo; 3. Cuộc sống khỏe mạnh; 4. Giáo dục chất lượng; 5. Bình đẳng giới; 6. Nước sạch và vệ sinh; 7. Năng lượng sạch và bền vững; 8. Việc làm phù hợp và tăng trưởng kinh tế; 9. Công nghệ, đổi mới và cơ sở hạ tầng; 10. Giảm bất bình đẳng; 11. Đô thị và cộng đồng bền vững; 12. Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm; 13. Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; 14. Tài nguyên nước; 15. Tài nguyên đất; 16. Hòa bình, công bằng và thể chế vững mạnh; 17. Hợp tác để hiện thực hóa các mục tiêu.*

## Bảo đảm quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội

* Về quyển con người, ngay từ khi thành lập, Liên hợp quốc đã nỗ lực thúc đẩy việc xây dựng và kí kết những văn bản, điểu ước quốc tế quan trọng nhằm đảm bảo quyển cơ bản của con người, xây dựng một thế giới an toàn, công bằng hơn và cơ hội phát triển văn hoá, xã hội cho tất cả mọi người.

+ Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền, khẳng định những quyền cơ bản của con người.

+ Nỗ lực thúc đẩy việc xây dựng và kí kết những văn bản, điều ước quốc tế quan trọng nhằm bảo đảm quyền cơ bản của con người (đặc biệt là quyền đối với phụ nữ), xây dựng một thế giới an toàn hơn, công bằng hơn và tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người.

+ Tại Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỉ năm 2000, Liên hợp quốc đã đề ra Mục tiêu phát triển thiên niên kỉ nhằm xoá bỏ đói nghèo; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học; tăng cường bình đẳng giới và vị thế, năng lực của phụ nữ; giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ em; cải thiện sức khoẻ bà mẹ; phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác; bảo đảm bền vững môi trường,…

* Về phát triển văn hoá, xã hội, các cơ quan và tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc tiến hành nghiên cứu, đề xuất các kiến nghị với mục đích thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hoá, xã hội, giáo dục, bảo vệ sức khoẻ,... cho người dân không phân biệt màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo.

+ Các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc như Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO), Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO),... đã góp phần thắt chặt sự hợp tác về giáo dục, khoa học, văn hoá, xã hội giữa các quốc gia thành viên, đảm bảo nhu cầu của người dân.

+ Các quỹ, chương trình của Liên hợp quốc như Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP),... đã thúc đẩy giải quyết các vấn đề thách thức toàn cầu, chú trọng các vấn đề giáo dục, nhân đạo,...

+ Các quỹ tài trợ cho giáo dục được phát triển, Qũy giáo dục không thể chờ đợi (Education Cannot Wait),…

3.Tính chất, vai trò và hạn chế của Liên hợp quốc trong quan hệ quốc tế

## Tính chất của Liên hợp quốc

* Mang tính chất dân chủ.
* Mối quan hệ giữa các quốc gia mang tính bình đẳng, công bằng.

## Vai trò của Liên Hợp Quốc trong trật tự 2 cực Yalta (1945 - 1991)

* Liên Hợp Quốc là tổ chức liên quốc gia lớn nhất, rộng rãi nhất. Bao gồm đại đa số quốc gia trên thế giới nên đây là diễn đàn rộng lớn để các thành viên hợp tác, đấu tranh trong việc giải quyết những vấn đề trọng đại của thế giới và khu vực.

→Trong quan hệ quốc tế, Liên Hợp Quốc đóng vai trò là một trong những chủ thể chính cấu thành nên trật tự thế giới, trong đó, đặc biệt là ảnh hưởng của nó đến trật tự hai cực Yalta. Trong tổ chức thì Liên xô là trụ cột XHCN đấu tranh cho bảo vệ lợi ích và hòa bình. Ngăn chặn không cho cường quốc nào khống chế LHQ=> LHQ là sân đấu của Liên Xô- Mĩ.

→ Các đối tượng tham gia vào quan hệ quốc tế nhiều hơn, cộng đồng quốc tế được mở rộng. Các dân tộc thoát khỏi sự áp bức của chủ nghĩa thực dân cũ, lần đầu tiên bước lên vũ đạo chính trị quốc tế, có tư cách ngang hàng đối với các nước lớn

Theo Hiến chương LHQ, các quốc gia đã trao cho Tổ chức này vai trò là trung tâm điều hòa các nỗ lực quốc tế để thực hiện các mục tiêu chung là duy trì hòa bình và an ninh quốc tế; thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia; thúc đẩy hợp tác giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế, xã hội, văn hóa, nhân đạo trên cơ sở tôn trọng các quyền và phẩm giá con người.

## Tác động của Liên hợp quốc tới quan hệ quốc tế

* Liên hợp quốc là tổ chức đa phương toàn cầu đầu tiên có những hoạt động thực chất và đã có nhiều cố gắng trong việc phối hợp và điều tiết các mối quan hệ giữa các quốc gia độc lập có chủ quyền trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền bình đẳng của các quốc gia.
* Phản ánh sự dàn xếp và cân bằng quyền lực giữa các cường quốc thắng trận:

+ Thực tế này được thể hiện trong cơ chế hoạt động của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc - cơ quan chấp hành có thực quyền nhất của Liên hợp quốc và đảm nhiệm trách nhiệm hàng đầu của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

+ Chỉ các quyết định của HĐBA mới có tính cưỡng chế thực hiện.

+ Để bảo đảm lợi ích và thu hút sự tham gia của cho các cường quốc, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là cơ quan duy nhất dành cho 5 cường quốc quyền phủ quyết (veto) khi thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng. Quyền hạn của Hội đồng Bảo an tập trung vào hai lĩnh vực hoạt động chính là giải quyết hoà bình các tranh chấp quốc tế và tiến hành các biện pháp cưỡng chế.

* Tổ chức Liên hợp quốc ra đời thực sự có ý nghĩa to lớn trong đời sống chính trị quốc tế, đây là sự kiện quan trọng đánh dấu sự xuất hiện của các hoạt động ngoại giao đa phương hiện đại, một bước ngoặt quyết định trong lịch sử phát triển của nền ngoại giao đa phương nói chung.

## Hạn chế của Liên hợp quốc

* Hoạt động tê liệt trong thời kì Chiến tranh lạnh kéo dài 40 năm.
* Trên thực tế, do tương quan lực lượng, cơ chế tổ chức mà nhiều vấn đề do Liên hợp quốc quyết định trong một thời gian dài (quyền phủ quyết của Hội đồng Bảo an) bị Mỹ chi phối, Liên hợp quốc đã thông qua những quyết định sai trái (tham chiến ở Triều Tiên, chống Việt Nam, vấn đề Irắc, Nam Tư, Campuchia…).

+ Chưa thể hiện rõ vai trò trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng, nhiều vấn đề chưa được giải quyết triệt để như vấn đề Trung Đông, giải trừ vũ khí hạt nhân, phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa khủng bố.

+ Thực tế cho thấy trong nhiều vấn đề, nhiều sự kiện, Liên hợp quốc không thể hiện được vai trò của mình hoặc có thể nói Liên hợp quốc chưa làm tròn sứ mệnh của mình. Các siêu cường vẫn có vai trò lớn và nhiều khi giữ vai trò quyết định trong quá trình ra quyết định của Liên hợp quốc, đặc biệt là cơ cấu và cơ chế hoạt động của Hội đồng Bảo an, Hiến chương Liên hợp quốc và các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc.

# Những thách thức chính Liên hợp quốc đang gặp phải

* **Thách thức đối với uy tín của tổ chức**:

Cuộc chiến ở Nam Tư năm 1999 và cuộc chiến Iraq năm 2003 phần nào cho thấy sự bất lực của Liên hợp quốc trong vai trò giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế. Những hành động đơn phương của một số nước, phớt lờ những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc đã làm cho vai trò của tổ chức này bị suy giảm nghiêm trọng. Bên cạnh đó, những bê bối liên quan đến chương trình “đổi dầu lấy lương thực” và những vụ việc lạm dụng tình dục và buôn bán trẻ em của một số lính gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc đã tác động tiêu cực đối với uy tín và hoạt động của tổ chức này.

# Thách thức trong thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế sau chiến tranh lạnh:

Môi trường quốc tế có sự đan xen giữa mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, phạm vi và sự liên quan của các mối đe dọa cũng ngày càng rộng và khó tách biệt. Đến nay, nhiều điểm nóng vẫn diễn biến phức tạp. Trong khi đó, vấn đề chạy đua vũ trang và phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, vấn đề an ninh phi truyền thống như hoạt động khủng bố, xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, chủ nghĩa ly khai, cực đoan... ngày càng gia tăng, đe dọa nghiêm trọng hòa bình và an ninh thế giới.

* **Hiệu quả hoạt động của Liên hợp quốc không như kỳ vọng:** do cùng lúc phải giải quyết nhiều cuộc khủng hoảng lớn; thiếu nguồn lực cần thiết (các nước lớn cắt giảm đóng góp) cho các hoạt động phát triển, trong khi các thách thức phải giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu ngày càng lớn, như đói nghèo, nợ, chênh lệch phát triển, suy thoái môi trường sống, bùng nổ dân số, các loại bệnh, dịch nguy hiểm, hoạt động tội phạm xuyên quốc gia... Với tư cách là tổ chức đa phương lớn nhất thế giới Liên hợp quốc cần phát huy vai trò trong việc giải quyết những thách thức đó nhằm thúc đẩy hòa bình, ổn định và phát triển tiến bộ trên toàn cầu.

=> Trước tình hình đó, việc cải tổ Liên hợp quốc một cách toàn diện và có hệ thống, phù hợp với bối cảnh quốc tế mới là một yêu cầu cấp thiết khách quan. Cho đến nay, các thành viên đều nhất trí là Liên hợp quốc cần được cải tổ nhằm tăng cường vai trò, hiệu quả và dân chủ hóa. Cải tổ Liên hợp quốc bao gồm ba nội dung chính, gồm cải tổ bộ máy Liên hợp quốc (Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng Kinh tế-Xã hội...); cải tổ Ban Thư ký và phương thức làm việc của Liên hợp quốc; cải tổ hệ thống phát triển Liên hợp quốc.

# Mối quan hệ giữa Liên hợp quốc với Việt Nam

## Đóng góp của Việt Nam

* Việt Nam là thành viên chính thức thứ 149 của Liên hiệp quốc ngày 20/9/1977.
* Việt Nam đã thực hiện Hiến chương của Liên hiệp quốc nghiêm chỉnh và luôn là một đối tác tin cậy, là thành viên tích cực và có nhiều đóng góp quan trọng vào thực hiện các sứ mệnh của LHQ, nhờ đó vị trí và vai trò của Việt Nam trong Liên hiệp quốc ngày càng được nâng cao.

+ Góp phần làm giảm căng thẳng và hỗ trợ giải quyết các vấn đề an ninh, hòa bình tại nhiều khu vực.

+ Việt Nam trở thành ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, nhiệm kỳ 2008 – 2009, 2020 – 2021: Việt Nam đã đề xuất nhiều sáng kiến, giải pháp cho các vấn đề toàn cầu như sáng kiến Ngày quốc tế phòng chống dịch bệnh 27/12,…

+ Cử quân đội tham gia lực lượng giữ gìn hòa bình Liên hợp quốc: Việt Nam đã cử 512 lượt sĩ quan quân đội và 4 lượt sĩ quan công an tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình LHQ tại châu Phi và tại trụ sở LHQ,…

* Việt Nam đề cao đối thoại và hợp tác, thúc đẩy tinh thần nhân văn, nhân ái, đặt con người vào trung tâm của phát triển, chia sẻ thành tựu, kinh nghiệm về bảo vệ các quyền cơ bản của con người, bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội.

## Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam

* Các chương trình, dự án của LHQ đã đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam, nhất là phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, chia sẻ kinh nghiệm phát triển trong nhiều lĩnh vực.

+ VN đã hoàn thành trước thời hạn 5 trong số 8 Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG), triển khai tốt sáng kiến “Thống nhất hành động” về cải tổ hệ thống phát triển LHQ,…

+ Trong đại dịch Covid-19 Việt Nam đã nhận được sự hỗ trợ to lớn về vaccine và thiết bị y tế của LHQ,…

* Giúp đỡ trên nhiều lĩnh vực, đảm bảo phát triển bền vững.
* Tăng cường khả năng hội nhập quốc tế.
* Nâng cao năng lực, thể chế luật pháp, cải cách hành chính.

 Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu phát triển quan trọng, được LHQ và cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

***Nhận xét:*** Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và LHQ đã góp phần quan trọng củng cố môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước, nâng cao vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế; Với phương châm chủ động, tích cực, chân thành, tin cậy và có trách nhiệm, Việt Nam tiếp tục nỗ lực hết sức mình đóng góp vào củng cố vai trò trung tâm của LHQ trong hệ thống quản trị toàn cầu.

* + .

**BÀI 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH**

**I. KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

1. **Quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta**
   1. **Quá trình hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta**

**\* Bối cảnh lịch sử**

* Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, nhiều vấn đề cấp bách được đặt ra cho các cường quốc trong khối Đồng minh chống phát xít:

+ Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.

+ Tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh.

+ Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

# \* Thời gian và thành phần tham dự

* Thời gian ngắn (từ ngày 4 đến 11 – 2 – 1945), tại I-an-ta (Liên Xô).
* Thành phần: với sự tham gia của lãnh đạo ba cường quốc là I. Xtalin (Liên Xô),

F. Rudơven (Mĩ) và Sớc-xin (Anh). Đây là ba quốc gia có vai trò quan trọng trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít.

# \* Những quyết định của Hội nghị Ianta

* Hội nghị quyết định về việc kết thúc chiến tranh, thống nhất tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức, quân phiệt Nhật Bản ; để nhanh chóng kết thúc chiến tranh sau khi chiến tranh ở châu Âu kết thúc từ 2 – 3 tháng, Liên Xô sẽ tham gia chiến tranh chống Nhật ở châu Á.
* Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hòa bình an ninh thế giới.
* Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

+ Ở châu Âu quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu ; quân đội Anh, Pháp Mĩ chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu. Vùng Đông Âu thuộc ảnh hưởng của Liên Xô, Tây Âu thuộc ảnh hưởng của Mĩ. Hai nước Áo và Phần Lan là những nước trung lập.

+ Ở châu Á, hội nghị chấp nhận những điều kiện để Liên Xô tham gia chiến tranh chống Nhật ở châu Á: giữ nguyên trạng và công nhận nền độc lập của Mông Cổ; trả lại cho Liên Xô những quyền lợi của đế chế Nga trước cuộc chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905) như trả lại cho Liên Xô miền Nam đảo Xakhalin, quốc tế hóa thương cảng Đại Liên (Trung Quốc), khôi phục việc Liên Xô thuê cảng Lữ Thuận (Trung Quốc) làm căn cứ hải quân; Liên Xô chiếm 4 đảo thuộc quần đảo Curin,... Sau khi Nhật Bản đầu hàng, quân đội Mĩ chiếm đóng Nhật Bản. Ở bán đảo Triều Tiên, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Bắc, quân đội Mĩ chiếm đóng miền Nam, lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới. Trung Quốc cần trở thành quốc gia thống nhất, dân chủ ; Chính phủ Trung Hoa Dân quốc cần cải tổ với sự tham gia của Đảng Cộng sản và các đảng phái dân chủ ; trả lại Trung Quốc vùng Mãn Châu, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ ; Mĩ và Liên Xô có quyền lợi ở Trung Quốc. Các khu vực còn lại của châu Á (Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á) thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

+ Theo thỏa thuận của Hội nghị Pốtđam (Đức, từ 17 – 7 đến 2 – 8 – 1945), việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương được giao cho quân đội Anh (từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam) và quân đội Trung Hoa Dân quốc (từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc). Hội nghị Pốt-xđam đã cụ thể hóa nhiều vấn đề về nước Đức, Nhật Bản, vấn đề kí các hòa ước với các nước phát xít chiến bại,… nhằm bổ sung và hoàn chỉnh những nghị quyết của Hội nghị I-an- ta để xây dựng một trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

# \* Tác động của Hội nghị Ianta

* Những quyết định của Hội nghị I-an-ta và những thỏa thuận sau đó của các cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới được hình thành sau Chiến tranh gọi là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
* Hội nghị I-an-ta đã góp phần nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai. Tuy vậy, hội nghị đã ảnh hưởng đến quá trình đấu tranh giành độc lập của các dân tộc trên thế giới và dẫn tới sự chia cắt đất nước của một số quốc gia sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
* Bước đầu đánh dấu sự tan rã của mối quan hệ đồng minh giữa Mỹ và Liên Xô.
* Có liên quan đến hòa bình và an ninh tế giới sau chiến tranh.
* Trật tự thế giới hai cực I-an-ta ra đời làm cho thế giới phân chia thành hai hệ thống đối lập. Một cực là Liên Xô đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa và một cực là Mĩ đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa làm cho tình hình thế giới luôn trong tình trạng đối đầu căng thẳng, gay gắt.

# Quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

1. **Cục diện chiến tranh lạnh (1947 – 1989)**

Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thế giới lâm vào tình trạng chiến tranh lạnh giữa hai siêu cường Liên Xô và Mĩ. Chiến tranh lạnh trở thành nhân tố chủ yếu chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX.

# Nguyên nhân dẫn đến cục diện Chiến tranh lạnh

* Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược của Liên Xô và Mỹ:

+ Liên Xô chủ trương duy trì hòa bình và an ninh thế giới ; bảo vệ thành quả của chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới.

+ Mỹ chủ trương chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.

* Mỹ lo ngại trước ảnh hưởng của Liên Xô, thắng lợi của cách mạng ở Đông Âu và Trung Quốc.
* Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới, nắm độc quyền về vũ khí nguyên tử nên tự cho mình quyền lãnh đạo thế giới.

# Những sự kiện dẫn đến Chiến tranh lạnh

## Về phía Mỹ:

+ Ngày 12 – 3 – 1947, thông điệp của Tổng thống Truman khẳng định: sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với Mỹ và đề nghị khẩn viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ để đàn áp phong trào cách mạng, biến hai nước này thành căn cứ tiền phương chống Liên Xô và Đông Âu ở phía nam => khởi đầu cho chiến tranh lạnh.

+ Tháng 6 – 1947, Mỹ đưa ra “Kế hoạch Mác-san” viện trợ cho các nước Tây Âu 17 tỷ USD để phục hồi nền kinh tế và lôi kéo các nước này vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu => tạo nên sự đối lập về kinh tế và chính trị giữa Tây Âu và Đông Âu.

+ Năm 1949, Mỹ và các nước phương Tây thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) – Liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.

## Về phía Liên Xô:

+ Tháng 1 – 1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) để hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau.

+ Tháng 5 – 1955, Tổ chức hiệp ước Vácsava – liên minh chính trị – quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu được thành lập.

# Hệ quả

* Sự ra đời của NATO và Tổ chức Vácsava đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe. Chiến tranh lạnh bao trùm khắp thế giới.
* Chấm dứt quan hệ đồng minh giữa Mỹ và Liên Xô, hai nước chuyển sang thế đối đầu căng thẳng.

# \*Chiến tranh lạnh

* Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột.
* Sự mâu thuẫn giữa Mỹ và Liên Xô thực chất là sự mâu thuẫn về ý thức hệ và hệ tư tưởng.
* Diễn ra trên tất cả các lĩnh vực ngoại trừ xung đột quân sự trực tiếp giữa Mỹ và Liên Xô.
* Là cuộc chiến tranh không tiếng súng nhưng làm cho thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng *“đu đưa trên miệng hố chiến tranh”.*
* Chiến tranh lạnh thực chất là cuộc chạy đua vũ trang giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, là cuộc chiến có quy mô lớn lôi kéo nhiều nước tham gia.
* Chiến tranh lạnh là cuộc chiến giằng co dai dẳng không phân thắng bại.
* Trong chiến tranh lạnh, các nước lớn vẫn giữ vai trò chi phối quan hệ quốc tế.

# Các cuộc chiến tranh cục bộ tiêu biểu

Trong thời kì chiến tranh lạnh, hầu như mọi cuộc chiến tranh hoặc xung đột ở các khu vực trên thế giới với hình thức và mức độ khác nhau đều liên quan tới sự đối đầu giữa hai cực Xô – Mỹ.

# Chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953)

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Triều Tiên tạm thời bị Liên Xô và Mỹ chiếm đóng (ranh giới là vĩ tuyến 38).

+ Năm 1948, hai nhà nước với hai chế độ chính trị khác nhau được thành lập do Mỹ và Liên Xô bảo trợ mỗi bên (Đại Hàn Dân quốc và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên).

+ Từ năm 1950 đến 1953, cuộc chiến tranh giữa hai miền nổ ra : miền Nam do Mỹ giúp sức, miền Bắc được Liên Xô và Trung Quốc chi viện.

=> Cuộc chiến là một sản phẩm của chiến tranh lạnh và là cuộc đụng đầu trực tiếp đầu tiên giữa hai phe.

# Cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp (1945 – 1954)

+ Từ năm 1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam và mở rộng xâm lược toàn Đông Dương (từ tháng 12 – 1946).

+ Từ năm 1950, cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp được Mỹ giúp đỡ, còn Việt Nam được sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.

=> Năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được kí kết đã phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai phe.

# Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ (1954 – 1975)

+ Trọng tâm của Mỹ trong Chiến lược toàn cầu thời kỳ 1954 – 1975 là ở Việt Nam nhằm tiêu diệt chủ nghĩa xã hội và ngăn chặn chủ nghĩa xã hội ảnh hưởng ở Đông Nam Á.

+ Việt Nam được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa đã nêu cao tinh thần dân tộc, ý chí quyết tâm thống nhất đất nước đã từng bước đánh bại các hành động xâm lược của Mỹ để giành thắng lợi hoàn toàn.

=> Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe.

Như vậy, tính gay gắt, quyết liệt, phức tạp của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đấu tranh giai cấp và đấu tranh giữa hai cực Xô – Mỹ và hai khối Đông – Tây biểu hiện rõ nét trong thời kì chiến tranh lạnh.

# \* Hệ quả của Chiến tranh lạnh

* Gây nên những tổn thất nặng nề cho các nước tham gia và các nước bị ảnh hưởng.
* Tạo nên những biến đổi to lớn của tình hình thế giới.
* Tác động đến cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật đặc biệt là trên lĩnh vực quân

sự.

# \* Chiến tranh lạnh kết thúc

- Tháng 12 – 1989, trong cuộc gặp gỡ không chính thức ở đảo Manta giữa Tổng

thống Mỹ G. Bu – sơ và Tổng thống Liên Xô M. Goóc – ba – chốp, hai nước Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

đoạn:

# Quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991, trải qua hai giai

* ***Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX:*** Trật tự hai cực
  1. an-ta xác lập và phát triển với sự đối đầu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, quân sự… giữa một bên là Mỹ đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và một bên là Liên Xô, đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa.
     + Trong giai đoạn này, Trật tự hai cực I-an-ta được định hình với sự thiết lập các khối kinh tế, quân sự đối đầu nhau. Về kinh tế tháng 6 – 1947, Mĩ thực hiện *“kế hoạch phục hưng châu Âu”* (Kế hoạch Mác-san) nhằm viện trợ kinh tế cho các nước Tây Âu phục hồi kinh tế ; Tháng 1 – 1949, Liên Xô và Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế nhằm tăng cường hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau. Về quân sự năm 1949, Mĩ và các nước phương Tây thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) ; tháng 5 – 1955, Liên Xô và Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
     + Quan hệ quốc tế giữa hai cực trở nên căng thẳng với việc Mỹ và Liên Xô tăng cường chạy đua vũ trang, thành lập các liên minh quân sự ở nhiều khu vực trên thế giới. Nhiều cuộc chiến tranh cục bộ (Triều Tiên (1950 – 1953), Đông Dương (1945 – 1954), Việt Nam (1954 – 1975), xung đột quân sự xảy ra nhiều nơi trên thế giới đều có sự hỗ trợ của hai siêu cường Liên Xô và Mĩ.
     + Tuy nhiên giai đoạn này, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt đầu rạn nứt trước tác động của tình hình thế giới. Thắng lợi của các mạng Trung Quốc năm 1949 và sự ra đời nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã làm “xói mòn” Trật tự thế giới hai cực I-an- ta ; tiếp đó thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc đã dẫn đến sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập làm thay đổi sâu sắc bản đồ chính trị thế giới ; sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản tạo ra những trung tâm kinh tế cạnh tranh trực tiếp với Mỹ, góp phần làm suy giảm vị trí và ảnh hưởng của Mỹ…
     + ***Giai đoạn từ những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991***: Trật tự hai cực I-an- ta suy yếu và đi đến sụp đổ.
     + Xu thế hòa hoãn Đông Tây bắt đầu vào những năm 70 khi Liên Xô và Mĩ đạt được những thỏa thuận bước đầu về hạn chế vũ khí chiến lược (SALT1), hệ thống phòng chống tên lửa (ABM), và tiến hành các cuộc gặp gỡ cấp cao đầu tiên.
     + Tháng 11 – 1972, Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được ký kết => làm giảm tình trạng căng thẳng ở nước Đức, góp phần làm giảm rõ rệt tình hình căng thẳng ở châu Âu.
     + Năm 1975, Mỹ và các nước châu Âu ký Định ước Henxinki bảo đảm an ninh ở châu Âu => Tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình và an ninh ở châu lục này.
     + Nửa sau những năm 80, Liên Xô và Mĩ đẩy mạnh đối thoại hợp tác với các cuộc gặp gỡ cấp cao và thỏa thuận với nhau về cắt giảm vũ khí chiến lược, hạn chế chạy đua vũ trang. Tháng 12 – 1989, trong cuộc gặp gỡ không chính thức ở đảo Manta, Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
     + Sự tan rã của Liên Xô và Đông Âu trong những năm 1989 – 1991 đã chính thức chấm dứt sự tồn tại của Trật tự hai cực I-an-ta.

# Nguyên nhân, tác động của sự sụp đổ Trật tự hai cực I-an-ta

1. **Nguyên nhân sụp đổ**

Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân:

* Sự đối đầu căng thẳng khiến cả hai nước Liên Xô và Mỹ đều bị tốn kém về tài chính, suy giảm thế mạnh kinh tế. Vì vậy, Liên Xô và Mỹ cần phải hạn chế chạy đua vũ trang, thoát khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình.
* Xu thế hòa hoãn Đông - Tây, toàn cầu hóa và ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp lần thứ ba đòi hỏi các phải tập trung sức mạnh để chiếm lĩnh, phát triển kinh tế và xây dựng sức mạnh tổng hợp.
* Các nước trên thế giới vươn lên nhanh chóng, thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực, đặc biệt là thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của các quốc gia độc lập đã góp phần phá vỡ khuôn khổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
* Sự vươn lên mạnh mẽ của Tây Âu, các nước công nghiệp mới (NICs)… làm thay đổi cán cân kinh tế thế giới tạo ra các trung tâm kinh tế cạnh tranh quyết liệt với Mỹ, trong khi sức mạnh kinh tế của Liên Xô bị suy giảm, khủng hoảng trầm trọng đã làm cho cán cân kinh tế thế giới thay đổi.
* Khủng hoảng kinh tế, xã hội, những sai lầm trong công cuộc cải tổ đã làm suy giảm sức mạnh, dẫn tới sự sụp đổ về mặt nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, cùng với đó là sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

## Tác động của sự sụp đổ trật tự hai cực I-an-ta

* Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã mở ra thời kì phát triển mới trong quan hệ quốc tế, thúc đẩy xu hướng phát triển mới đảm bảo lợi ích của các quốc gia dân tộc trong quan hệ quốc tê.
* Sự tan rã của Liên Xô làm thay đổi so sánh lực lượng với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ, Tuy nhiên, vai trò của các cường quốc khác, các trung tâm kinh tế, các tổ chức quốc tế và khu vực,… ngày càng tăng trong khi sức mạnh của Mĩ cũng suy giảm tương đối.
* Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã mở ra chiều hướng và điều kiện để giải quyết hòa bình, các cuộc tranh chấp, xung đột nhiều nơi trên thế giới: Ápghaníxtan, Namibia, Campuchia…
* Sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta dẫn tới sự hình thành trật tự thế giới mới theo xu thế đa cực.

# Tác động của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đến Việt Nam

* Những quyết định của các cường quốc tại Hội nghị Ianta, hội nghị Pôt-xđam đã có tác động lớn đến cách mạng Việt Nam. Cụ thể:

+ Hội nghị Ianta quy định: khu vực Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Hội nghị Pôt-xđam quy định: giao cho quân Anh và Trung Hoa Dân quốc vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật đã gây nhiều khó khăn, thách thức cho Việt Nam trong việc xây dựng vào bảo vệ chính quyền cách mạng sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.

* Dưới ảnh hưởng của Trật tự thế giới hai cực Ianta và Chiến tranh lạnh, Việt Nam đã trở thành “nơi đụng đầu” lịch sử giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ở khu vực Đông Nam Á. Điều này được thể hiện thông qua:

+ Chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp (1945 – 1954)

+ Chiến tranh xâm lược Việt Nam của để quốc Mỹ (1954 – 1975), ...

* Khi trật tự thế giới hai cực Ianta sụp đổ, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước và đã đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc đổi mới đất nước.

**BÀI 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

* + - **Các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh**

*- Xu thế lấy phát triển kinh tế làm trung tâm:* kinh tế trở thành nhân tố quyết định sức mạnh tổng hợp của từng quốc gia, đồng thời đóng vai trò trung tâm trong quan hệ quốc tế.

+ Trong thời kì chiến tranh lạnh phương pháp quan hệ quốc tế đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu đã không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Liên Xô và Mĩ. Trong khi đó phương thức lấy hợp tác cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như Đức, Nhật Bản và NICs. Như vậy, sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia được quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học kĩ thuật.

+ Vì vậy, sau chiến tranh lạnh tất cả các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển và tập trung vào phát triển kinh tế. Kinh tế trở thành trọng điểm trong quan hệ quốc tế, cạnh tranh sức mạnh tổng hợp thay thế cho chạy đua vũ trang đã trở thành hình thức chủ yếu trong cuộc đọ sức giữa các cường quốc.

+ Các nước ngày càng nhận thức sâu sắc rằng, sức mạnh của mỗi quốc gia là dựa trên một nền sản xuất phồn vinh, một nền tài chính vững chắc và một nền công nghệ trình độ cao.

*- Xu thế toàn cầu hóa (đang diễn ra mạnh mẽ):*

+ Sự kết thúc của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh, cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học – công nghệ đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hóa.

+ Khái niệm: là quá trình gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc và khu vực trên phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa là hệ quả của cách mạng khoa học – công nghệ và là một xu thế khách quan không thể đảo ngược.

+ Biểu hiện: sự phát triển mạnh mẽ của thương mại quốc tế; sự mở rộng và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia; sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành tập đoàn lớn nhất là các công ty khoa học kĩ thuật nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường; sự ra đời của các tổ chức liên kết thương mại, tài chính quốc tế,...

*- Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế (hòa bình là chủ đạo):*

+ Nhu cầu ổn định để phát triển kinh tế, đặc biệt là xu thế toàn cầu hóa đã thúc đẩy xu thế đối thoại, cùng hợp tác.

+ Quan hệ giữa các nước được điều chỉnh theo hướng tăng cường đối thoại, giải quyết bất đồng và mâu thuẫn bằng thương lượng hòa bình, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác cùng có lợi. Sự điều chỉnh này là to lớn và sâu sắc. Xuất phát từ lợi ích chiến lược căn

bản của mình , các cường quốc đã điều chỉnh lại chính sách đối ngoại để tìm chỗ đứng tốt nhất, xây dựng khuôn khổ quan hệ mới ổn định lâu dài, xác lập các điều kiện quốc tế có lợi hơn tạo ra không khí quốc tế để xây dựng kinh tế. Trước những mâu thuẫn tranh chấp với nhau, các nước lớn đều tìm kiếm các biện pháp với xu hướng thông qua đối thoại, thỏa hiệp và tránh xung đột. Đặc điểm nổi bật trong các quan hệ điều chỉnh giữa các nước lớn là tính hai mặt. Sự khác nhau về ý thức hệ và chạy đua về lợi ích, tranh giành ảnh hưởng quyết định tính hai mặt trong chính sách đối ứng, quyết định sự tồn tại song song giữa hợp tác và cạnh tranh, giữa mâu thuẫn và hài hòa, tiếp xúc và kiềm chế…

+ Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi nhưng nhiều nơi trên thế giới lại xảy ra các cuộc xung đột, nội chiến kéo dài do mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo.

* *Xu thế đa cực* (thể hiện rõ từ đầu thế kỉ XXI) với sự xác lập trật tự thế giới mới nhiều cực, nhiều trung tâm trong quan hệ quốc tế.

# \*Tác động

* **Mặt tích cực:**

+ Các nước có điều kiện thuận lợi để tăng cường quan hệ hợp tác, phát triển đất nước để nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

+ Tận dụng động lực phát triển từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để chuyển đổi nền kinh tế, thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của đất nước.

+ Hội nhập vào nền kinh tế thế giới. tranh thủ được nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, áp dụng những thành tựu mới nhất của cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại.

+ Có cơ hội để học hỏi về kinh nghiệm và phương pháp quản lí kinh tế, thể chế pháp luật, các mô hình phát triển kinh tế…

+ Phát huy “sức mạnh mềm” của đất nước và gia tăng sức cạnh tranh về “sức mạnh mềm” trên trường quốc tế để nâng cao vị thế quốc gia, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước.

# Mặt hạn chế

+ Thách thức “chọn bên” sẽ gia tăng trong bối cảnh các nước lớn (Mĩ, Trung Quốc, Liên bang Nga, Đức,…) tăng cường cạnh tranh ảnh hưởng.

+ Nguy cơ đánh mắt mất bản sắc văn hóa dân tộc từ đó mất nền độc lập dân tộc.

+ Khi hội nhập vào nền kinh tế thế giới dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa làm tăng nguy cơ lệ thuộc kinh tế, từ đó dẫn đến lệ thuộc về chính trị và nền độc lập đan tộc bị xâm phạm.

+ Việt Nam cũng đối mặt nguy cơ tụt hậu và sự cạnh tranh quyết liệt khi tham gia hội nhập khu vực và quốc tế.

+ Các vấn đề an ninh phi truyền thống đe dọa đến ổn định trật tự xã hội và an ninh quốc gia, ví dụ như: tội phạm xuyên biên giới; biến đổi khí hậu; an ninh lương thực; an ninh năng lượng; an ninh mạng,…

# Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

* + - **Khái niệm đa cực:**
* Đa cực là khái niệm địa – chính trị toàn cầu với sự tham gia của nhiều quốc gia, nhiều trung tâm, trong đó không có quốc gia nào áp đảo quyền lực cũng như chi phối sự phát triển của thế giới, thay vào đó nhiều quốc gia tạo thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu.
* Khái niệm đa cực được dùng chủ yếu để chỉ trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh. Trong trật tự thế giới mới này các nước tăng cường sức mạnh tổng hợp để vươn lên khẳng định ảnh hưởng.

# Đặc điểm (Biểu hiện) của trật tự đa cực:

+ Sự gia tăng sức mạnh và tầm ảnh hưởng về kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc: Trung Quốc, Nga, Nhật, Ấn Độ và một số nước Liên minh châu Âu.

+ Sau khi Liên Xô sụp đổ Mĩ có sức mạnh vượt trội, ra sức thiết lập trật tự đơn cực, nhưng không thành. Mĩ suy giảm sức mạnh trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

+ Vai trò của các trung tâm kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ngày càng lớn: G7, G20, BRICS (các nước có nền kinh tế mới nổi), ASEM (diễn đàn hợp tác kinh tế Á

- ÂU), APEC (diễn đàn kinh tế châu Á Thái Bình Dương).

# \*Thời cơ và thách thức của các nước trong xu thế đa cực

**- Thời cơ:**

**+** Các nước vừa và nhỏ trong đó có Việt Nam sẽ trở thành đối tượng lôi kéo, tranh giành của các nước lớn trên thế giới, không những về chính trị mà còn về kinh tế. Vì vậy, nếu biết tận dụng thời cơ này để tăng cường quan hệ hợp tác trên cơ sở hòa bình, ổn định hợp tác và phát triển sẽ nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

+ Sự trỗi dậy nhanh chóng của các cường quốc nhất là Trung Quốc đem lại sự thay đổi mạnh mẽ trong việc tập hợp lực lượng. Các nước không còn chú trọng gắn kết với nhau theo ý thức hệ như trước, mà dựa trên những lợi ích đan xen về kinh tế, chính trị, an ninh với mục tiêu chính là phục vụ cho lợi ích quốc gia, dân tộc. Vì vậy, các nước nhỏ có thể đẩy mạnh quan hệ hợp tác với tất cả các cường quốc mà không bị lệ thuộc hoặc nghiêng hẳn về nước lớn nào.

+ Sự dính líu ngày càng sâu của các cường quốc trên thế giới vào các vấn đề khu vực đã mở ra thời cơ để các nước trong khu vực phát triển quan hệ với các cường quốc tạo ra môi trường quốc tế rất thuận lợi.

+ Các nước nhỏ có khả năng bảo vệ được quyền lợi của mình trong một trật tự thế giới đang hình thành, và trong cục diện thế giới, khu vực đầy biến động nếu có đường lối đối ngoại đúng đắn.

# - Thách thức

+ Tuy nhiên, cục diện thế giới theo xu thế “đa trung tâm” cũng như sự can dự của nhiều nước lớn đặt ra những thách thức đối với các nước vừa và nhỏ trong việc giữ

vững độc lập, tự chủ. Các nước lớn sẽ tìm cách tranh thủ, bành trướng thế lực bằng “quyền lực mềm”, buộc các nước lệ thuộc nhiều hơn thông qua các quan hệ kinh tế, đầu tư, thương mại, chuyển giao công nghệ, viện trợ, cho thuê lãnh thổ làm “đặc khu kinh tế”,... dẫn tới lệ thuộc về chính trị vào một “cực”, một “trung tâm” nhất định. Vì vậy, thách thức đặt ra cho các nước vừa và nhỏ là tránh nguy cơ bị phụ thuộc, nhất là phụ thuộc kinh tế vào một cường quốc.

+ Sự gia tăng sức mạnh nhanh chóng của các cường quốc nhất là trong lĩnh vực quân sự đặt ra sự lo ngại của các nước trên thế giới làm tăng nguy cơ chạy đua vũ trang mới buộc các nước phải dành một nguồn lực nhất định để xây dựng quân đội và bảo vệ Tổ quốc.

+ Các nước vừa và nhỏ là phải tạo thế “cân bằng” tương đối trong quan hệ với các nước lớn, không quá thiên về bất kỳ nước lớn nào để tránh nguy cơ trở thành nơi đối đầu với các cường quốc khác, hoặc hứng chịu xung đột vũ trang và chiến tranh.

+ Bên cạnh đó, việc phải tìm cách giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống (thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, an ninh nguồn nước...) tiếp tục đặt ra những thách thức đối với các nước những thách thức to lớn.

**CHỦ ĐỀ 2: ASEAN – NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ**

**BÀI 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)**

1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Quá trình hình thành và mục đích thành lập của tổ chức ASEAN

## Quá trình hình thành tổ chức ASEAN

* *ASEAN ra đời trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều chuyển biến quan trọng.*

## Trên thế giới:

* Sau CTTGII, xu hướng khu vực hóa xuất hiện và ngày càng trở nên phổ biến.
* Nhiều tổ chức khu vực được hình thành ở các châu lục và đã đạt được nhiều thành công trong hợp tác khu vực như: Tổ chức các nước Trung Mỹ (OCAS, 1951), Khối thị trường chung châu Âu (EEC, 1957) …

=> Là nguồn cổ vũ lớn đối với các nước Đông Nam Á.

## Trong khu vực:

* Các nước có nhu cầu hợp tác với nhau để cùng phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời tạo ra sức mạnh tập thể trong việc ứng phó với sự tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn trong bối cảnh Chiến tranh lạnh.
* Đầu những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực được thành lập nhưng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn do những bất đồng trong quan hệ song phương giữa các nước thành viên.

+ 1961, Hiệp hội Đông Nam Á (Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan)

+ 1963, MAPHILINDO (Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a)

+ 1966, ngoại trưởng 5 nước (In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan) thông qua dự thảo thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

* Các nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ sự cần thiết của việc hợp tác khu

vực.

=> Ngày 8/8/1967, Ngoại trưởng 5 nước Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo

và Thái Lan đã thông qua Tuyên bố ASEAN (còn gọi là Tuyên bố Băng Cốc) chính thức thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

## Mục đích thành lập của ASEAN:

* Trên cơ sở các văn kiện thành lập, tổ chức ASEAN ra đời hướng tới những mục đích sau:
  + - 1. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua hợp tác, hướng tới một Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.
      2. Thúc đẩy hoà bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia thành viên và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.
      3. Thúc đẩy hợp tác, tích cực giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kĩ thuật và hành chính

- Như vây, ASEAN được thành lập nhằm mục đích chính là:

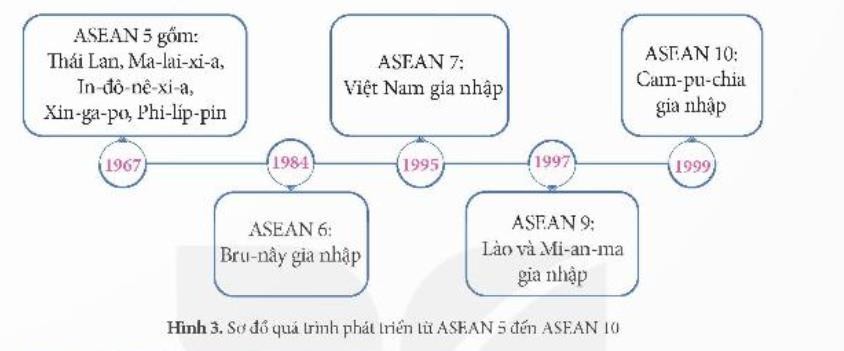
+ Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội, hướng đến thúc đẩy các nước thành viên phát triển và hội nhập với khu vực, thế giới.

+ Nỗ lực phát triển khu vực Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, tự do, thịnh vượng và tất cả các nước Đông Nam Á là thành viên của tổ chức.

# Quá trình phát triển của ASEAN

## Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

* Để thực hiện mục tiêu mở rộng thành viên ASEAN trở thành tổ chức bao gồm tất cả các quốc gia ĐNA, ASEAN phải trải qua quá trình lâu dài và đầy trở ngại (hơn 30 năm).
* Quá trình mở rộng thành viên ASEAN phù hợp với mong muốn, lợi ích của mỗi thành viên, đảm bảo hòa bình, ổn định của cả khu vực, đồng thời nâng cao vị thế của tổ chức trên trường quốc tế.
* Năm 1967, gồm 5 nước thành viên: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin- ga-po và Thái Lan.
* Năm 1984: gồm 6 thành viên, kết nạp thêm Brunây
* Năm 1995: gồm 7 thành viên, kết nạp thêm Việt Nam
* Năm 1997: gồm 9 thành viên, kết nạp thêm Lào và Mianma
* Năm 1999: gồm 10 thành viên, kết nạp thêm Campuchia



* Năm 1999, Ti-mo Lét-xtê giành được độc lập (tách ra khỏi In-đô-nê-xi-a), sau cuộc trưng cầu dân ý do Liên hợp quốc bảo trợ và trở thành quốc gia thứ 11 của khu vực.

+ Năm 2011, Ti-mo Lét-xtê nộp đơn xin gia nhập ASEAN.

+ Ngày 11 – 11 – 2022, tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 40, các nhà lãnh đạo của các nước ASEAN đã thống nhất về nguyên tắc kết nạp Ti-mo Lét-xtê là thành viên thứ 11 của ASEAN.

* + 1. ***Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (Từ năm 1967 đến nay)***

# - Giai đoạn 1967-1976:

+ Giai đoạn khởi đầu, xây dựng nền móng ban đầu, tạo tiền đề cho sự hợp tác ASEAN;

+ Tập trung vào hợp tác chính trị - an ninh, “xây dựng lòng tin và học cách hòa giải”.

+ Năm 1971, ra Tuyên bố về Khu vực Hòa bình, tự do và trung lập (ZOPFAN)

# - Giai đoạn 1976-1999:

+ Giai đoạn xây dựng quan hệ chính trị ổn định, tạo điều kiện hợp tác và phát triển kinh tế giữa các thành viên;

+ Mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10;

+ Từng bước nâng cao uy tín của ASEAN trên trường quốc tế, bước đầu mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại với bên ngoài.

* **Giai đoạn 1999-2015:** Giai đoạn hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối về chính trị - an ninh, kinh tế - thương mại và các lĩnh vực khác=> Khẳng định uy tín, vai trò của ASEAN.

+ Kí Hiệp đinh Khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN và thỏa thuận Khu vực Mậu dịch tự do (AFTA, 1992), thành lập Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF, 1994), Tuyên bố Bali II (2003), công bố Hiến chương ASEAN (2007)

* Giai đoạn từ 2015 đến nay:

+ Thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Văn hóa – Xã hội;

+ Đẩy mạnh hợp tác bên trong và bên ngoài ASEAN với các đối tác đối thoại, nâng cao uy tín, vai trò của ASEAN trong khu vực và trên thế giới.

+ Ra Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN (2015), thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 (2016), Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau 2025 (2020), …

# Vai trò:

* Là tổ chức hợp tác toàn diện và chặt chẽ của khu vực Đông Nam Á.
* Góp phần xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định cùng phát triển.
* Đạt được nhiều thành tựu to lớn, nền kinh tế các nước thành viên phát triển mạnh.
* Mở rộng quan hệ quốc tế và vị thế của ASEAN trên trường quốc tế ngày càng nâng cao.

**\* Mở rộng**: *Quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN:*

Quan hệ giữa Việt Nam và các nước ASEAN từ năm 1967 đến nay: có những lúc diễn ra phức tạp, có lúc hòa dịu, có lúc căng thẳng tùy theo sự biến động tình hình quốc tế và khu vực:

# - Giai đoạn 1967-1973

**+** Việt Nam hạn chế quan hệ với ASEAN vì đang tiến hành kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

+ Có thời gian Việt Nam đối lập với các nước ASEAN vì Thái Lan, Philippin tham gia khối quân sự SEATO và trở thành đồng minh của Mĩ.

# - Giai đoạn 1973-1978:

+ Sau hiệp định Pari, nước ta bắt đầu triển khai, đẩy mạnh quan hệ song phương với các nước ASEAN. Đặc biệt sau đại thắng mùa xuân năm 1975 vị trí của Việt Nam trong khu vực và thế giới ngày càng tăng.

+Tháng 2/1976 Việt Nam tham gia kí kết hiệp ước Bali, quan hệ với ASEAN đã được cải thiện bằng việc thiết lập quan hệ ngoại giao và có những chuyến viếng thăm lẫn nhau.

# - Giai đoạn 1978-1989:

+ Tháng 12/1978, Việt Nam đưa quân tình nguyện vào Campuchia giúp nhân dân nước này lật đổ chế độ diệt chủng Pônpốt.

+ Một số nước lớn đã can thiệp, kích động làm cho quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN trở lên căng thẳng.

* **Giai đoạn 1989 đến nay**: ASEAN đã chuyển từ chính sách đối đầu sang đối thoại, hợp tác với ba nước Đông Dương. ( Việt Nam, Lào, Campuchia)

+ Từ khi vấn đề Campuchia được giải quyết, Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại “Muốn làm bạn với tất cả các nước” quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN được cải thiện.

+ Năm 1988, thủ tướng Thái Lan kêu gọi: “Biến Đông Dương từ chiến trường thành thị trường”.

+ Năm 1990, Tổng thống In-đô-nê-xi-a là nguyên thủ quốc gia đầu tiên từ các nước ASEAN sang thăm chính thức Việt Nam. Đáp lại điều đó Phó chủ tịch Hồi đông Bộ trưởng Việt Nam là Đồng chí Võ Văn Kiệt đã có chuyến thăm chính thức In-đô-nê- xi-a, Thái Lan, Xin-ga-po.

* Tháng 7/ 1992, Việt Nam tham gia vào hiệp ước Bali đánh dấu bước phát triển quan trọng trong sự tăng cường hợp tác khu vực vì một “Đông Nam Á hòa bình, ổn định và phát triển”. Ngày 28/7/1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN, sự kiện này đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình hoà giải, hoà nhập và phát triển của Đông Nam Á. Từ đây, mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học kĩ thuật ngày càng được đẩy mạnh.

**=> Vận dụng:** *Đánh giá thời cơ và thách thức của Việt Nam khi gia nhập ASEAN.*

* Thời cơ:

+ Về kinh tế: thu hút vốn và kĩ thuật của các quốc gia tiên tiến trong khu vực, phát triển du lịch dịch vụ;

+ Về văn hóa - giáo dục: Được giao lưu, tăng cường hiểu biết giữa các nền văn hóa truyền thống độc đáo, tiếp cận nền giáo dục của các quốc gia tiên tiến;

+ Về an ninh - chính trị: chung tay giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu, đảm bảo ổn định chính trị của khu vực…

* Thách thức:

+ Chênh lệch về mức sống và sự tăng trưởng giữa các nước;

+ Khác biệt về chế độ chính trị;

+ Lai căng về văn hóa, dung nhập tệ nạn xã hội;

+ Cạnh tranh với các nước đã có nền kinh tế phát triển hơn...

=> Nguy cơ tụt hậu về kinh tế, mất bản sắc văn hóa dân tộc…

**BÀI 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC**

1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

* + 1. **Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN**

\* Năm 1967:

* Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN đã khơi nguồn từ khi ASEAN thành lập.
* Tuyên bố Băng Cốc đã nêu ra mục tiêu xây dựng một cộng đồng hòa bình và thịnh vượng ở Đông Nam Á.
* Ngày 8-8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), chính thức thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

\* Năm 1997:

* Nhân dịp kỉ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN, ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN được chính thức khẳng định tại Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a.
* Các nước thành viên cũng đã thông qua văn kiện mang tên Tầm nhìn ASEAN 2020. Đây là văn bản đầu tiên đề xuất ý tưởng xây dựng một Cộng đồng ASEAN có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử, gắn bó với nhau trong một bản sắc khu vực chung, cùng nhau giữ gìn hoà bình, hướng tới ổn định, tương trợ, hợp tác phát triển phồn vinh, tăng cường vị thế ASEAN trên trường quốc tế.

\* Năm 2003:

* Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 9 được tổ chức tại In-đô-nê-xi-a, ASEAN kí “Tuyên bố về sự Hòa hợp ASEAN II” (Tuyên bố Ba-li II), đặt nền móng cho sự hình thành Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị – An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội.

\* Năm 2007:

* Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 13 được tổ chức tại Xin-ga-po, ASEAN đã quyết định đẩy nhanh tiến trình liên kết nội khối dựa trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN, thống nhất mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

=> **Nhận xét:** Với việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, hợp tác về kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội giữa các nước thành viên sẽ được phát triển lên một nấc thang mới, đáp ứng nguyện vọng của các quốc gia thành viên về một khu vực Đông Nam Á gắn kết, hữu nghị và hợp tác.

# Mục tiêu

* Mục tiêu tổng quát: Xây dựng một cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế, có trách nhiệm về xã hội và hợp tác mở rộng với bên ngoài, hoạt động theo luật lệ và hướng tới người dân.
* Cộng đồng Asean được hình thành dựa trên 3 trụ cột: Cộng đồng chính trị - an ninh; Cộng đồng kinh tế, Cộng đồng Văn hóa - xã hội
* Làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, giữ vai trò trung tâm ở khu vực thông qua nhiều khuôn khổ và được lồng ghép vào hoạt động của từng trụ cột ASEAN.

=> Mục đích đảm bảo hòa bình, ổn định lâu dài và thịnh vượng chung trong khu

vực.

# Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

* ***Cơ sở:*** Trên **cơ sở** văn bản Tầm nhìn ASEAN 2020, các nước thành viên trải qua

một thập kỉ xây dựng mô hình và cơ sở pháp lí cho Cộng đồng ASEAN thông qua “Tuyên bố Ba-li II” (2003) và “Hiến chương ASEAN”(2007).

* + ***Kế hoạch:*** Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được thể hiện qua Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 – 2015) cùng với các hoạt động triển khai cụ thể trên ba nội dung: chính trị – an ninh, kinh tế, văn hóa – xã hội. Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN đã trình bày hơn 800 biện pháp và hoạt động cụ thể nhằm xây dựng ASEAN thành một cộng đồng gắn kết hơn về chính trị, hợp tác về kinh tế và có trách nhiệm xã hội với người dân.

## Biện pháp:

+ Từ 2009 – 2015, nhiều biện pháp tích cực đã được triển khai nhằm chuẩn bị cho sự xác lập của Cộng đồng ASEAN. Các chương trình hợp tác được thúc đẩy trong đó có Sáng kiến hội nhập ASEAN giai đoạn 2.

+ Ngày 22-11-2015, tại Ma-lai-xi-a, các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ, chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN.

+ Cộng đồng ASEAN có hiệu lực từ ngày 31-12-2015.

# Ba tru cột của Cộng đồng ASEAN

* + 1. **Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN (APSC)**
* Là khuôn khổ hợp tác chính trị – an ninh toàn diện nhằm mục tiêu xây dựng một môi trường hòa bình và an ninh ở khu vực Đông Nam Á, thông qua việc nâng cao hợp tác chính trị – an ninh trong khối ASEAN, kết hợp với các đối tác bên ngoài.
* APSC không tạo ra một khối phòng thủ chung mà dựa trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN là đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực, thúc đẩy hòa bình, ổn định và hợp tác khu vực.
* Nội dung:

+ Xây dựng một cộng đồng dựa trên các giá trị chuẩn mực chung.

+ Tạo dựng một khu vực gắn kết, hòa bình và tự cường.

+ Hướng tới một khu vực năng động và rộng mở với bên ngoài.

# Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)

* Là khuôn khổ hợp tác nhằm:

+ Xây dựng ASEAN thành một thị trường và một nền tảng sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề.

+ Xây dựng một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và cạnh tranh cao, phát triển kinh tế đồng đều, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về kinh tế – xã hội.

* AEC thúc đẩy chính sách cạnh tranh về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử,… hướng tới sự thịnh vượng chung của các quốc gia thành viên.
* Nội dung

+ Tạo ra 1 thị trường và cơ sở sản xuất chung, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề.

+ Xây dựng khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, năng động, phát triển đồng đều, hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu

# Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN (ASSC)

* Là khuôn khổ hợp tác hướng tới xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm và có trách nhiệm xã hội, nhằm xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tạo dựng bản sắc chung, xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hòa thuận và rộng mở, nơi cuộc sống và phúc lợi của người dân được nâng cao.
* Nội dung: Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng văn hóa – Xã hội ASEAN xác định 6 nội dung chính
* Cộng đồng Văn hóa – xã hội là một trụ cột quan trọng, gắn kết và tạo thuận lợi cho việc xây dựng hai trụ cột Kinh tế và Chính trị - an ninh.

=> **Nhận xét chung:** Trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN, trong đó Cộng đồng Kinh tế ASEAN được tiến hành xây dựng sớm nhất. Hiện nay, ASEAN đang chú trọng xây dựng thống nhất Cộng đồng Văn hóa – Xã hội.

# Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

* **Tầm nhìn ASEAN sau năm 2025**
* Tháng 11-2015, cùng với việc tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN, các nhà lãnh đạo đã thông qua văn kiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 nhằm thúc đẩy hợp tác, gắn kết trong Cộng đồng ASEAN.
* Tháng 11-2020, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 diễn ra tại Hà Nội đã thông qua văn kiện Tuyên bố Hà Nội về Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025, hướng tới thúc đẩy hợp tác và hội nhập ngày càng chặt chẽ hơn trên các trụ cột APSC, AEC, ASCC.

# Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN

* Những thách thức trong nội khối và từ bên ngoài:

+ Trong nội khối:

Về chính trị: Tình hình chính trị 1 số nước còn phức tạp, tồn tại 1 số mâu thuẫn trong quan hệ song phương. Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là khi ASEAN vận hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận.

Về kinh tế: Chênh lệch về thu nhập, trình độ phát triển..; sự tương đồng trong sản xuất 1 số ngành tạo ra sự cạnh tanh trong xuất khẩu…

+ Từ bên ngoài:

Thách thức an ninh đến từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, thay đổi cấu trúc địa – chính trị khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói riêng và toàn cầu nói chung

→ *Đây là thách thức lớn nhất mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt*.

Thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh,… đe dọa môi trường hòa bình, an ninh, ổn định để phát triển của Cộng đồng ASEAN.

* Triển vọng:

+ Là một tổ chức liên Chính phủ, tiếp tục phát huy đặc trưng “thống nhất trong đa dạng”, tạo dựng sự đoàn kết, tự cường, thích ứng hiệu quả trước những biến động phức tạp của thế giới và khu vực.

+ Cộng đồng ASEAN đang ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác và đạt được nhiều thành tựu về chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học, kĩ thuật,…; từng bước gắn kết các quốc gia Đông Nam Á để trở thành khu vực phát triển năng động, thịnh vượng mới của thế giới.

+ Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc té, ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, tham gia và đóng vai trò quan trọng tại nhiều diễn đàn lớn trên thế giới.

**ĐỀ 3**

**CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**(TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)**

**BÀI 6**

**CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945**

* 1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Bối cảnh lịch sử

\**Trên thế giới*:

* + - * Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 9-5-1945, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
      * Từ ngày 17-7-1945 đến ngày 2-8-1945, Hội nghị Pốt -xđam quyết định giao việc giải giáp vũ khí của quân phiệt Nhật Bản ở Đông Dương cho quân Trung Hoa Dân quốc ở khu vực phía Bắc vĩ tuyến 16, cho quân Anh ở khu vực phía Nam vĩ tuyến 16.
      * Đầu tháng 8-1945, quân Đồng minh dồn dập tấn công quân đội Nhật Bản ở châu Á - Thái Bình Dương. Ngày 6 và ngày 9-8-1945, Mỹ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-sa-ki của Nhật Bản. Cùng thời gian này, Hồng quân Liên Xô tấn công, tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc.
      * Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

\**Ở trong nước* :

* + - * Ngay sau khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. quân Nhật rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang, dao động. *Điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa đã đến.*
      * Đảng Cộng sản Đông Dương đã có sự chuẩn bị đầy đủ về đường lối và phương pháp đấu tranh. Lực lượng cách mạng được xây dựng và rèn luyện qua thực tiễn, đặc biệt là cao trào kháng Nhật cứu nước và khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3-1945 đến tháng 8 - 1945). Ở nhiều địa phương, quần chúng cách mạng đã sẵn sàng đứng lên khởi nghĩa khi thời cơ đến.
      * Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập *Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc*, 23 giờ cùng ngày, Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố *Quân lệnh số 1,* chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trên cả nước.
      * Từ ngày 14 đến ngày 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội đối ngoại sau khi giành được chính quyền.
      * Từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào, tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra *Uỷ ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

# Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945

* + - * Đến giữa tháng 8 – 1945, khí thế cách mạng đã sục sôi trong cả nước. Hưởng ứng lệnh Tổng khởi nghĩa, **quần chúng** khắp nơi đã **nổi dậy giành chính quyền**.
      * Từ ngày 14-8, một số cấp bộ Đảng và tổ chức Việt Minh căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương đã phát động nhân dân khởi nghĩa.
      * Chiều ngày 16-8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đường tiến về Hà Nội.
      * Ngày 18-8-1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị sớm nhất trong cả nước.
      * Khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã tác động lớn đến các địa phương khác, đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trên cả nước.
      * Tại Hà Nội, ngày 18-8, cờ đỏ sao vàng xuất hiện trên các đường phố chính. Ngày 19-8, hàng vạn người dân nội, ngoại thành xuống đường biểu dương lực lượng trên quy mô lớn. Lực lượng cách mạng lần lượt chiếm Phủ Khâm sai, Sở Cảnh sát, Sở Bưu điện, Trại Bảo an binh,... Tối ngày 19-8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi hoàn toàn.
      * Tại Huế, ngày 23-8, hàng vạn nhân dân biểu tình thị uy, chiếm các công sở giành chính quyền về tay nhân dân.
      * Ngày 25-8, sau khi chiếm được các cơ quan đầu não của chính quyền cũ như: Sở Mật thám, Sở Cảnh sát… nhân dân Sài Gòn và các vùng phụ cận đã tham gia vào cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức, chính quyền cách mạng ra mắt nhân dân. Khởi nghĩa ở Sài Gòn giành thắng lợi.
      * Các địa phương khác trong cả nước từ rừng núi tới nông thôn, thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa. Đến ngày 28-8, Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là những địa phương cuối cùng giành chính quyền.
      * Trong Cách mạng tháng Tám, trước áp lực và hoạt động khôn khéo của lực lượng cách mạng, quân Nhật ở Hà Nội và các địa phương án binh bất động, không can thiệp vào tiến trình khởi nghĩa. Nhờ đó, khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu.
      * Chiều ngày 30-8-1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Chế độ quân chủ Việt Nam hoàn toàn sụp đổ. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

# Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm

1. **Nguyên nhân thắng lợi**

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự kết hợp của những nguyên nhân chủ quan và khách quan.

# Nguyên nhân chủ quan:

* *Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối cách mạng đúng đắn* trên cơ sở vận dụng *sáng tạo* chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh Việt Nam. Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh đã linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo, chớp thời cơ, phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.
* *Truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam trong công cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do.* Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đoàn kết, vì vậy khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc thì toàn dân đã đoàn kết, đồng lòng đứng lên cứu nước.
* *Sự chủ động, linh hoạt của các cấp bộ Đảng và Mặt trận Việt Minh* trong quá trình chỉ đạo, tổ chức khởi nghĩa, phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.
* *Quá trình chuẩn bị và xây dựng lực lượng cho cách mạng giải phóng dân tộc lâu dài và chu đáo trong suốt 15 năm* (từ năm 1930), gắn liền với những bài học kinh nghiệm quý báu. Đảng Cộng sản Đông Dương đã có quá trình chuẩn bị liên tục trong suốt 15 năm. Lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng từng bước được xây dựng, củng cố; quần chúng được tập dượt đấu tranh.

# Nguyên nhân khách quan:

* Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít, đặc biệt là chiến thắng quân phiệt Nhật Bản, đã tạo ra thời cơ thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa, đồng thời củng cố niềm tin, cổ vũ tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

# Ý nghĩa lịch sử:

* **Đối với Việt Nam:**
* *Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự kiện lịch sử vĩ đại, mở ra bước ngoặt lớn của dân tộc*: kết thúc ách cai trị hơn 80 năm của thực dân Pháp và gần 5 năm của quân phiệt Nhật; chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ.
* Đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.
* *Cách mạng tháng Tám năm 1945* mở đầu kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước; giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.
* Thắng lợi của *Cách mạng tháng Tám năm 1945* đưa Đảng Cộng sản Đông Dương từ một đảng bí mật trở thành đảng cầm quyền, chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân; chuẩn bị điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

# \*Đối với thế giới:

* *Cách mạng tháng Tám năm 1945* đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
* *Cách mạng tháng Tám năm 1945* đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa, làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.
* *Cách mạng tháng Tám năm 1945* góp phần cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng, đồng thời có ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Lào và Cam-pu-chia.

# Bài học kinh nghiệm :

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

* *Bài học về sự lãnh đạo của Đảng:* Đảng là nhân tố quyết định đối với sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Do đó, cần phải có đường lối chiến lược đúng đắn và vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước.
* *Bài học về phát huy sức mạnh khối đoàn kết toàn dân:* Cần tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước rộng rãi trong một mặt trận dân tộc thống nhất, từ đó phát huy sức mạnh to lớn của các tầng lớp nhân dân và khối đoàn kết toàn dân tộc.
* *Bài học về xác định thời cơ, tạo và chớp thời cơ:* Cần xác định rõ thời cơ và giá trị của thời cơ; chủ động tạo thời cơ và nhanh chóng chớp thời cơ để hành động.
* *Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại:* Cần phát huy nội lực trong nước, đồng thời tận dụng những xu thế mới và điều kiện thuận lợi từ bên ngoài, kết hợp giữa nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan, trong đó nhân tố chủ quan giữ vai trò quyết định.

**ÀI 7**

**CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)**

Âu)

1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

**\* Thế giới:**

**- *Thuận lợi:*** Phong trào cách mạng trên thế giới đang phát triển mạnh mẽ:

+ Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành (Liên Xô, các nước DCND Đông

+ Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

+ Phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển ở các nước tư bản.

## - Khó khăn:

+ Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và tình trạng chiến tranh lạnh cũng

tác động to lớn đến tình hình Việt Nam, đặc biệt phe tư bản chủ nghĩa do Mĩ đứng đầu đang có âm mưu đàn áp phong trào cách mạng thế giới, trong đó có phong trào giải phóng dân tộc.

# \* Trong nước:

## -Thuận lợi:

+ Nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng những quyền lợi do chế độ mới mang lại nên đồng lòng ủng hộ cách mạng.

+ Cách mạng Việt Nam có Đảng dày dạn kinh nghiệm lãnh đạo, có lãnh tụ sáng suốt là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**- *Khó khăn:*** Cách mạng Việt Nam đứng trước những thử thách to lớn như:

***+*** *Ngoại xâm và nội phản:* nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động liên kết với nhau bao vây, chống phá từ nhiều phía:

* Quân đội các nước đế quốc dưới danh nghĩa Đồng minh kéo vào Việt Nam ( quân THDQ ở phía bắc vĩ tuyến 16, quân Anh ở phía Nam vĩ tuyến 16). Các thế lực này đều có những âm mưu riêng nhưng đều chống phá và gây nhiều khó khăn cho cách mạng.
* Trên đất nước ta vẫn còn khoảng 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp, có nhiều hành động chống phá cách mạng.
* Thực dân thành lập một đạo quân viễn chinh, đồng thời cử Đác-giăng-li-ơ làm Cao uỷ ở Đông Dương nhằm thực hiện dã tâm xâm lược Việt Nam một lần nữa.
* Các thế lực phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng ( Việt Quốc, Việt Cách…)

*+ Chính trị:*

* Nền độc lập của Việt Nam chưa được quốc gia nào công nhận.
* Chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng còn non trẻ.

*+ Kinh tế:*

* Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá.
* Nạn đói cũ chưa khắc phục được, nạn đói mới đã đe dọa

*+ Tài chính:* Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng.

*+ Văn hóa:*

* Di sản văn hoá lạc hậu của chế độ cũ rất nặng nề: hơn 90% dân số không biết chữ, tệ nạn xã hội còn phổ biến.

=> Cách mạng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

# Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ( 1945-1954)

1. **Kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (1945)**
   * **Âm mưu và hành động của TD Pháp:** ráo riết chuẩn bị về chính trị và quân sự để tái chiếm Việt Nam:

+ Ngày 2 – 9 – 1945, trong khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng “Ngày Độc lập”, quân Pháp đã bất ngờ xả súng vào đồng bào ta.

+ Đêm 22, rạng sáng 23 – 9 – 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban hành chính Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

# Diễn biến chính:

+ Trước tình hình đó, ngày 23 – 9 – 1945, Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ được thành lập. Quân dân Nam Bộ ra sức củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang và tổ chức chiến đấu nhằm kìm chân quân Pháp trong các thành phố, thị xã ở phía Nam vĩ tuyến 16.

+ Lực lượng vũ trang đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp vừa cập bến Sài Gòn, phá kho tang, phá nhà giam.

+ Nhân dân đấu tranh triệt phá nguồn tiếp tế của địch, dựng chướng ngại vật và chiến lũy trên đường phố. Các trường học, nhà may, hang buôn phải đóng cửa, tàu xe không được hoạt động, điện nước bị cắt,…

+ Quân Pháp bị bao vây và tấn công trong thành phố.

+ Đảng và Chính phủ đã huy động cả nước chi viện cho Nam Bộ. Các đơn vị “Nam tiến” được thành lập và khẩn trương lên đường vào Nam chiến đấu.

# Ý nghĩa:

+ Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ bước đầu làm thất bại âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp,

+ Tạo điều kiện để nhân dân Nam Bộ và cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp

# Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950).

* + **Âm mưu và hành động của Pháp:**
* *Âm mưu:*

Xâm lược trở lại Việt Nam

* *Hành động:*

+ Phá hoại Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), đẩy mạnh các hoạt động mở rộng chiến tranh.

**.** Mở các cuộc tiến công ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

**.** Tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn, đổ bộ lên Đà Nẵng (11/1946).

**.** Gây hấn ở Hà Nội: đánh chiếm trụ sở Bộ tài chính, gây thảm sát tại phố Hàng Bún, …

+ Ngày 18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi nắm quyền kiểm soát Thủ đô Hà Nội

 nếu không được đáp ứng, chậm nhất là sáng ngày 20/12/1946, quân Pháp sẽ hành động.

Âm mưu và hành động của thực dân Pháp đã đe dọa nghiêm trọng tới độc lập, chủ quyền của Việt Nam, đặt nhân dân Việt Nam trước hai sự lựa chọn: hoặc đánh Pháp, hoặc đầu hàng Pháp.

# Chủ trương của Đảng cộng sản Đông Dương:

* Ngày 12/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị Toàn dân kháng chiến.
* Ngày 18 và 19/12/1946, Hội nghị bất thường Ban thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương mở rộng đã quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc.
* Tối ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, phát động nhân dân cả nước kháng chiến chống Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Ý nghĩa:

* Là quyết định đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng độc lập của nhân dân.
* Đề ra đúng lúc, đúng thời điểm khi khả năng đấu tranh hòa bình không còn nữa.
* Thể hiện tính chủ động của Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước những âm mưu và hành động của kẻ thù.

# Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng

* *Các văn kiện hợp thành:*

+ Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/12/1946): Đảng đã kịp thời đề ra chủ trương đối phó và quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành kháng chiến

+ “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946): Văn kiện khẳng định sự nhân nhượng của Việt Nam với thực dân Pháp đã đến giới hạn cuối cùng. Đồng thời khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân Việt Nam quyết tâm kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc.

+ Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh (tháng 9/1947): thể hiện tương đối đầy đủ nội dung đường lối kháng chiến chống Pháp

* *Nội dung đường lối:*

+ Mục đích: đánh đuổi thực dân Pháp, bảo vệ độc lập dân tộc.

+ Tính chất: dân tộc, dân chủ mới và tính chính nghĩa.

* Phương châm: toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phương châm | Biểu hiện | Cơ sở hình thành |
| Kháng chiến toàn dân | Toàn dân tham gia kháng chiến, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, đánh giặc theo khẩu hiệu “mỗi người dân là một chiến sĩ”, mỗi làng xã là một pháo đài. | * Truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc. * Lí luận Mác – Lênin về vai trò của quần chúng với cách mạng, tư tưởng “chiến tranh nhân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. * Tương quan lực lượng không có lợi cho Việt Nam. * Kháng chiến toàn dân mới có thể thực   hiện được kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh. |
| Kháng chiến toàn diện | Đánh giặc trên tất cả các mặt trận từ: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến quân sự, ngoại giao, … | * Pháp xâm lược Việt Nam, tấn công lực lượng cách mạng trên tất cả các mặt trận. * Nhân dân Việt Nam vừa “kháng chiến” chống Pháp xâm lược, vừa “kiến quốc” – xây dựng chế độ mới. * Tiến hành kháng chiến toàn diện mới   tạo điều kiện cho toàn dân tham gia kháng chiến theo khả năng. |
| Kháng chiến trường kì | Kháng chiến lâu dài; vừa đánh địch, vừa bồi dưỡng sức dân, phát triển lực lượng. | * Truyền thông đánh giặc giữ nước của dân tộc. * Chống lại chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp. * Tương quan lực lượng quá chệnh lệch    Việt Nam cần có thời gian để chuyển hóa lực lượng. |
| Tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế | Coi trọng sự giúp đỡ của quốc tế song vẫn nhấn mạnh chiến đấu dựa vào sức mình là chính. | * Lí luận Mác – Lênin về mối quan hệ giữa các điều kiện khách quan và chủ quan. * Muốn kháng chiến lâu dài thì phải tự   lực cánh sinh. |

Ý nghĩa:

* Đường lối đúng đắn, sáng tạo; tạo điều kiện để phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc.
* Là ngọn cờ cổ vũ, dẫn dắt cả dân tộc Việt Nam đứng lên kháng chiến, bảo vệ độc lập dân tộc.
* Là xuất phát điểm cho mọi thắng lợi của cuộc kháng chiến.

# Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

## Bối cảnh lịch sử:

+ Thực dân Pháp đẩy mạnh các hoạt động mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam.

+ Âm mưu và hành động của Pháp đe dọa nghiêm trọng nền độc lập, chủ quyền của nhân dân Việt Nam  19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, phát động nhân dân đứng lên kháng chiến, bảo vệ nền độc lập.

+ Thực dân Pháp tập trung lực lượng tại Hà Nội, âm mưu đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của Việt Nam.

## Mục tiêu của Đảng:

+ Chặn đứng âm mưu đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của thực dân Pháp.

+ Giam cầm địch trong thành phố để hậu phương có thêm thời gian và điều kiện để kịp thời huy động lực lượng kháng chiến.

## Diễn biến chính:

+ Tại Hà Nội:

* Khoảng 20 giờ ngày 19/12/1946, công nhân nhà máy điện Yên Phụ phá máy, làm cho cả thành phố bị mất điện  tín hiệu mở đầu cho cuộc chiến đấu.
* Vệ quốc quân, tự vệ chiến đấu … tiến công các vị trí quân Pháp. Nhân dân chống Pháp dưới nhiều hình thức: dựng chướng ngại vật, bất hợp tác, …
* Trung đoàn thủ đô được thành lập, đánh địch quyết liệt ở Bắc Bộ Phủ, chợ Đồng Xuân. Sau hai tháng chiến đầu ngày 17/2/1947, Trung đoàn rút về hậu phương chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

+ Quân dân các đô thị ở phía Bắc vĩ tuyến 16 kiên cường chiến đấu, gây nhiều khó khăn cho địch: vây hãm địch trong thành phố Nam Định; buộc địch ở Vinh phải đầu hàng, …

## Kết quả và ý nghĩa:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giam chân địch trong các thành phố một thời gian

dài.

+ Tiêu hao, tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

+ Bước đầu làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh ” của thực dân Pháp.

+ Thể hiện nét độc đáo về nghệ thuật quân sự: chủ động tấn công, chủ động rút lui.

+ Tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.

# \* Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.

## Âm mưu và hành động của Pháp:

*+ Âm mưu:* Tháng 3/1947, Chính phủ Pháp cử Bô-la-e sang làm cao ủy Pháp ở Đông Dương. Bô-la-e vạch ra kế hoạch tiến công Việt Bắc

* + Xóa bỏ căn cứ địa Việt Bắc, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ

lực.

* Khóa chặt biên giới Việt – Trung Quốc, ngăn chặn liên lạc giữa Việt Nam với

quốc tế.

* + Giành thắng lợi quân sự quyết định, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

*+ Hành động:*

Huy động 12000 quân và hầu hết máy bay tại Đông Dương tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc từ ngày 7/10/1947.

* + Binh đoàn quân dù đổ quân xuống đánh chiếm Chợ Mới, Bắc Kạn,…
  + Binh đoàn bộ binh bao vây Việt Bắc ở phía đông và phía bắc.
  + Binh đoàn hỗn hợp (bộ binh, linh thủy đánh bộ) bao vây Việt Bắc ở phía Tây.

## Diễn biến chính:

***+ Chủ trương của Đảng:***

* + Trung ương Đảng họp và ra chỉ thị “Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”.

## + Thắng lợi tiêu biểu:

* + Bao vây, tiêu diệt binh đoàn quân dù ở Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn,… buộc Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã (cuối tháng 11/1947).
  + Ở mặt trận hướng đông: chặn đánh địch trên Đường số 4, tiêu biểu là ở đèo Bông Lau (30/10/1947).
  + Ở mặt trận hướng tây: phục kích, đánh địch trên sông Lô, tiêu biểu là trận Đoan Hùng, Khe Lau,…

## + Kết quả, ý nghĩa:

* + *Kết quả:*
* Buộc đại bộ phận quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc (ngày 19/12/1947).
* Loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn quân địch, phá hủy, thu nhiều vũ khí.
  + *Ý nghĩa:*
* Bảo vệ được cơ quan đầu não kháng chiến, bộ đội chủ lực trưởng thành.
* Là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
* Làm thất bại hoan toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của giặc Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài.  Mốc khởi đầu sự thay đổi tương quan, so sánh lực lượng giữa Việt Nam và Pháp, theo hướng có lợi cho Việt Nam.
  + *Đặc điểm:*

-Về địa bàn: chiến trường rừng núi, gắn với căn cứ địa Việt Bắc.

* Về nghệ thuật chỉ đạo: có sự kết hợp chiến đấu giữa chiến trường chính và chiến trường phụ
* Về chiến thuật: đánh tiêu diệt, bao vây, phục kích, du kích chiến.

# Chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950.

* Hoàn cảnh: Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến của ta có thêm những thuận lợi và khó khăn mới:

+ Thuận lợi:

-Tháng 10/1949 cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.

* Đầu năm 1950, nhiều nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng tiến bộ trên thế giới đã đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam: Trung Quốc (18/1/1950); Liên Xô (30/1/1950) và một số nước xã hội chủ nghĩa khác…

+ Khó khăn: Cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Việt Nam có sự giúp sức của Mĩ. Chính phủ Pháp triển khai kế hoạch quân sự mới: Kế hoạch Rơ-ve

* Chủ trương của Đảng

+ Tháng 6-1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

* Diễn biến chính:

+ Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10/1950 ở khu vực biên giới Việt -Trung.

+ Mở đầu chiến dịch, quân ta tấn công cứ điểm Đông Khê, mai phục chặn đánh quân địch ở nhiều nơi trên đường số 4.

* Kết quả:

Sau hơn một tháng, chiến dịch kết thúc thắng lợi. Quân Pháp buộc phải rút khỏi Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê,... quân ta đã giải phóng được khu vực biên giới rộng lớn, bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc, làm phá sản kế hoạch Rơ -ve của Pháp.

* Ý nghĩa:
* Đường liên lạc của ta với quốc tế được khai thông.
* Bộ đội ta trưởng thành.
* Ta giành thế chủ động trên chiến trường chính, mở ra bước phát triển của cuộc kháng chiến.
* Nghệ thuật quân sự: Đánh điểm diệt viện.

# Buớc phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 -1953)

**PHÍA PHÁP:** Đẩy mạnh chiến tranh

* *Mĩ can thiệp sâu vào Đông Dương:*

Bước sang giai đoạn 1951 -1953, đế quốc Mĩ từng bước can thiệp vào Đông Dương thông qua các hiệp định:

+ Ngày 23/12/1950, Mĩ kí với Pháp *Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.* Thực chất, thực dân Pháp muốn dựa vào viện trợ của Mĩ để tìm cách xoay chuyển tình hình, giành lại thế chủ động trên chiến trường.

+ Tháng 9/1951, Mĩ kí với Bảo Đại *Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ* nhằm ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

 Sau những hiệp định này viện trợ của Mỹ chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong ngân sách Đông Dương:

*Năm 1950: 52 tỉ phrăng (chiếm 19% ngân sách).

*Năm 1954: 555 tỉ phrăng (chiếm 73% ngân sách).

* *Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi:*

+ Dựa vào viện trợ của Mĩ, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi với mong muốn kết thúc nhanh chiến tranh.

+ Tháng 12/1950, Chính phủ Pháp cử tướng Đờ Lát đơ Tátxinhi làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương và đề ra kế hoạch mới mong muốn kết thúc chiến tranh. Kế hoạch gồm 4 điểm chính:

*Gấp rút tập trung quân Âu - Phi nhằm xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đồng thời ra sức phát triển ngụy quân để xây dựng “quân đội quốc gia”.

*Xây dựng phòng tuyến công sự xi măng cốt sắt (boong ke), thành lập “vành đai trắng” bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ nhằm ngăn chặn chủ lực của ta và kiểm soát việc ta đưa nhân tài, vật lực ra vùng tự do.

*Tiến hành “chiến tranh tổng lực”, bình định vùng tạm chiến, vơ vét sức người, sức của của nhân dân ta để tăng cường lực lượng của chúng.

*Đánh phá hậu phương của ta bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp; kết hợp oanh tạc bằng phi pháo với chiến tranh tâm lí và chiến tranh kinh tế.

=> Kế hoạch này đã đưa cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương lên quy mô lớn, làm cho cuộc kháng chiến của ta gặp khó khăn phức tạp (nhất là vùng sau lưng địch). Nhưng ngay khi được đề ra, kế hoạch này đã hàm chứa yếu tố thất bại vì:

* Ra đời trong tình thế Pháp gặp khó khăn bị động.
* Pháp gặp mâu thuẫn giữa tập trung binh lực với mở rộng địa bàn chiếm đóng.

**PHÍA TA:**

* Trong những năm 1951-1953, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp có những bước phát triển mới trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự
* **Về chính trị:**

***Đại hội đại biểu lần thứ II (2/1951)**

* **Bối cảnh:**

+ Cuộc kháng chiến của ta giành được nhiều thắng lợi, nhất là thắng lợi của Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

+ Vào tháng 2.1951, Đại hội II của Đảng đã diễn ra tại Vinh Quang (Chiêm Hóa- Tuyên Quang).

* **Nội dung Đại hội:** Thông qua 2 báo cáo quan trọng

+ *Báo cáo chính trị*: do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng và khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.

+ *Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam:* do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày, nêu rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

+ Đại hội quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương, thành lập ở mỗi nước một Đảng Mác – Lê-nin riêng, có cương lĩnh phù hợp. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam, tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến kiến quốc.

+ Đại hội quyết định xuất bản báo Nhân dân làm cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng.

+ Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị. Hồ Chí Minh bầu là Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường Chinh bầu là Tổng Bí thư của Đảng.

* **Ý nghĩa:** Đại hội của Đảng đã:

+ Chứng tỏ sự trưởng thành và lớn mạnh của Đảng ta.

+ Củng cố mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng.

+ Củng cố niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến kiến quốc

* + “Đại hội kháng chiến thắng lợi”

*3/3/1951, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một mặt trận duy nhất, lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) do Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch.

*Cũng tháng 3/1951, một mặt trận chung được thành lập cho cả 3 nước Đông Dương: Liên minh nhân dân Việt -Miên -Lào, qua đó tăng cường khối đoàn kết ba nước trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

*Ngày 1/5/1952, diễn ra Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất đã biểu dương thành tích của phong trào thi đua yêu nước, chọn được 7 anh hùng.

# Về kinh tế:

* Năm 1952, Chính phủ mở cuộc vận động đẩy mạnh lao động sản xuất và tiết kiệm, được mọi ngành, mọi giới tham gia.

-> Các ngành kinh tế cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến và đời sống nhân dân.

* Tháng 12/1953, Quốc hội thông qua *Luật Cải cách ruộng đất* và quyết định tiến hành cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

# Văn hóa, giáo dục, y tế:

* Tiếp tục cuộc cải cách giáo dục từ năm 1950, phong trào bình dân học vụ tiếp tục diễn ra.
* Giới văn nghệ sĩ hăng hái thâm nhập vào mọi mặt của cuộc sống, của chiến đấu và sản xuất.
* Công tác chăm lo sức khỏe cộng đồng cũng được coi trọng.

# Về quân sự:

* Quân đội Việt Nam liên tiếp mở những chiến dịch tiến công, tiếp tục giữ vững quyền chủ động trên chiến trường.

+ Ba chiến dịch: Trần Hưng Đạo (trung du), Hoàng Hoa Thám (Đường số 18), Quang Trung (Hà-Nam-Ninh).

+ Chiến dịch Hòa Bình (đông-xuân 1951-1952).

+ Chiến dịch Tây Bắc (thu-đông năm 1952).

+ Chiến dịch Thượng Lào (xuân-hè năm 1953).

# Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 – 1954)

## Bối cảnh lịch sử:

+ Qua 8 năm tiến hành kháng chiến kiến quốc, lực lượng cách mạng của Việt Nam ngày càng lớn mạnh.

+ Thực dân Pháp thiệt hại ngày càng lớn, lâm vào thế bị động trên chiến trường.

+ Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

→ Tháng 7/1953, được sự thỏa thuận của Mĩ, thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Nava, hi vọng trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định, “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

## Nội dung kế hoạch Nava

* Bước 1:

+ Thời gian: từ thu – đông 1953 đến xuân năm 1954.

+ Kế hoạch:

* Phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ.
* Tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương.
* Bước 2:

+ Thời gian: từ thu – đông năm 1954.

+ Kế hoạch: Tiến công chiến lược Bắc Bộ, giành thắng lợi quân sự quyết định buộc Việt Nam phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho Pháp.

## Biện pháp thực hiện kế hoạch

* Xin Mĩ tăng thêm viện trợ quân sự (chiếm 73% chi phí chiến tranh ở Đông Dương).
* Tập trung 44/48 tiểu đoàn cơ động tại đồng bằng Bắc Bộ.
* Mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở vùng rừng núi, biên giới phía Bắc.
* Mở cuộc tiến công lớn vào vùng giáp giới Ninh Bình, Thanh Hóa, …

##  Nhận xét:

* Kế hoạch Nava ra đời trong thế thua, thế thất bại nhưng lại đặt ra những mục đích lớn và tham vọng lớn nhất.
* Điểm lớn về mặt chiến lược của kế hoạch Nava so với các kế hoạch quân sự trước đó vì Pháp muốn kết thúc chiến tranh để rút về nước.
* Bản chất của kế hoạch Nava là tập trung binh lực nhằm tiến công chiến lược, giành lại thế chủ động đã mất và kết thúc chiến tranh

# Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954

* *Chủ trương, kế hoạch của Đảng:*

+ Tháng 9/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và đề ra kế hoạch tác chiến trong đông – xuân 1953 – 1954.

+ Phương hướng chiến lược: tập trung lực lượng mở các cuộc tiến công lớn vào những hướng quan trọng mà địch tương đối yếu → buộc địch phải bị động phân tán lực lượng ra nhiều nơi.

+ Phương châm chiến lược: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”, “đánh ăn chắc, tiến ăn chắc”.

* *Diễn biến chính:*

+ Cuối năm 1953, ta giải phóng Lai Châu và uy hiếp Điện Biên Phú → Địch điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai.

+ Cuối năm 1953, liên quân Việt – Lào tiến công địch ở Trung Lào → Nava lại phải điều quân sang ứng cứu cho Xênô, biến Xênô là nơi tập trung binh lực thứ ba.

+ Đầu năm 1954, liên quân Việt – Lào tiến công Thượng Lào → Nava tăng cường chốt giữ Luông Phabang, biến nơi này thành nơi tập trung binh lực thứ tư.

+ Đầu năm 1954, ta tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên → Nava lại phải tăng viện binh cho Plâyku, biến Plâyku là nơi tập trung binh lực thứ năm.

+ Ở vùng sau lưng địch, chiến tranh du kích phát triển mạnh, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

* *Kết quả, ý nghĩa:*

+ Làm phá sản bước đầu Kế hoạch quân sự Nava, buộc quân chủ lực của địch phải bị động phân tán.

+ Giam chân quân Pháp tại miền rừng núi, gây nhiều bất lợi cho chúng.

+ Quân dân Việt Nam giành được quyền chủ động trên các chiến trường chính ở Đông Dương.

+ Chuẩn bị những điều kiện cho quân dân Việt Nam mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

# Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

* Chiến dịch Điện Biên Phủ là đỉnh cao của cuộc Tiến công chiến lược đông – xuân 1953 – 1954.
* Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất của quân dân Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp; là một trong những chiến công rực rỡ nhất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm.

## Âm mưu và hành động của Pháp – Mĩ

+ Âm mưu:

* Kế hoạch Nava bước đầu phá sản sau các cuộc tiến công của quân dân Việt Nam tỏng đông – xuân 1963- 1954 → Pháp và Mĩ quyết định biến Điện Biên Phủ trở thành trung tâm điểm của Kế hoạch Nava.
* Thu hút chủ lực của Việt Nam tới Điện Biên Phủ để tiêu diệt, tạo điều kiện cho Pháp bình định đồng bằng Bắc Bộ, đánh chiếm liên khu V.

+ Hành động: Xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.

## Chủ trương, sự chuẩn bị của Đảng và nhân dân

+ Chủ trương của Đảng: Đầu tháng 12/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

* Tiêu diệt lực lượng quân Pháp ở Điện Biên Phủ.
* Giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
* Giành được thắng lợi quân sự, tạo thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.

+ Sự chuẩn bị của Đảng, nhân dân

* Thành lập Bộ chỉ huy và Đảng ủy mặt trận do đồng chí Võ Nguyên Giáp là Chỉ huy trưởng, kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận.
* Huy động lực lượng lớn cho chiến dịch: tổng số quân là 55.000, hàng chục nghìn tấn vũ khí, lương thực, …

## Diễn biến chiến dịch

+ Đợt 1 (từ ngày 13/3 đến 17/3/1954):

Tiến công địch ở Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc, tiêu diệt cứ điểm Him Lam, Độc Lập.

+ Đợt 2 (từ ngày 30/3 đến 26/4/1954):

Tiến công và đánh chiếm các vị trí phòng thủ của phân khu Trung tâm, chiếm phần lớn các cứ điểm.

+ Đợt 3 (từ ngày 1/05 đến 7/5/1954):

Tiến công tiêu diệt các điểm đề kháng của địch ở phân khu Trung tâm và phân khu Nam. 17 giờ 30 phút ngày 7/5/1954, tướng Đờ Cátxtơri cùng toàn bộ Ban Tham mưu của địch bị bắt.

## Kết quả, ý nghĩa

+ Kết quả: Tiêu diệt, bắt sống toàn bộ quân Pháp tại Điện Biên Phủ, thu nhiều vũ

khí.

+ Ý nghĩa:

* Phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở thực lực cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam.
* Cổ vũ phong trào giải phòng dân tộc trên thế giới.

# Đặc điểm của chiến dịch Điện Biên Phủ:

* ***Quy mô:*** Là chiến dịch tấn công quân sự lớn nhất của lực lượng vũ trang trong kháng chiến chống Pháp; lực lượng quân đội Việt Nam đông hơn quân Pháp (lấy nhiều đánh ít).

## Phạm vi:

+ Có sự phối hợp giữa chiến trường chính và chiến trường phụ.

+ Có sự đoàn kết chiến đấu với quân dân Lào.

* ***Địa bàn:*** diễn ra chủ yếu ở vùng rừng núi nên công tác tiếp tế cho chiến dịch gặp nhiều khó khăn.
* ***Thời gian:*** diễn ra dài hơn so với các chiến dịch khác, trải qua nhiều đợt tấn công quyết liệt.

## Khái quát nghệ thuật quân sự:

***+*** Chiến thuật “vây, lấn, tấn, diệt”; tác chiến hiệp đồng binh chủng.

+ Loại hình tác chiến tiêu biểu là đánh công kiên, đánh một loạt các trận công kiên có tính chết trận địa.

+ Cách đánh là tiến công tiêu diệt từng cụm cứ điểm của địch, đánh từ ngoài vào trong, bao vây chia cắt từng căn cứ, cắt đứt nguồn tiếp tế duy nhất bằng đường hàng không của Pháp rồi tổng công kích tiêu diệt toàn bộ cứ điểm

# Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

* 1. **Nguyên nhân thắng lợi**
* *Chủ quan:*

+ Sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối đúng đắn, sáng tạo. Đây là ***nhân tố quyết định*** thắng lợi của cuộc kháng chiến.

+ Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.

+ Tinh thần đoàn kết của toàn dân trong chiến đấu và sản xuất.

+ Hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt: Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng, lực lượng vũ trang 3 thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ) được xây dựng sớm và không ngừng lớn mạnh.

* *Khách quan*

+ Tinh thần đoàn kết chiến đấu của 3 nước Đông Dương.

+ Sự đồng tình, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân tiến bộ trên thế

giới.

# Ý nghĩa lịch sử.

## Trong nước:

* Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và sự thống trị của Pháp gần một thế kỷ.
* Bảo vệ và phát huy những thành quả của cuộc cách mạng tháng Tám.
* Miền Bắc được giải phóng, hoàn thành cuộc CM DTDCND chuyển sang CM XHCN, tạo cơ sở để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

## Quốc tế:

* Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược của CNTD.
* Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của CNĐQ.
* Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh.

# Bài học kinh nghiệm.

* Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.
* Phát huy tối đa sức mạnh và tinh thần đoàn kết của toàn dân tộc.
* Đánh giá đúng vai trò của hậu phương và không ngừng củng cố hậu phương về mọi mặt.
* Biết tranh thủ và vận dụng sự ủng hộ của bè bạn quốc tế.
* Phân hóa kẻ thù đề chĩa mũi nhọn vào kẻ thù nguy hiểm nhất, đấu tranh một cách kiên quyết và triệt để trong việc trấn áp kẻ thù.

#  Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc.

"Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới" (Hồ Chí Minh).

**BÀI 8: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)**

1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Bối cảnh lịch sử

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) diễn ra trong bối cảnh thế giới và trong nước có những biến đổi lớn.

# Thế giới

+ Hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới ngày càng lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học, kĩ thuật.

+ Chiến tranh lạnh và cục diện đối đầu Đông – Tây tiếp tục diễn ra ngày càng căng thẳng. Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp.

+ Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh.

# Trong nước

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền:

+ Miền Bắc: hoàn toàn giải phóng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo điều kiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng của cả nước.

+ Miền Nam: Mỹ thay thế Pháp dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á.

Do đó, sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước chưa hoàn thành. Nhân dân ta vừa phải hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế ở miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; vừa phải tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

# Các giai đoạn phát triển

* + 1. ***Giai đoạn 1954 - 1960***

# \* Miền Bắc:

**- 1954 – 1957:** Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh:

+ Trong hơn 2 năm (1954 – 1956), miền Bắc đã tiến hành 6 đợt giảm tô và 4 đợt cải cách ruộng đất. Khẩu hiệu “Người cày có ruộng” trở thành hiện thực, giai cấp địa chủ bị xoá bỏ, nông dân được giải phóng và trở thành người làm chủ nông thôn.

+ Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh được triển khai rộng rãi trong tất cả các ngành, các lĩnh vực.

**- 1958 – 1960:** Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội:

+ Việc cải tạo quan hệ sản xuất được thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế, khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

+ Phát triển các thành phần kinh tế quốc doanh là nhiệm vụ trọng tâm của công

cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội.

# => Ý nghĩa:

+ Bước đầu phát triển kinh tế - xã hội, làm cho cơ cấu kinh tế - xã hội miền Bắc thay đổi.

+ Tạo cơ sở cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn tiếp theo.

+ Nhằm xây dựng miền Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, là hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

# \* Miền Nam:

**- 1954 - 1958:** Đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

**+** Đấu tranh đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi tự do dân chủ, chống khủng bố, đàn áp.

+ Từ năm 1957, cuộc đấu tranh bước đầu chuyển sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

=> Lực lượng cách mạng từng bước phục hồi và phát triển.

* **1959 - 1960:** Phong trào Đồng khởi

+ Chủ trương của Đảng:

* + Tháng 1 – 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm.
  + Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang.

+ Diễn biến:

* Phong trào bắt đầu từ các cuộc nổi dậy lẻ tẻ của nhân dân ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận) vào tháng 2 – 1959, Trà Bồng (Quảng Ngãi) vào tháng 8 – 1959….
* Đến năm 1960, lan nhanh thành phong trào trên khắp Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Trung Trung Bộ, tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre vào tháng 1 – 1960.

+ Kết quả:

* Chính quyền tự quản của nhân dân được thành lập ở nhiều thôn, xã. Vùng giải phóng hình thành và ngày càng mở rộng, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên Khu V.
* Ngày 20 - 12 - 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời.

+ Ý nghĩa:

* Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
* Đánh dấu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam, chuyển từ **thế giữ gìn lực lượng**

sang **thế tiến công**.

* Thúc đẩy lực lượng vũ trang cách mạng phát triển.

## Giai đoạn 1961 – 1965

***\*Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9 – 1960)***

* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960) của Đảng đã chỉ rõ nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền, vai trò, vị trí và mối quan hệ của cách mạng hai miền:

# + Nhiệm vụ:

* + Miền Nam: Tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chống Mĩ và chính quyền tay sai Sài Gòn.
  + Miền Bắc: thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa.
  + Cả nước: Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình, thống nhất đất nước, đi lên CNXH.

**+ Quan hệ:** Cách mạng hai miền có mối quan hệ mật thiết, gắn bó, tác động lẫn nhau nhằm hoàn nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước.

# + Vai trò:

* + Miền Bắc có vai trò **quyết định nhất** đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
  + Miền Nam có vai trò **quyết định trực tiếp** đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

## Miền Bắc:

- Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965):

+ Mục đích: nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã

hội.

+ Nhiệm vụ: trọng tâm là phát triển công nghiệp, nông nghiệp, tiếp tục cải tạo xã

hội chủ nghĩa, tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh.

+ Kết quả:

* Bộ mặt xã hội miền Bắc thay đổi. Sức mạnh của hậu phương miền Bắc được tăng cường.
* Hoạt động chi viện cho tiền tuyến miền Nam được đẩy mạnh.

# *Miền Nam:* chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ(1961 – 1965)

## Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961 – 1965)

* **Hoàn cảnh:** sau thất bại của hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai độc tài Ngô Đình Diệm thất bại, Mỹ thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965).
* **Khái niệm:** *“Chiến tranh đặc biệt”* là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ nhằm chống lại các

lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

# Âm mưu:

+ Âm mưu chiến lược: chia cắt lâu dài Việt Nam.

+ Âm mưu cơ bản: “dùng người Việt đánh người Việt”.

# Thủ đoạn:

+ Đề ra kế hoạch Xta-lây Tay-lo bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

+ Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”, “ấp chiến lược” được coi là “xương sống” của “Chiến tranh đặc biệt”.

+ Sử dụng chiến thuật quân sự mới “trực thăng vận”, “thiết xa vận”.

+ Tăng viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn, tăng cố vấn và lực lượng quân đội Sài Gòn, Thành lập Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam (MACV).

+ Đề ra kế hoạch Giônxơn – Mác Namara, bình định có trọng điểm miền Nam trong 2 năm.

## Quân dân miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt”

* **Chủ trương:** Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam và Đảng lãnh đạo nhân dân ta kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy tấn công địch trên ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị), bằng ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận).

# Thắng lợi:

*+ Trên mặt trận chính trị:* Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ở các đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng phát triển mạnh. Các cuộc đấu tranh của học sinh

* sinh viên, tín đồ Phật giáo, “Đội quân tóc dài”,... đã góp phân đưa đến sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

*+ Trên mặt trận chống và phá “ấp chiến lược”:* Phong trào phá "ấp chiến lược" ở nông thôn diễn ra mạnh mẽ. Đến giữa năm 1965, “ấp chiến lược" - xương sống của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về cơ bản.

*+ Trên mặt trận quân sự:*

* + chiến thắng Ấp Bắc (1963) đã mở ra khả năng đánh bại chiến thuật “trực thăng vận, thiết xa vận”, chứng minh khả năng quân dân Việt Nam có thể đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Sau chiến thắng Ấp Bắc, một phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” dấy lên khắp miền Nam.
  + Trong những năm 1964 – 1965, những thắng lợi về quân sự đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.
    1. ***Giai đoạn 1965 – 1968:***

# *\* Miền Nam:* Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ

## Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965 – 1968)

* + **Hoàn cảnh:** tiến hành sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của

Mỹ.

* **Khái niệm:** *“Chiến tranh cục bộ”* là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân

mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

* **Âm mưu:** Mĩ giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy ta trở về thế phòng ngự, bị động.

# Thủ đoạn:

**+** Mở cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi).

+ Mở hai cuộc phản công chiến lược mùa khô bằng hàng loạt cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào vùng “Đất thánh Việt Cộng” nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não và lực lượng kháng chiến của ta.

+ Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất 1965.

* ***Quân dân miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ”***

# Thắng lợi:

**+ Trên mặt trận chính trị:**

* + - Ở thành thị, phong trào đấu tranh của công nhân, trí thức, học sinh, sinh viên,... đòi Mỹ rút quân về nước, đòi tự do, dân chủ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.
    - Vị thế và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

# + Trên mặt trận quân sự:

* + - Giành thắng lợi mở đầu ở Vạn Tường (18/8/1965), *mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”*.
    - Đập tan 2 cuộc phản công của quân Mỹ và đồng minh trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967.
    - Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân năm 1968, trọng tâm là ở các đô thị *đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải “phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.*

# + Trên mặt trận ngoại giao:

* + - Đấu tranh ngoại giao chính thức được nâng lên thành một mặt trận năm 1967.
    - Đàm phán chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện chính phủ Mỹ diễn ra tại Pa-ri năm 1968.

# Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương

* + Sau khi dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” (5 - 8 - 1964), từ năm 1965 Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh ra miền Bắc lần thứ nhất.
  + Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện

nghĩa vụ hậu phương lớn đối với miền Nam.

* + 1. **Giai đoạn 1969 – 1973**
* **Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”**
* **Chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ:**
* **Hoàn cảnh:** Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
  + **Khái niệm:** “Việt Nam hoá chiến tranh” loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới được tiến hành chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp về hoả lực, không quân, hậu cần của Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy.
  + **Âm mưu:** “dùng người Việt đánh người Việt”, mở rộng ra “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

# Thủ đoạn:

+ Rút dần quân Mỹ, tăng cường lực lượng cho quân đội Sài Gòn.

+ Hỗ trợ quân đội Sài Gòn mở các cuộc hành quân sang Cam-pu-chia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971).

+ Sử dụng thủ đoạn ngoại giao: thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô để hạn chế sự giúp đỡ của hai nước này đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

+ Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần hai.

* **Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”**
  + **Chiến thắng:**

**+ Mặt trận chính trị:**

* + - Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam ra đời (6 – 1969).
    - Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp, biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mỹ (4 – 1970).

# + Mặt trận quân sự:

* + - Phối hợp với quân dân Cam-pu-chia đánh bại cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia (1970).
    - Phối hợp với quân dân Lào đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 ở Đường 9 – Nam Lào (1971) giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.
    - Chiến dịch Cánh đồng Chum – Xiêng Khoảng thắng lợi (1972).
    - Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược năm 1972:

* Diễn biến: Ngày 30/3/1972 ta đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, sau đó phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam. Đến cuối tháng 6/1972: ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

* Ý nghĩa: Giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mỹ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa

nhận sự thất bại của “Việt Nam hóa chiến tranh”).

# + Mặt trận ngoại giao:

* + - Đàm phán bốn bên chính thứ diễn ra tại Pa-ri (25 - 1- 1969).
    - Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết (27 – 1 – 1973).

# Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và thực hiện nghĩa vụ hậu phương:

* Từ tháng 4 đến tháng 12 – 1972, Mỹ tiếp tục gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2 bằng không quân và hải quân.

+ Âm mưu: Phá tiềm lực kinh tế - quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn chỉ viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam; uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân Việt Nam; cứu nguy cho chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh".

+ Diễn biến:

* 16 – 4 – 1972, Níchxơn chính thức tiến hành cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần 2.
* Để hỗ trợ cho mưu đồ chính trị và ngoại giao mới, từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1992, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược hàng không bằng máy bay B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng nhằm giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta ký hiệp định có lợi cho Mĩ.

+ Kết quả: Quân dân miền Bắc đánh bại cuộc tập kích của Mĩ, làm nên trận: “Điện Biên Phủ trên không”. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng các hoạt động chống phá miền Bắc (15-01-1973) và ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

* Miền Bắc làm tròn nghĩa vụ hậu phương:

+ Đảm bảo tiếp nhận hàng viện trợ từ bên ngoài và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam, cả Lào và Campuchia.

+ Từ năm 1969 - 1971: Hàng chục vạn thanh niên nhập ngũ 60% vào miền Nam, Lào, Campuchia. Năm 1972, 22 vạn thanh niên nhập ngũ vào chiến trường Đông Dương.

# Giai đoạn 1973 - 1975

* **Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hậu phương:**

+ Khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội

* Đến năm 1974, về cơ bản miền Bắc đã khôi phục các cơ sở kinh tế, hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế.
* Cuối năm 1974, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp trên một số ngành, lĩnh vực đã đạt và vượt mức năm 1964 và năm 1971. Đời sống nhân dân ổn định.

+ Chi viện cho miền Nam, Lào, Cam-pu-chia

* Trong hai năm 1973 - 1974, miền Bắc đã đưa vào chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia gần 20 vạn bộ đội. Đầu năm 1975, miền Bắc chi viện thêm 57 000 bộ đội.
* Miền Bắc tăng cường chi viện vật chất kĩ thuật, bảo đảm đầy đủ nhu cầu cấp bách cho chiến trường miền Nam, đặc biệt là từ đầu năm 1975.

# \*Miền Nam: Đấu tranh chống địch “bình định lấn chiếm” tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn

* **Âm mưu và hành động mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn:** Sau Hiệp định Pa-ri, Mỹ rút quân về nước nhưng vẫn giữ lại hàng vạn cố vấn quân sự và tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ", liên tiếp mở các cuộc hành quân “bình định – lấn chiếm” vùng giải phóng của ta. Thực chất là tiếp tục chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh", phá hoại Hiệp định Pa-ri.

# Chủ trương của ta:

Tháng 7-1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 diễn ra và nêu rõ:

+ Kẻ thù của nhân dân Việt Nam là đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

+ Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.

+ Phương pháp cách mạng: Bạo lực cách mạng, nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

# Diễn biến:

+ Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng Lao động Việt Nam, từ cuối năm 1973, quân dân miền Nam kiên quyết đấu tranh chống bình định lấn chiếm, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng.

+ Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở chiến dịch Đường 14 – Phước Long và giành thắng lợi, giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.

=> Chiến thắng Phước Long (1 - 1975) cho thấy sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân Giải phóng, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế.

# Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

* + **Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam:**

+ Hoàn cảnh:

* + - Sau Hiệp định Pari Việt Nam (1973), so sánh tương quan giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng ở miền Nam Việt Nam có sự thay đổi theo hướng có lợi cho cách mạng.
    - Từ tháng 12-1974 đến tháng 1-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng, đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976.

+ Nội dung: Kế hoạch giải phóng đề ra là hai năm, song Bộ Chính trị nhấn mạnh:

* + - Nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ” và “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc

cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975",

* + - Tranh thủ thời cơ để tránh thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt các cơ sở kinh tế, công trình văn hóa,... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.
* **Diễn biến:** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra trong gần 2 tháng (thừu ngày 4 – 3 đến ngày 2 – 5) qua ba chiến dịch lớn: Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh.

# Chiến dịch Tây Nguyên (4 – 3  24 – 3 -1975)

+ Bộ Chính trị chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975 vì:

* + Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng nhất ở miền Nam.
  + Đây là nơi địch có sở hở trong chiến lược phòng ngự, địch ở Tây Nguyên bố phòng sơ hở, chú trọng Kon Tum, không chú ý phòng thủ Buôn Ma Thuột.
  + Là nơi ta có nhiều lợi thế: Địa hình thuận lợi cho việc mở chiến dịch tiến công lớn, có cơ sở hậu cần vững mạnh, đồng bào Tây Nguyên rất trung thành với cách mạng.

+ Diễn biến:

* + Sau khi đánh nghi binh ở Plâyku, Kon Tum, ngày 10 – 3 – 1975 ta tiến công và giải phóng Buôn Mê Thuột, địch phản công chiếm lại nhưng không thành.
  + Ngày 24-03-1975, ta giải phóng Tây Nguyên.

+ Ý nghĩa: Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ **tiến công chiến lược** ở Tây Nguyên phát triển thành **tổng tiến công chiến lược** trên toàn chiến trường miền Nam.

+ Nghệ thuật quân sự:

* + Nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch: Lựa chọn đúng địa bàn và chủ động tạo thời cơ chiến tranh.
  + Nghệ thuật quân sự trong chiến dịch: đánh nghi binh, lừa địch để đánh

địch.

# Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21 – 3  29 – 3 – 1975)

+ Trong khi chiến dịch Tây Nguyên tiếp diễn, Bộ Chính trị quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam, trước hết là chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.

+ Diễn biến:

* + Ngày 21/3: Bao vây địch trong thành phố Huế.
  + Ngày 25/3: Giải phóng Huế - Thừa Thiên, tiến tới giải phóng Tam Kỳ, Quảng Ngãi, uy hiếp và cô lập Đà Nẵng.
  + Ngày 29/3: Giải phóng Đà Nẵng, các tỉnh miền Trung và quần đảo Trường

Sa.

+ Ý nghĩa: Chiến thắng Huế - Đà Nẵng gây nên tâm lí tuyệt vọng trong chính quyền Sài Gòn, đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của nhân dân ta tiến lên một bước

mới với sức mạnh áp đảo.

# Chiến dịch Hồ Chí Minh (26 – 4  30 – 4 – 1975)

+ Bối cảnh: Sau thắng lợi của các đòn tiến công chiến lược ở Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhận định: “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam”; quyết định mở cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào Sài Gòn - Gia Định; nhấn mạnh: “Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất, giải phóng miền Nam trước mùa mưa”.

+ Phương châm: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng".

+ Diễn biến:

* + Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang.
  + 17 giờ ngày 26-4, năm cánh quân, với lực lượng 5 quân đoàn và tương đương quân đoàn, nhanh chóng vượt qua các tuyến phòng thủ vòng ngoài tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.
  + 11 giờ 30 phút, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.
  + Cùng thời gian trên, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại tiến công và nổi dậy, theo phương thức xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh. Đến ngày 2-5-1975, Châu Đốc là tỉnh cuối cùng ở miền Nam được giải phóng.

# Nguyên nhân thắng lợi

* **Nguyên nhân chủ quan**
* Sự lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
* Truyền thống yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền Nam, Bắc.
* Vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

# Nguyên nhân khách quan

* Tinh thần đoàn kết, sự phối hợp chiến đấu, giúp đỡ lẫn nhau của ba nước Đông Dương.
* Sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng tiến bộ, hoà bình, dân chủ và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc và Liên Xô.
* Phong trào nhân dân Mỹ và nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

# Ý nghĩa lịch sử

* Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.
* Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng đã chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân – đế quốc ở Việt Nam, trên cơ sở đó hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.
* Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã mở ra kỉ nguyên mới của Việt Nam: kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
* Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới, đồng thời là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân trên thế giới nửa sau thế kỉ XX.

**BÀI 9**

**ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 – 1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975

* 1. **Thế giới**
* Xu thế hoà hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra nhiều nơi trên thế giới.
* Quan hệ giữa các nước lớn ẩn chứa nhiều yếu tố phức tạp.

# Trong nước

* Đất nước bước vào thời kì độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
* Hậu quả của chiến tranh trên cả ước còn rất nặng nề, tình hình kinh tế - xã hội gặp rất nhiều khó khăn.
* Bị Mỹ bao vây, cấm vận.
* Quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc và Cam-pu-chia có nhiều dấu hiệu bất ổn, phức tạp.

# Diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975

* 1. **Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975 – 1979)**

## Hoàn cảnh:

* Sau khi lên nắm chính quyền (4-1975), tập đoàn Pôn Pốt – Iêng Xa-ri – Khiêu Xăm Phon, đại diện cho phái “Khơ-me Đỏ” ở Cam-pu-chia, đã phát động chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam của Việt Nam.
* Từ tháng 5-1975, quân Pôn Pốt gây ra nhiều vụ hành quân khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ của Việt Nam như: đánh chiếm đảo Phú Quốc, đảo Thổ Chu và xâm nhập nhiều vùng biên giới trên đất liền Việt Nam.
* ***Diễn biến chính:*** cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam diễn ra qua hai giai đoạn:

## Giai đoạn 1 (từ ngày 30-4-1977 đến ngày 5-1-1978):

+ Ngày 30-4-1977, quân Pôn Pốt mở cuộc tấn công dọc tuyến biên giới Việt Nam từ Hà Tiên đến Tây Ninh, tàn sát dân thường...

+ Cùng với việc tổ chức lực lượng vũ trang đánh lui quân địch, Đảng và Nhà nước Việt Nam nỗ lực hoạt động ngoại giao nhằm tìm kiếm giải pháp hoà bình.

## Giai đoạn 2 (từ ngày 6-1-1978 đến ngày 7-1 -1979):

+ Quân Pôn Pốt tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam.

* Ngày 22-12-1978, quân Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tấn công quy mô lớn vào Tây Ninh.
* Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân Việt Nam mở cuộc tổng phản công, làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực đối phương.

+ Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Cam-pu-chia đánh đổ chính quyền Pôn Pốt. Ngày 7-1- 1979, Thủ đô Phnôm Pênh (Cam-pu-chia) được hoàn toàn giải phóng

# Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 – 1989)

## Hoàn cảnh:

* Từ giữa năm 1975, tình hình quan hệ Việt Nam-Trung Quốc dần trở nên căng thẳng.
* Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kĩ thuật, gây ra vấn đề người Hoa và khiêu khích, xâm phạm ở khu vực biên giới phía Bắc của Việt Nam.

## Diễn biến chính:

* Sáng ngày 17-2-1979, Trung Quốc huy động 32 sư đoàn (khoảng 60 vạn quân) tiến công toàn bộ 6 tỉnh) biên giới phía Bắc dài hơn 1.000km của Việt Nam, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).
* Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu. Nhiều trận chiến diễn ra quyết liệt ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai,... đã làm thất bại mục tiêu “đánh nhanh, thắng nhanh” của quân đội Trung Quốc.
* Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối mạnh mẽ của dư luận, Trung Quốc phải tuyên bố rút quân từ ngày 5-3-1979.
* Tuy nhiên, tình hình trên tuyến biên giới phía Bắc tiếp tục căng thẳng kéo dài cho tới cuối năm 1989, Trung Quốc tiếp tục có những hành động gây xung đột, lấn chiếm lãnh thổ VN, đặc biệt là tại khu vực biên giới thuộc địa bàn huyện Vị Xuyên (Hà Giang).

# Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển Đông.

* ***Sau Đại thắng Xuân 1975,*** Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

+ Ngày 12-5-1977, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.

+ Năm 1994, Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982, trước khi Công ước chính thức có hiệu lực vào tháng 12-1994.

## Về quản lí hành chính:

+ Năm 1982, Chính phủ Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (trực thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, nay thuộc TP Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (trực thuộc tỉnh Đồng Nai, nay thuộc tỉnh Khánh Hòa).

+ Năm 2007, Chính phủ quyết định thành lập thị trấn Trường Sa cùng hai xã đảo: Song Tử Tây và Sinh Tồn trực thuộc huyện đảo Trường Sa.

* ***Về hoạt động thực thi chủ quyền*** đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, như:

+ Tổ chức triển lãm các hiện vật lịch sử,

+ Nghiên cứu, khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng,

+ Xây bia chủ quyền, thiết lập các ngọn đèn biển

+ Đưa dân ra sinh sống trên các đảo, xây chùa, trường học, bưu điện, hỗ trợ cuộc sống người dân...

## Trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo:

+ Việt Nam luôn kiên quyết và kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. (đưa công hàm phản đối TQ về đường 9 đoạn ở biển Đông, phản đối xây dựng và quân sự hóa các đảo nhân tạo ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa)

+ Thực hiện công tác đối ngoại quốc phòng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc

+ Lấy bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc và giữ vững hoà bình, ổn định để đất nước phát triển làm mục tiêu cao nhất.

* ***Tháng 3-1988***, quân đội Trung Quốc huy động lực lượng lớn tấn công các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

+ Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biển đảo, hàng chục chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã anh dũng hi sinh.

+ Chính phủ Việt Nam đã thông báo cho Liên hợp quốc về vấn đề này, đồng thời gửi nhiều công hàm phản đối và đề nghị hai bên Việt Nam-Trung Quốc thương lượng để giải quyết vấn đề tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.

* ***Năm 2012***, TQ ngang nhiên thành lập TP Tam Sa, tự cho mình quyền quản lí quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

→ Chính phủ VN lên án hành động của TQ, khẳng định chủ quyền đối với 2 quần đảo này.

* ***Năm 2014,*** TQ đưa dàn khoan Hải Dương-981 đến hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lí và thềm lục địa của VN ở Biển Đông. Đưa 1 số tàu cá và tàu quân sự vào khai thác bất hợp pháp ở khu vực đặt giàn khoan.

→ VN tăng cường lực lượng tại khu vực đặc quyền KT, tích cực đấu tranh ngoại giao, yêu cầu TQ chấm dứt hành động vi phạm chủ quyền của VN ở Biển Đông.

→ Ngày 16-7-2015, TQ rút dàn khoan Hải Dương-981 ra khỏi vùng đặc quyền kinh tế của VN.

* ***Năm 2012***, Quốc hội thông qua Luật biển Việt Nam. Đây là cơ sở pháp lí để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo và phát triển kinh tế biển.
* Hiện nay, Việt Nam đang tích cực thúc đẩy việc thực hiện Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

# Ý nghĩa lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975:

* Bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.
* Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong sáng của nhân dân Việt Nam.
* Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.
* Để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.
* Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực châu Á và trên thế giới.

# Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

## - Thứ nhất, không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân

***dân***

+ Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam đã tạo thành sức mạnh tổng hợp của

dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và bảo vệ Tổ quốc.

+ Ngày nay, đất nước đang tiến hành đổi mới và hội nhập sâu rộng trong bối cảnh toàn cầu hoá. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống để mỗi người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ nhận thức rõ vai trò của tinh thần và phát huy tinh thần đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

## Thứ hai, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc

+ Thực tiễn cách mạng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chứng minh: Một dân tộc nhỏ, nghèo nàn, lạc hậu như Việt Nam nhưng lại có thể chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh,... là nhờ sự đoàn kết một lòng của cả dân tộc. Các tổ chức mặt trận đã giữ vai trò to lớn trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

+ Ngày nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phát huy vai trò trong việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

## Thứ ba, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học lớn, xuyên suốt trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, trong đó, sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định.

+ Trong bối cảnh hiện nay, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tạo ra thế và lực để đất nước ổn định và phát triển.

+ Các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc cũng cho thấy cần kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng đất nước vững mạnh, đời sống của các tầng lớp nhân dân ngày càng nâng cao... là tạo điều kiện vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc. Ngược lại, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia sẽ tạo sức mạnh cần thiết cho công cuộc xây dựng đất nước.

## Thứ tư, phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân

+ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục xây dựng và phát triển sáng tạo nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đó là nghệ thuật toàn dân đánh giặc, nghệ thuật tiến công chủ động, kiên quyết, mưu trí, sáng tạo,..

+ Trong bối cảnh sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ hiện nay, nghệ thuật quân sự Việt Nam cần tiếp tục phát triển ở trình độ khoa học cao, đồng thời xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và có chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa

**CHỦ ĐỀ 4**

**CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ 1986 ĐẾN NAY**

**BÀI 10+11: CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN NAY**

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**A. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN**

* 1. **Bối cảnh các giai đoạn của công cuộc Đổi mới**

\*Khởi đầu công cuộc Đồi mới (1986-1995)

* + - Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, trước những thay đổi của thế giới và thực trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trong nước Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức được yêu cầu phải đổi mạ đất nước
    - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1988) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở đầu công cuộc Đổi mới
* Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (1996-2006)
  + - Sau 10 năm đổi mới, kinh tế - xã hội Việt Nam đã cơ bản ổn định. đất nước có những tiên đề cần thiết để chuyển sang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế
    - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) và lần thứ IX (2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.
* Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoà, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)
  + - Sau 20 năm đổi mới, thế và lực của Việt Nam đã lớn mạnh vượt bậc, uy tín quốc tế không ngừng được nâng cao. Tuy vậy nhiều nguy cơ, thách thức vẫn tồn tại. Yêu cầu đặt ra là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn.
    - Các kì Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đến XIII tiếp tục phát triển đường lối đổi mới, với chủ trương chung là tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoa, hội nhập quốc tế sâu rộng..
  1. **Nội dung cơ bản đường lối đổi mới qua các giai đoạn**

1. ***Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 1986 - 1995***
   1. Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
   2. Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.
   3. Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước....
   4. Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng.
   5. Đổi mới chính sách văn hoá - xã hội, phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người là mục đích cao nhất.
   6. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.
2. ***Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 1996 – 2006***
3. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa: coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hoa nông nghiệp, nông thôn, gần việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với từng bước phát triển kinh tế tri thức.
4. Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xà hội chủ nghĩa; chuyển dịch cơ cầu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn tăng trường kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
5. Đổi mới hệ thống chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng và an ninh.
6. Chú trọng phát triển nền văn hoa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.
7. Đa phương hóa, đa dạng hoà các quan hệ quốc tế; chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.
8. ***Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 2006 đến nay***
9. Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc Đổi mới, phát triển nhận thức về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
10. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mô hình tăng trường, cơ cấu lại nền kinh tế
11. Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh xây dựng chỉnh đốn Đàng: tăng cường quốc phòng và an ninh,
12. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tiếp tục phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
13. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, chuyển từ hội nhập kinh tế quốc tế sang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng....
    1. **Thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chính trị** | |
| Nội dung | * Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. * Tình hình chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm và tăng cường. * Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố * Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh. * Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội   chủ nghĩa được giữ vững. |
| **Kinh tế** | |
| Tăng trưởng  kinh tế | Đạt mức khá cao, trung bình khoảng 7% mỗi năm. |
| Quy mô nền kinh tế | Năm 2020, với GDP đạt mức 342,7 tỉ USD, Việt Nam trở thành nền  kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN, trong tốp 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới. |
| Cơ cấu kinh tế | * Chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từ nền kinh tế nông nghiệp chuyển sang nền kinh tế công nghiệp - dịch vụ. * Thành phần kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền   kinh tế. |
| Kinh tế đối ngoại | * Kim ngạch xuất nhập khẩu gia tăng, cán cân thương mại chuyển dần từ nhập siêu sang xuất siêu. * Thị trường xuất khẩu được mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hoá. * Đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài đều chuyển biến   tích cực. |
| **Xã hội** | |
| Vấn đề lao động, việc làm | * Chính sách lao động, việc làm của Nhà nước có nhiều chuyển biến phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. * Số lao động được tạo việc làm trong nước tăng lên, trung bình |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | khoảng hơn 1 triệu người mỗi năm. | |
| Công tác xoá đói giảm nghèo | Tỉ lệ hộ nghèo trên cả nước giảm nhanh. Giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam là một trong 30 quốc gia đầu tiên trên thế giới và là quốc gia đầu  tiên ở châu Á áp dụng chuẩn nghèo đa chiều. | |
| Một số lĩnh  vực khác | Lĩnh vực y tế, châm sóc sức khoẻ nhân dân, thực hiện chính sách ưu  đãi người có công và chính sách an sinh xã hội đạt nhiều tiến bộ. | |
| **Văn hoá** | | |
| Xây dựng và phát triển văn hoá đất nước | * Chú trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy nhiều giá trị văn hoá truyền thống. di sản văn hóa của dân tộc. * Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hoà phát triển phong phú, đa dạng * Hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hóa được đẩy mạnh dưới nhiều   hình thức. | |
| Giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ | * Hoàn thành xoá mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010. * Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực. * Vị thế của giáo dục đại học Việt Nam được năng lên trong bảng xếp hạng châu Á và thế giới * Chỉ số đối mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục tăng. | |
| **Hội nhập quốc tế** | | |
| Nội dung | | * Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia và vùng lãnh thổ, các tổ chức khu vực và quốc tế. * Tham gia các hiệp ước, hiệp định song phương và đa phương về thương mại, an ninh, ngoại giao, trao đổi văn hóa, du lịch..... * Đề xuất sáng kiến và tham gia giải quyết các vấn đề của khu vực và   quốc tế. |

* 1. **Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới**
     + Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê- nin và tư tường Hồ Chí Minh.

Nguyên tắc hàng đầu trong quá trình đổi mới là bảo đảm độc lập dân tộc và kiên định con đương xã hội chủ nghĩa, xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

* + - Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp

+ Đổi mới cần tiến hành đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các cấp từ trung ương đến địa phương.

+ Muốn đổi mới có hiệu quả và bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, xã hội, cần có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

* + - Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân

+ Bảo đảm lợi ích của nhân dân là phương thức hiệu quả nhất để khơi dậy tiềm năng trong nhân dân.

+ Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân gần biến thực hiện nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

* + - Kết hợp nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

+ Phát huy nội lực, coi nội lực là nhân tố quyết định, đồng thời kết hợp với khai thác ngoại lực.

+ Kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

**CHỦ ĐỀ 5**

**LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI BÀI 12**

**HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1975**

1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Khái niệm/thuật ngữ

## Ngoại giao

1- Ngoại giao là công cụ hoà bình để hiện thực hoá đường lối đối ngoại của nhà nước; 2- Ngoại giao là khoa học và nghệ thuật, đòi hỏi năng lực khoa học và sự mềm dẻo, khéo lẻo, linh hoạt đầy “nghệ thuật” trong ứng xử cùa những nhà ngoại giao, mà trước hết là trong các cuộc đàm phán. Đặc trưng cơ bản, xuyên suốt: 1- bản chất nhà nước; 2- đặc tính hoà bình. Trong đó, hoà bình chính là giá trị căn cốt nhất để phân định ngoại giao với các công cụ thực thi đường lối đối ngoại khác. Ngoại giao: Là một lĩnh vực trong hoạt động chính trị trong LSVN; Là chiếc nhiệt kế đo thân nhiệt của VN trong các thời kì lịch sử.

## Đối ngoại

Nói về chủ trương, đường lối chỉ đạo trong quan hệ nước ngoài, bên ngoài, nói về đường lối chính sách, sự giao thiệp Đảng, của một tổ chức chính trị với nước ngoài, phân biệt với đối nội.

## Chiến lược đối ngoại/Chiến lược ngoại giao/Chiến lược quốc tế

Giữ vai trò chủ đạo, chỉ rõ phương hướng hoạt động đối ngoại, là phương châm chỉ đạo hoạt động đối ngoại của quốc gia, đảm bảo cho hoạt động đối ngoại thành công, các hoạt động đối ngoại khác đều xoay quanh chiến lược đối ngoại.

+ Mục tiêu của chiến lược đối ngoại: là vấn đề cốt lõi trong chiến lược đối ngoại, là kết quả mà quốc gia dự định đạt được trong việc thực hiện chiến lược với các hoạt động đối ngoại.

+ Các biện pháp triển khai thực hiện chiến lược: là các chính sách cụ thể hóa chiến lược, các giải pháp, nguồn lực, chỉ đạo chiến lược.

+ Chiến lược ngoại giao và sức mạnh quốc gia: Sức mạnh quốc gia là năng lực thực tế của quốc gia khi tiến hành hoạt động đối ngoại, là sức mạnh mà quốc gia dựa vào để thực hiện chiến lược đối ngoại; Thực lực là sức mạnh tổng hợp quốc gia, gồm sức mạnh cứng như quân sự, kinh tế, khoa học công nghệ,… và sức mạnh mềm trong đó có văn hóa, giá trị, chính sách. *“Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”* – Hồ Chí Minh. Sức mạnh quốc gia quyết định phạm vi hoạt động và quyết định khả năng thực thi mục tiêu đối ngoại.

+ Chiến lược ngoại giao trực tiếp: nói thẳng, rõ ràng, rành mạch mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và phương thức đối ngoại: Chiến lược đối ngoại nhất biên đảo, liên minh

với Liên Xô chống Mỹ của Trung Quốc những năm 1950; Chiến lược coi Liên Xô là hòn đá tảng những năm 1970 – 1980 của Việt Nam,…

## Sách lược đối ngoại

Là phương án hành động cụ thể mà quốc gia sử dụng trong hoạt động đối ngoại nhằm thực hiện chiến lược đối ngoại của mình, gồm: kế hoạch cụ thể, mưu kế và đối sách cụ thể của chủ thể đối ngoại; là phương thức hoạt động cụ thể của chủ thể đối ngoại trong thực tiễn.

+ Chính sách đối ngoại gồm mục tiêu, phương tiện, biện pháp ngoại giao và thực thi chúng thông qua các hoạt động cụ thể. Hệ thống những hoạt động này được nhà nước xây dựng nhằm phục vụ trước hết cho sự tồn tại và phát triển của quốc gia đỏ. Ngược lại, các hoạt động ngoại giao ấy sẽ góp phần kiểm chứng lại đường lối đối ngoại đã được vạch ra, đo xem mức độ phù hợp của đường lối, chính sách đối ngoại đã có để từ đó có sự điều chinh cho phù hợp với diễn tiến của thời cuộc, bảo vệ trước hết quyền lợi của quốc gia trong mối quan hệ với thế giới bên ngoài. 1- Tập hợp các chiến lược mà quốc gia sử dụng trong quá trình tương tác với các quốc gia khác với nhau và các tổ chức quốc tế, phù hợp với lợi ích quốc gia; 2- Là cánh tay phải nối dài của chính sách đối nội; 3- Được hoạch định bởi bộ máy chính phủ cao nhất của quốc gia.

## Mặt trận ngoại giao

Hoạt động ngoại giao đã kết hợp với quân sự, phục vụ đắc lực sư nghiệp dựng nước và giữ nước *“quốc phú, binh cường, nội yên, ngoại tĩnh”*- Trần Hưng Đạo; Đường lối đối ngoại luôn xuất phát từ đường lối chính trị, phục vụ và phục tùng đường lối chính trị; Sức mạnh ngoại giao tùy thuộc vào nội lực quốc gia *“muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực” “đánh là chủ yếu, đàm là hỗ trợ”* – Hồ Chí Minh.

+ Trong những điều kiện cụ thể của chiến tranh, Nhân dân Việt Nam có thể đấu tranh ngoại giao trực tiếp với đối phương, dùng biện pháp đàm phán để giải quyết xung đột, vãn hồi hòa bình, kết thúc chiến tranh.

+ Ngoại giao là một mặt trận đấu tranh rất quan trọng, có thể chủ động phát huy tính chất chính nghĩa của chiến tranh chống xâm lược để tổng tiến công đối phương, nhưng đấu tranh ngoại giao chỉ có thể thu được kết quả trên cơ sở những thắng lợi về quân sự và chính trị, sẽ không thể giành thắng lợi trên bàn đàm phán nếu như không có thắng lợi trên chiến trường.

+ Đấu tranh quân sự và ngoại giao có quan hệ mật thiết với nhau. Thắng lợi quân sự là cơ sở để đấu tranh ngoại giao. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao có thể chủ động phát huy thắng lợi trên chiến trường và yếu tố chính nghĩa của cuộc chiến tranh để tiến công địch, tranh thủ dư luận quốc tế.

## Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao

Là một bộ phận hữu cơ của tư tưởng Hồ Chí Minh về đường lối cách mạng Việt Nam, là hệ thống quan điểm, (chủ trương, đường lối, nguyên tắc, phương châm, phương

pháp) đối ngoại; chiến lược, sách lược ngoại giao của Nhà nước Việt Nam trong quan hệ với các nước trên thế giới. Những quan điểm, luận điểm trên đây là kim chỉ nam cho hoạt động quốc tế, đối ngoại và ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, tạo nên những nét đặc thù của trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh.

# Phân kì lịch sử ngoại giao Việt Nam thời cận – hiện đại

*Giai đoạn* Ngoại giao Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945: Ngoại giao do nhiều đối tượng thực hiện

Ngoại giao Việt Nam bước vào thời kì thuộc Pháp, chủ thể hoạt động ngoại giao là chính quyền bảo hộ Pháp cùng với các sĩ phu yêu nước. Trong giai đoạn này, đáng lưu ý là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930. Từ đây, Đảng soi đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam nói chung và ngoại giao Việt Nam nói riêng trong cuộc đâu tranh giành lại độc lập dân tộc, thoát khỏi chế độ thuộc địa nửa phong kiến, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

*Giai đoạn* Ngoại giao Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975: Nền ngoại giao hiện đại do Đảng thực hiện

Đây là giai đoạn Việt Nam trải qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và đế quốc Mỹ (1954 - 1975). Đây là ngoại giao thời chiến, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ. Trong chiến tranh, cùng với quân sự, ngoại giao đà trở thành một mặt trận sôi nổi phục vụ đắc lực cho công tác tuyên truyên, vận động quốc tế, phản đối cuộc chiến tranh phi nghĩa của thực dân Pháp, đế quốc Mỳ; tận dụng những khác biệt về lợi ích trước mắt của các thế lực thù địch đê phân hoá và kiềm chế ý đồ của họ; khẳng định vững chắc thêm thắng lợi quân sự trên chiến trường bằng các hiệp định ngoại giao quan trọng.

*Giai đoạn* Ngoại giao Việt Nam từ năm 1975 đến nay: Nền ngoại giao hiện đại do Đảng thực hiện

Ngoại giao Việt Nam bước vào thời kì hoà bình dưới sự lành đạo duy nhất của Đàng Cộng sản, thực hiện sứ mệnh mới trong bối cảnh đất nước độc lập, thống nhất. Trong bối cảnh mới, dù gặp nhiều khó khăn, thậm chí bị cô lập trong quan hệ quốc tế, Việt Nam đã bước đầu thiết lập quan hệ ngoại giao với hàng chục nước, nhất là các nước tư bản chủ nghĩa, tranh thủ được sự giúp đỡ của nhiều quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế trong công cuộc khôi phục và phát triển đất nước.

Đến tháng 12/1986, Việt Nam chính thức bước vào công cuộc Đổi mới đất nước, trong đó có đổi mới tư duy đối ngoại. Trong hom 35 năm tiến hành công cuộc Đổi mới, hội nhập quốc tế, tình hình thế giới trải qua nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, song với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phưomg hoá, đa dạng hoá, chủ động và tích cực hội nhập khu vực và thế giới, Việt Nam đã dân xác lập được một nền ngoại giao toàn diện, chủ động, tích cực trên tât cả các lĩnh vực, từ song phương đến đa phương.

# Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945

## Hoạt động đối ngoại của một số nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu trong những năm đầu thế kỉ XX

***\* Bối cảnh lịch sử:***

*- Tình hình thế giới:*

+ Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, TB phương Tây tăng cường mở rộng xâm lược thuộc địa và hoàn thành xâm lược các nước Á, Phi, Mỹ Latinh.

+ Ở châu Á, sau cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản (cuối thế kỉ XIX) và Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911) khuynh hướng dân chủ tư sản có ảnh hưởng mạnh mẽ vào Việt Nam.

+ Đầu thế kỉ XX, Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), Quốc tế Cộng sản được thành lập (1919), khuynh hướng vô sản có ảnh hưởng mạnh mẽ đến những nhà yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX.

* *Tình hình trong nước:*

+ Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX thất bại đặt ra yêu cầu tìm kiếm con đường cứu nước mới;

+ Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm biến đổi kinh tế, xã hội, dẫn đến sự ra đời của các giai cấp, tầng lớp mới. Từ đó, ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc;

+ Một số nhà yêu nước Việt Nam đã nhận ra sự bế tắc của con đường giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến, tìm đến những trào lưu tư tưởng mới, tiến hành các hoạt động đối ngoại để mở ra hướng mới cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

## Hoạt động đối ngoại chủ yếu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhà yêu**  **nước** | **Thời**  **gian** | **Hoạt động chủ yếu** | **Mục đích** |
| Phan Bội Châu | 1905 -  1909 | * Phan Bội Châu cùng Duy tân hội tổ chức phong trào Đông du sang Nhật Bản. * Tham gia thành lập Đông Á Đồng minh hội và Điền- Quế- Việt liên minh. | - Tìm kiếm sự giúp đỡ của những nhà yêu nước và nhân dân các nước (Nhật Bản, Trung Quốc, Đông Nam Á) đối với công cuộc giành độc lập của Việt  Nam. |
| 1909 -  1925 | * Tại Trung Quốc, thành lập Việt Nam Quang phục hội. * Liên lạc với các tổ chức, đại   diện nước ngoài... | - Tìm kiếm sự giúp đỡ cho phong trào đấu tranh chống Pháp Việt Nam. |
| Phan  Châu | 1911 -  1920 | - Sang Nhật Bản rồi về nước;  Gửi thư đến Toàn quyền Đông | - Mục đích vận động cải  cách cho Việt Nam. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Trinh |  | Dương đề nghị cải cách chế  độ cai trị, mở mang kinh tế, giáo dục cho Việt Nam... |  |
| 1921 -  1925 | - Hoạt động tại Pháp; tiếp xúc với các lực lượng cấp tiến ở Pháp; | - Phê phán chính quyền thực dân, thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt  Nam. |
| Nguyễn Ái Quốc | 1918 -  1920 | * Gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị, văn hoá của Pháp và nhiều nước châu Âu. * Năm 1920, tham gia sáng   lập Đảng Cộng sản Pháp. | - Xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản với nhân dân lao động Pháp và nhân dân các nước thuộc địa. |
| 1921 -  1930 | * Năm 1921, tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa. * Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực tham gia các hội nghị, đại hội của Quốc tế Cộng sản. * Từ cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), liên lạc với lực lượng cách mạng ở Đông Nam Á và Trung Quốc, mở các lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên yêu nước Việt   Nam. | * Xác lập mối quan giữa cách mạng Việt Nam với quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới. * Kêu gọi sự ủng hộ của quốc tế. |

***\*Đánh giá, nhận xét:***

Ý nghĩa:

* Hoạt động ngoại giao của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc đã góp phần quan trọng vào việc khơi dậy lòng yêu nước, ý thức dân tộc và tinh thần đấu tranh của nhân dân Việt Nam.
* Hoạt động ngoại giao của Nguyễn Ái Quốc là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam.

Đánh giá về các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu, Phan Châu Chinh và Nguyễn Ái Quốc:

Về hoạt động của Phan Bội Châu:

* *Ưu điểm:* Là người tiên phong trong việc đề cao vai trò của ngoại giao trong

phong trào giải phóng dân tộc; Có tầm nhìn chiến lược, nhận thức rõ tầm quan trọng của việc tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế; Mở rộng quan hệ với các nhà cách mạng, trí thức yêu nước ở nhiều quốc gia; Thành lập Duy Tân hội, Việt Nam Quang Phục Hội thu hút đông đảo tầng lớp người Việt Nam tham gia; Góp phần khơi dậy lòng yêu nước, ý chí độc lập dân tộc trong nhân dân.

* *Nhược điểm:* Chưa có sự liên hệ chặt chẽ với phong trào yêu nước trong nước; Chưa có đường lối, phương pháp hoạt động ngoại giao phù hợp; Gặp nhiều khó khăn trong việc tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế do tình hình thế giới lúc bấy giờ.

Về hoạt động của Phan Châu Trinh:

* *Ưu điểm:* Tập trung vào việc vận động cải cách xã hội, nâng cao dân trí; Coi trọng việc tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế thông qua các hoạt động ngoại giao; Thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục, thu hút đông đảo thanh niên yêu nước tham gia; Góp phần thúc đẩy phong trào Duy Tân phát triển.
* *Nhược điểm:* Chưa có đường lối, phương pháp hoạt động ngoại giao rõ ràng; Gặp nhiều hạn chế do ảnh hưởng của tư tưởng

Về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc:

* *Ưu điểm:* Kết hợp nhuần nhuyễn giữa hoạt động ngoại giao với phong trào cách mạng trong nước; Có đường lối, phương pháp hoạt động ngoại giao sáng tạo, hiệu quả; Tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế trên cơ sở liên minh giai cấp, đoàn kết quốc tế; Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tổ chức Đại hội V Quốc tế Cộng sản; Góp phần quan trọng vào việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
* *Nhược điểm:* Hoạt động trong điều kiện bí mật, gặp nhiều khó khăn và nguy hiểm.

## Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương từ 1930 đến 1945

* ***Bối cảnh lịch sử:***
* *Tình hình thế giới:*

+ Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 gây tổn hại lớn về kinh tế thế giới và khiến cho mâu thuẫn giữa các nước đế quốc ngày càng sâu sắc;

+ Những năm 30 của thế kỉ XX chủ nghĩa phát xít xuất hiện và chạy đua vũ trang, nguy cơ cuộc Chiến tranh thế giới đến gần;

+ Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939) ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình chính trị, nền hòa bình, an ninh của thế giới.

* *Tình hình trong nước:*

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (đầu năm 1930) đã chấm dứt hoàn toàn sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng;

+ Trong những năm 1939- 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phát xít Nhật mở rộng xâm lược Đông Dương.

## Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930- 1945)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời** | **Hoạt động** | **Mục đích** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **gian** |  |  |
| 1930 -  1939 | * Xác lập củng cố quan hệ với các Đảng cộng sản và phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới. * Đảng Cộng sản Đông Dương từ vị trí là phân bộ của Đảng Cộng sản Pháp ở thuộc địa thành một chi bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản (4 – 1931). * Thành lập Ban chỉ huy ở hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1934) làm cầu nối giữa Đảng và Quốc   tế Cộng sản. | - Phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. |
| 1939 -  đầu năm 1945 | * Ủng hộ Liên Xô, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh chống phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới. * Tích cực củng cố quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thành lập Tiểu ban vận động Hoa Kiều, giúp đỡ người Hoa tổ chức hội cứu quốc. * Liên lạc với phong trào chống quân phiệt Nhật Bản ở một số nước Đông Nam Á (Miến Điện Mã Lai, Philíppin,   Thái Lan, …). | - “Đánh Pháp, đuổi Nhật” để giành độc lập cho dân tộc. |
| T3/1945  - T8/1945 | * Đại diện Mặt trận Việt Minh và Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với người Mỹ. * Tiến hành hợp tác trao đổi thông tin với Cơ quan tình báo chiến lược Mĩ   (OSS) tại châu Á. | - Thể hiện thiện chí của Việt Minh muốn tìm kiếm một giải pháp cho vấn đề Đông Dương. |

1. ***Đặc điểm hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945***

* Là giai đoạn bản lề kết nối giữa ngoại giao của các triều đại quân chủ và ngoại giao của nhà nước Việt Nam độc lập mới

+ Nằm trong hệ thống thuộc địa của Pháp, Việt Nam đã có sự “gia nhập” vào hệ thống thương mại toàn cầu mạnh mẽ hơn, phong trào yêu nước của nhân dân các nước láng giềng nhằm thực hiện mục tiêu chung là kháng Pháp, giành lại độc lập dân tộc, từ đó đặt cơ sở cho các mối quan hệ quốc tế và khu vực trong các giai đoạn sau.

+ Hoạt động sôi nổi của các sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc là hành trình tìm kiếm bạn

đồng minh và thiết lập mối quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế của cách mạng Việt Nam, định vị Việt Nam và Đông Dương trên bản đồ chính trị thế giới.

+ Giai đoạn chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền, Mặt trận Việt Minh cũng đã bước đầu chú trọng tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế đối với Cách mạng Việt Nam.

# Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

1. ***Những yếu tố tác động đến hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1954***

|  |  |
| --- | --- |
| **Bối cảnh thế giới** | **Bối cảnh trong nước** |
| * Cục diện và trật tự thế giới sau Thế   chiến II  + Hình thành hệ thống 2 cực dẫn tới sự đối đầu giữa hai phe CNXH và CNTB do Liên Xô và Mĩ đứng đầu;  + CHND Trung Hoa ra đời, làm cho CNXH nối liền từ Âu sang Á, thay đổi tương quan lực lượng XHCN.   * Sự ra đời của Liên Hợp Quốc:   + Hoạt động LHQ hướng tới duy trì hòa bình, an ninh thế giới, thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị hợp tác trên cơ sở bình đẳng và nguyên tắc dân tộc tự quyết.   * Phong trào giải phóng dân tộc:   + Sự biến đổi to lớn của tình hình thế giới, phong trào GPDT diễn ra mạnh mẽ ở các khu vực Á, Phi, Mỹ-Latinh; Sự ra đời của phong trào Không liên kết.   * Các nước ĐNA đã đấu tranh giành độc lập; Sự quay trở lại của thực dân phương Tây. * Tình hình Đông Dương trong chiến lược của các nước lớn.   Sự khác nhau trong thái độ, quan điểm của các nước Đồng minh đã chi phối chính sách đối ngoại của nhà nước VNDCCH đối với từng đối tượng nhằm bảo vệ thành quả Cách mạng. | * Tình hình khó khăn của nhà   nước VNDCCH (1945 - 1946)  + Nước VNDCCH ra đời, mở ra thời kì mới trong lịch sử dân tộc;  + Tình thế ngàn cân treo sợi tóc; Chính quyền non trẻ, lực lượng cách mạng yếu, nạn đói, nạn dốt, tài chính trống rỗng, nội phản – ngoại xâm + Đối ngoại: chưa 1 quốc gia nào công nhận và thiết lập ngoại giao, bị các nước bao vây, cô lập, chưa thiết lập được quan hệ ngoại giao  + Các nước đồng minh lợi dụng danh nghĩa thay mặt quân đồng minh vào giải giáp quân đội nhật để thực hiện âm mưu chiếm đóng Đông dương   * Cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954) |

***1954***

1. ***Chủ trương, mục tiêu nhiệm vụ của đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 -***

* *Chủ trương:* Chính sách đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954 tập

trung vào việc đấu tranh chống thực dân Pháp giành độc lập dân tộc và tìm kiếm sự hỗ trợ quốc tế.

* + *Nhiệm vụ:* Bảo vệ thành quả của cuộc CMT8 mà trước hết là duy trì, củng cố chính quyền nhân dân vừa thành lập trên cả nước, đưa nhà nước đến độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn; Trên cơ sở các nguyên tắc dân chủ được thừa nhận xây đắp lại nền hòa bình Thế giới; Việt Nam hợp tác hữu nghị và thành thật với các nước đồng minh; thắt chặt quan hệ với các nước láng giềng; sẵn sàng hợp tác chặt chẽ trên nguyên tắc bình đẳng hỗ trợ lẫn nhau trong xây đựng và giữ vững nền độc lập.
  + *Phương châm chỉ đạo:* Cần triệt để khai thác mâu thuẫn giữa các tập đoàn đế quốc, tránh khả năng phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng 1 lúc; Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân TG và chỉ có thực lực mới quyết định được sự thắng lợi giữa Việt Nam và lực lượng Đồng minh, *“làm bạn với tất cả mọi người dân chủ và không gây thù oán với 1 ai”*.
  + Kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc bình đẳng và tương trợ: Nghệ thuật ngoại giao là làm cho đất nước ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết; Muốn ngoại giao thắng lợi phải biểu dương thực lực.

## Các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1954

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động đối**  **ngoại** | **Giai đoạn 1945 - 1946** | **Giai đoạn 1947 - 1950** | **Giai đoạn 1950 - 1954** |
| Hoàn cảnh lịch sử | *- Tình hình thế giới:*  + Thuận lợi: CNXH dần trở thành hệ thống thế giới; Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở Á, Phi, Mỹ- Latinh; Phong trào đấu tranh vì hòa bình, tự do của giai cấp công nhân, nhân dân các nước TBCN phát triển mạnh.  + Khó khăn: Mỹ âm  mưu bá chủ thế | *- Tình hình thế giới:*  + Thuận lợi: Liên Xô và các nước Đông Âu tiếp đã hình thành liên minh trong khối SEV; CM Trung Quốc phát triển mạnh mẽ; Mặt trận dân chủ và hòa bình, chống đế quốc lan rộng trên thế giới.  + Khó khăn: Mĩ vươn lên mạnh mẽ, khống chế các nước tư bản, triển khai chiến lược toàn  cầu; Liên Xô đang theo | *- Tình hình thế giới:*  + Thuận lợi: CHNDTH ra đời, hệ thống CNXH được mở rộng, nối liền từ Tây sang Đông; Lực lượng kháng chiến Lào và Campuchia lớn mạnh; Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển; Tình hình nước Pháp không ổn định, tạo ra khả năng phối hợp  của nhân dân hai |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | giới, triển khai | đuổi chiến lược hòa | nước, tạo điều kiện |
| chiến lược toàn cầu. | hoãn để giữ nguyên | vận dụng sách lược |
| *- Tình hình Việt* | trạng thái; Mĩ phát động | cô lập, và suy yếu kẻ |
| *Nam:* | chiến tranh lạnh với LX. | thù. |
| + Thuận lợi: Nhân | *- Tình hình Việt Nam:* | + Khó khăn: Mỹ từng |
| dân Việt Nam làm | + Thuận lợi: Chính phủ | bước can thiệp trực |
| chủ đất nước, là | có nhiều kinh nghiệm | tiếp vào cuộc chiến |
| nguồn sức mạnh to | trong đấu tranh ngoại | tranh ở Đông Dương; |
| lớn của cách mạng | giao; Nhân dân tin | Các nước lớn có sự |
| quyết tâm bảo vệ | tưởng vào Đảng, Chủ | hòa hoãn trong một |
| chính quyền; Mặt | tịch HCM. | số vấn đề quốc tế. |
| trận Việt Minh trở | + Khó khăn: Nước | *- Tình hình Việt Nam:* |
| thành ngọn cờ đoàn | VNDCCH chưa được | + Thuận lợi: Nhận |
| kết toàn dân; Đảng | nước nào công nhận; | được sự trợ giúp quốc |
| được tôi luyện và | Nhân dân VN bước vào | tế đặc biệt là Trung |
| trưởng thành đứng | cuộc kháng chiến | Quốc và LX; Khối |
| đầu là Chủ tịch Hồ | trường kỳ mới; Mỹ từng | đại đoàn kết được |
| Chí Minh. | bước can thiệp sâu vào | củng cố, tạo cơ sở |
| + Khó khăn: Chính | chiến trường. | chính trị, điều kiện để |
| quyền CM non trẻ, |  | thực hiện đoàn kết |
| trong tình thế bị bao |  | quốc tế; Việt Nam |
| vây, cô lập; Giặc |  | giành thắng lợi quyết |
| ngoại xâm, nội |  | định tại mặt trận quân |
| phản: Phía Bắc vĩ |  | sự, nhất là trận Điện |
| tuyến 16: 20 vạn |  | Biên Phủ, |
| quân THDQ kéo |  | + Khó khăn: Chưa |
| vào VN cùng các tổ |  | tạo được ưu thế vượt |
| chức tay sai Việt |  | trội trong so sánh lực |
| Quốc, Việt Cách; |  | lượng với Pháp trên |
| Phía Nam vĩ tuyến |  | chiến trường cả nước; |
| 16, Anh tạo điều |  | Mỹ từ chỗ là kẻ thù |
| kiện cho Pháp quay |  | tiềm tàng trở thành kẻ |
| lại tái chiến VN; |  | thù chủ yếu của |
| Hậu quả của CN |  | CMVN. |
| TD-PK để lại. |  |  |
| Dân tộc Việt Nam |  |  |
| trong thế “ngàn cân |  |  |
| treo sợi tóc”. |  |  |
| Mục tiêu | Bảo vệ nền độc lập | Phục vụ cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | non trẻ, nâng cao vị trí quốc tế; Kéo dài thời gian hòa hoãn; Tập trung phân hóa kẻ thù, quan hệ bình đẳng, hữu nghị với các dân tộc, tích cực ủng hộ phong trào  dân tộc, dân chủ. | dân Pháp xâm lược; Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế để kết thúc chiến tranh bằng giải pháp ngoại giao khi có điều kiện. | |
| Hoạt động | * Khẳng định và kêu gọi sự công nhận quốc tế và địa vị pháp lý của Chính phủ VNDCCH; * Thực hiện các hoạt   động ngoại giao với THDQ và Pháp. | * Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước Xã hội chủ nghĩa; * Xây dựng liên minh Việt – Miên – Lào; * Tham gia đàm phán tại Hội nghị Geneva. | |
| Nội dung | - Từ năm 1945: | - Thiết lập cơ quan đại | - Tích cực ủng hộ |
| hoạt động | HCM gửi thư, công | diện ngoại giao với một | phong trào giải phóng |
|  | hàm cho Liên hợp | số nước ĐNA; cử đại | dân tộc, phong trào vì |
|  | quốc và CP một số | diện tham gia một số | hòa bình thế giới. |
|  | nước; | hội nghị quốc tế và khu | - Tổ chức Hội nghị |
|  | - Trước ngày | vực Á-Âu; | thành lập Liên minh |
|  | 6/3/1946: Thực hiện | - Thiết lập quan hệ | nhân dân ba nước |
|  | chính sách *“hòa để* | ngoại giao với các nước | Việt-Miên-Lào tại |
|  | *tiến”*, mềm mỏng | XHCN: TQ, Lxô và một | Tuyên Quang (3- |
|  | với THDQ, chống | số nước Đông Âu; | 1951); |
|  | TD pháp; | - Gặp gỡ đại diện Đảng | - Cử phái đoàn ngoại |
|  | - Từ ngày 6/3/1946: | CS Pháp, thành lập các | giao tham dự Hội |
|  | Ký Hiệp định Sơ bộ | hội hữu nghị và Ủy ban | nghị Geneva về Đông |
|  | và tạm ước 14/9 | bảo vệ hòa bình thế | Dương. |
|  | Việt-Pháp | giới. |  |
| Kết quả, | - Bảo vệ vững chắc | - Đảng đã chớp lấy điều | - Đạt được mục tiêu |
| Ý nghĩa | chủ quyền và nền | kiện chín muồi, lần lượt | cơ bản, cốt lõi, giành |
|  | độc lập; | thiết lập quan hệ ngoại | được thắng lợi từng |
|  | - Thể hiện thiện chí | giao với các nước thành | bước, tạo tiền đề đưa |
|  | hòa bình của Chính | công; | sự nghiệp cách mạng |
|  | phủ và nhân dân | - Giúp cách mạng Việt | giành độc lập dân tộc |
|  | Việt Nam; | Nam thoát khỏi thế bao | và thống nhất đất |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | - Có thêm thời gian | vây, cô lập, cuộc kháng | nước; |
| và điều kiện xúc | chiến chống Pháp có | - Tăng cường mối |
| tiến nhanh việc | thêm hậu phương mới là | quan hệ đoàn kết giữa |
| chuẩn bị lực lượng, | các nước XHCN; | ba nước Đông Dương |
| sẵn sàng đối phó | - Giúp nhân nhân thế | trên nguyên tắc tự |
| với bước leo thang, | giới hiểu hơn về tính | nguyện, bình đẳng, |
| phiêu lưu mới của | chính nghĩa của cuộc | tương trợ và tôn trọng |
| Pháp; | đấu tranh, tạo đà cho | chủ quyền của nhau; |
| - Chính sách đối | thắng lợi quân sự; | - Pháp thừa nhận và |
| ngoại của Việt Nam | - Khẳng định Việt Nam | tôn trọng độc lập chủ |
| thời kì này là ngoại | đứng hẳn về phe | quyền, thống nhất và |
| giao đa phương, | XHCN, có ý nghĩa | toàn vẹn lãnh thổ của |
| linh hoạt, nhân | ngoại giao và tinh thần | Việt Nam, giải phóng |
| nhượng có nguyên | quan trọng khi khối | được miền Bắc, đưa |
| tắc, lợi dụng, tranh | TBCN công nhận Chính | cách mạng Việt Nam |
| thủ mâu thuẫn kẻ | phủ Bảo Đại. | chuyển sang giai |
| thù; |  | đoạn mới. |
| - Thực dân Pháp đã |  |  |
| khước từ mọi nỗ lực |  |  |
| cứu vãn hòa bình. |  |  |
| Nhận xét | - Vận dụng nhuần | - Có tác động rất lớn tới | - Hội nghị Giơnevơ là |
|  | nhuyễn phương | cuộc kháng chiến, đặc | cột mốc lịch sử đối |
|  | châm *“dĩ bất biến,* | biệt là sự hỗ trợ về vật | với VNDCCH, lần |
|  | *ứng vạn biến”*; | chất; | đầu tiên ngoại giao |
|  | - Thực hiện những | - Đảng đã nắm bắt tình | CMVN tham gia vào |
|  | sách lược đúng đắn, | hình, phân tích chính | một hội nghị quốc tế |
|  | khôn khéo, vừa kiên | xác lợi thế, nhu cầu của | đa phương trong bối |
|  | quyết vừa linh hoạt, | cách mạng kết hợp sự | cảnh quốc tế phức |
|  | tận dụng mâu thuẫn | nhanh nhạy, khả năng | tạp; |
|  | nội bộ đối phương; | đánh giá tình hình; | - Ngoại giao đã phối |
|  | - Đóng vai trò quyết | - Phản ánh chủ trương | hợp hoạt động quân |
|  | định trong việc gìn | đối ngoại rộng mở, góp | sự với chính trị, thiết |
|  | giữ độc lập dân tộc | phần hóa giải được tình | lập được nhiều quan |
|  | trong giai đoạn đầu | thế khó khăn: Chính | hệ ngoại giao; |
|  | mới thành lập Chính | sách *“làm bạn với mọi* | - Hiệp định Geneva |
|  | phủ; | *nước dân chủ và không* | chưa phản ánh đầy đủ |
|  | - Đảng chủ trương | *gây thù oán với một ai”* | thắng lợi trên chiến |
|  | dùng biện pháp chủ | và phương châm *“thêm* | trường của quân dân |
|  | yếu là đối thoại với | *bầu bạn bớt kẻ thù”*; | Việt Nam và khả |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | các thế lực đế quốc, chuyển từ đối đầu về quân sự sang đối thoại hòa bình;  - Không thể cứu vãn một nền hòa bình do sự cố chấp của  Pháp. | - Chuẩn bị đưa cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới. | năng cách mạng của ba nước Đông Dương. |
| **Nhận xét chung**   * *Chủ thể ngoại giao:* Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. * *Nhiệm vụ:* Bảo vệ nền độc lập dân tộc, thống nhất và xây dựng phát triển đất nước. * *Mục tiêu:* Đề cao tính hợp pháp của Nhà nước VNDCCH; hướng tới sự công nhận và tính hợp pháp quốc tế; Tiếp tục nỗ lực vãn hồi hòa bình, mở cánh cửa ra thế giới; Mở rộng quan hệ đối ngoại và kết thúc kháng chiến trên bàn đàm phán. * *Tư tưởng chỉ đạo:* Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, kim chỉ nam cho hoạt động đối ngoại. * *Nội dung hoạt động:* Tìm cách thiết lập quan hệ ngoại giao với các cường quốc thế giới và các nước láng giềng; Xây dựng các liên minh chiến lược; Tranh thủ các lực lượng hòa bình, dân chủ, tiến bộ trên thế giới; Tham gia Hội nghị Giơnevơ. * *Kết quả:* Mở rộng quan hệ ngoại giao; Củng cố các liên minh, tranh thủ được sự ủng hộ rộng rãi về tinh thần, vật chất, đạt kết quả tối đa trong điều kiện có thể ở Hội nghị Geneve. * *Đặc điểm:* Thực hiện hoạt động đối ngoại trên nhiều địa bàn, nhiều phương hướng; Thể hiện rõ tinh thần hòa bình; Thích ứng với bối cảnh quốc tế nhanh chóng thay đổi; Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền. * *Bài học kinh nghiệm:* Độc lập tự chủ, tự lực tự cường; đồng thời tăng cường đoàn   kết quốc tế và mở rộng hợp tác quốc tế; Kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại. | | | |

\*\*\*Hạn chế của các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954):

* Chưa có nhiều kinh nghiệm trong vận dụng tư tưởng độc lập tự chủ trên mặt trận đối ngoại song phương cũng như đa phương nhất là trong thời điếm các nước lớn đang diễn ra rất phức tạp...
* Cuộc vận động quốc tế có nhiều lúc thiên về châu Âu hơn châu Á...
* Nhận thức của ta về chiến lược của các nước lớn có lúc còn chưa sâu, hiểu biết về ngoại giao đa phương còn hạn hẹp

# Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ

**(1954 – 1975)**

* 1. ***Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ 1954 đến 1957***

# Hoàn cảnh lịch sử

**\*Thế giới**

* Chủ nghĩa xã hội sau khi trở thành hệ thống đã phát triển mạnh mẽ; Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ vì hoà bình, tiến bộ trên thế giới nổ ra rộng rãi

=> Cổ vũ phong trào cách mạng của Việt Nam.

* Cuộc chiến tranh lạnh và chạy đua vũ trang giữa Mỹ và Liên Xô căng thẳng.

# \*Trong nước

* Sau khi hiệp định Giơ – ne – vơ được ký kết, đất nước ta bị chia cắt thành 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 (dọc theo sông Bến Hải - tỉnh Quảng Trị) làm giới tuyến quân sự tạm thời;
* Do đặc điểm tình hình của mỗi miền khác nhau nên nhiệm vụ cách mạng cũng khác nhau;

+ Miền Bắc từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.

-Trong bối cảnh mới, hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung chủ yếu vào phục vụ sự nghiệp giải phóng miền Nam.

# Chủ trương ngoại giao

*Tại Đại hội toàn quốc lần thứ III, Đảng và Chính phủ đề ra những nội dung cơ bản về chính sách đối ngoại của ta là:*

* Ra sức góp phần tăng cường lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, tăng cường sự đoàn kết nhất trí và củng cố tình hữu nghị không gì lay chuyển nổi giữa nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa anh em.
* Phát triển quan hệ hợp tác tương trợ với các nước anh em theo những nguyên tắc của quốc tế vô sản. Ra sức ủng hộ phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.
* Tăng cường quan hệ hữu nghị với các nước dân chủ nhân dân, phát triển sự hợp tác kinh tế và văn hoá với các nước đó.
* Chúng ta hoan nghênh và ủng hộ đường lối hoà bình trung lập thật sự và hoà hợp dân tộc và mong muốn xây dựng quan hệ hữu nghị với vương quốc Campuchia. ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Lào nhằm thực hiện đường lối hoà bình trung lập thật sự và hoà hợp dân tộc và mong muốn xây dựng quan hệ với vương quốc Lào.
* Đối với tất cả các nước khác, chúng ta sẵn sàng đặt quan hệ hữu nghị trên cơ sở bình đẳng và hai bên cùng có lợi. Đi đôi với việc xây dựng và tăng cường quan hệ giữa chính phủ ta và chính phủ các nước, cần mở rộng mối quan hệ hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước.

# Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1967

## \*Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ

* Mục tiêu là đòi lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc, thực hiện hội nghị hiệp thương để chuẩn bị thống nhất đất nước bằng tổng tuyển cử tự do như Hiệp định Giơnevơ quy định.
* Trước hết là đấu tranh đòi thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản về đình chiến, tập kết, chuyến quân, lập khu phi quân sự. Kết quả, lệnh ngừng bắn được Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Pháp thực hiện đúng thời hạn, quân đội Pháp rút hết khỏi Việt Nam vào ngày 16/5/1955, hai bên trao trả tù binh.
* Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhà nước Việt Nam chủ trương vận dụng mọi hình thức đấu tranh ngoại giao để đòi chính quyền Sài Gòn bàn về hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Tuy nhiên, đề nghị trên đã bị chính quyền Sài Gòn khước từ.
* Cuộc đấu tranh ngoại giao của nhà nước và nhân dân đã tạo ra dư luận quốc tế quan tâm ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta và lên án các chính sách, hành động sai trái của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

## Việt Nam Dân chủ Cộng hoà củng cố, tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là với Liên Xô, Trung Quốc

* Ngay sau khi thủ đô được giải phóng, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để các nước xã hội chủ nghĩa sớm đặt Đại sứ quán tại Hà Nội, đồng thời, Việt Nam cũng sớm đặt Đại sứ quán tại các nước này. Năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thăm chính thức 9 nước gồm các nước xã hội chủ nghĩa ở Dông Âu và Bắc Á; một số nước dân chủ ở châu Á.
* Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tranh thủ được viện trợ kinh tế to lớn từ các nước xã hội chủ nghĩa. Đồng thời việc các nhà lãnh đạo của các nuớc sang thăm Việt Nam đã góp phần tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và nâng cao vị thế của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên trường quốc tế.
* ***Đối với Lào và Campuchia:*** Đảng và nhà nước Việt Nam chủ trương sớm xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị về mặt nhà nước. Đồng thời, tiếp tục giúp đỡ các lực lượng cách mạng Lào và Campuchia.
* Năm 1965, Hội nghị nhân dân ba nước Đông Dương được tổ chức tại Phnom – pênh (Campuchia). - Năm 1967, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam đã tuyên bố tôn trọng đôc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia. Chính quyền Campuchia cũng công nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam.
* ***Đối với Pháp:*** Thúc đẩy quan hệ hợp tác với chính phủ Pháp và tăng cường quan hệ đoàn kết hữu nghị với nhân dân Pháp.
* ***Với phong trào dân tộc dân chủ và các nước khác trên thế giới*:** Tăng cường đoàn kết và hợp tác trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Tăng cường tình đoàn kết chiến đấu với các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước châu Á, Phi, tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước vừa giành độc lập

*ờ* châu Á.

## Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với cuộc chiến tranh cách mạng ở miền

***Nam***

* Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tích cực vận động quốc tế công nhận

Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

* Mặt trận dân tộc giải phóng cử nhiều đoàn Dại biểu thăm các nước anh em, bè bạn, dự nhiều Hội nghị quốc tế đưa tiếng nói của nhân dân miền Nam đang chiến đấu chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn tới các diễn đàn, các *cơ* quan thông tấn, báo chí quốc tế.
* Các nước xã hội chủ nghĩa đã cam kết và thỏa thuận giúp Việt Nam thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và tăng cường tiềm lực quốc phòng.

## Đấu tranh chống các chiến dịch hòa bình và luận điệu đàm phán không điều kiện của Mĩ, thúc đẩy hình thành phong trào nhân dân Mĩ chống chiến tranh

* Chống lại các luận điệu hòa bình giả hiệu của chính quyền Mĩ, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tiến hành nhiều hoạt động ngoại giao, tích cực vận động và tuyên truyền quốc tế nhằm cảnh báo trước dư luận thế giới hành động xâm lược của Mĩ; nhấn mạnh cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam, nêu cao quyết tâm của nhân dân Việt Nam đánh thắng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mĩ và thiện chí hòa bình của Việt Nam.
* Phong trào nhân dân Mĩ chống chiến tranh phát triển nhanh và mạnh, sớm mở ra quy mô toàn quốc và thống nhất hành động. Phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mĩ đã tác động đến thái độ của chính giới Mĩ. Số Nghị sĩ Mĩ chống chiến tranh Việt Nam ngày càng tăng, nhiều Nghị sĩ đòi chấm dứt ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đòi thương lượng với sự tham gia của Mặt trận Dân tộc Giải phóng.

## Tạo cục diện vừa đánh vừa đàm

* Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13 (tháng 1/1967) đã đề ra phương châm đấu tranh của ta là phát huy thế mạnh, thế thắng của ta, chủ động tấn công địch, giữ vững tính độc lập tự chủ, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các nước anh em. Trên cơ sở kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thố, cần vận dụng linh hoạt sách lược ngoại giao khôn khéo, giành thắng lợi từng bước.
* Ngày 29/12/1967, Bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố: Sau khi Hoa Kì tuyên bố chấm dứt ném bom không điều kiện và mọi hành động khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ nói chuyện với Mĩ về những vấn đề có liên quan.

Như vậy đến năm 1967, với những thắng lợi trên chiến trường đã tạo đà cho thế chủ động của ngoại giao Việt Nam được phát huy mạnh mẽ.=> Đưa ngoại giao trở thành một mặt trận.

* 1. ***Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ 1967 đến 1973***

# Hoàn cảnh

* ***Trên thế giới,*** phong trào đoàn kết với Việt Nam ngày càng mở rộng, chính quyền Mĩ đang ở thế tiến thoái lưỡng nan về chiến lược. Từ năm 1969, Mĩ bắt đầu bị thâm hụt ngân sách liên tục. Đầu những năm 1970 của thế kỉ XX, Liên Xô đạt thế cân bằng chiến lược với Mĩ. Mĩ thực hiện chính sách ngoại giao ba bên hay còn gọi là "Tam giác chiến lược” cải thiện quan hệ với hai nước lớn XHCN, đồng minh chiến lược của Việt Nam là Trung Quốc và Liên Xô.
* ***Ở trong nước*,** cuối năm 1967, ở miền Nam hai cuộc phản công chiến lược mùa khô bằng lực lượng Mĩ (quân Mỹ và đồng minh của Mỹ) đều thất bại. Kết thúc đợt một của cuộc tấn công Xuân 1968, quân dân miền Nam Việt Nam giành thắng lợi to lớn, làm chuyến biến thế trận, đảo lộn chiến lược của Mĩ. Trong năm 1969, cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn, lực lượng bị tổn thất nặng nề, vùng giải phóng bị thu hẹp; các đơn vị chủ lực phải dạt sang đất Campuchia. Đây là giai đoạn cả nước trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược, miền Bắc (vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ) chống Mĩ, cứu nước vừa sản xuất chi viện cho miền Nam ruột thịt.

# Chủ trương ngoại giao

* Nghị quyết Trung ương lần thứ 13 chỉ rõ: Trong khi miền Bắc đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, miền Nam cần mở rộng hơn nữa các hoạt động quốc tế nhằm làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ và ủng hộ mạnh mẽ hơn cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống đế quốc Mĩ xâm lược... các hoạt động đối ngoại của miền Bắc và miền Nam cần phải được phối hợp chặt chẽ, tuy nhiên bên ngoài miền Nam có màu sắc riêng của mình, thể hiện rõ tính độc lập của Mặt trận.
* Đảng yêu cầu cần vận dụng sách lược ngoại giao một cách linh hoạt, khôn khéo, nhằm khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa Mĩ và các nước đế quốc khác; phân hóa nội bộ bọn cầm quyền Mĩ, cô lập bọn hiếu chiến ngoan cố nhất, làm tan rã tinh thần ngụy quân, ngụy quyền và làm hoang mang tinh thần quân Mĩ, quân chư hầu, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam giành thắng lợi.

 *Đây là lần đầu tiên Đảng ra một văn kiện, trong đó khẳng định: Đấu tranh ngoại giao là một mặt trận.*

# Hoạt động ngoại giao

**\**Với Trung Quốc,*** đế tranh thủ sự ủng hộ của các nhà lãnh đạo Trung Quốc đối với cuộc đàm phán tại Pari giữa Việt Nam và Mĩ sắp vào giai đoạn họp, chủ tịch Hồ Chí Minh cử một đoàn gồm những cán bộ cao cấp của Trung ương Cục và bộ chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, có Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng đi, sang thăm Trung Quốc.

**\**Với Liên Xô,*** trong 7 năm chống Mĩ (1965 - 1972), Đảng và chính phủ Việt Nam tiến hành 51 cuộc gặp cấp cao, từ ủy viên Bộ chính trị, Phó thủ tướng trở lên.

* ***Với các nước Đông Dương,*** Đảng Lao động Việt Nam kịp thời đề ra chủ trương mới, tăng cường lực lượng đoàn kết, chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương thành

một khối thống nhất, có một chiến lược chung, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến cứu nuớc của nhân dân ba nước chống đế quốc Mĩ xâm lược và tay sai.

* Đại diện ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia họp Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương trong hai ngày 24 và 25/4/1970. Tuyên bố chung của Hội nghị trở thành cương lĩnh đấu tranh chung, hiến chương chung về quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước, vùng giải phóng ba nước nối liền, mở rộng, hình thành thế liên hoàn vững chắc.

**\**Với các nước khác,*** trong cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược, Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần của nhân dân và chính phủ các nước yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

**\**Với Mĩ,*** vào ngày 30/10/1968, Hoa Kì đã buộc phải tuyên bố chấm dứt ném bom không điều kiện miền Bắc Việt Nam.

* Lợi dụng sức ép của dư luận quốc tế đối với chính quyền JonSon và cuộc bầu cử tổng thống Mĩ, ngoại giao Việt Nam đã triển khai có hiệu quả chủ trương đàm phán, kéo Mĩ xuống thang chiến tranh, giành thắng lợi từng bước, góp phần tạo cục diện đấu tranh chống Mĩ xâm lược sang giai đoạn mới.
* Phong trào nhân dân Mĩ chống chiến tranh phát triển thành cao trào rộng lớn, đặc biệt sau Tết Mậu Thân 1968 và khi Mĩ mở rộng chiến tranh sang Campuchia (1970). Tại diễn đàn Pari các đề nghị hòa bình, các phát biểu hàng tuần và các cuộc họp báo của đoàn Việt Nam DCCH, của đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng và sau đó là Chính Phủ Cách mạng lâm thời tại Hội nghị 4 bên cùng nhiều cuộc vận động quốc tế khác đã góp phần vạch rõ tội ác chiến tranh và bản chất ngoan cố của chính quyền Nixon.
* Từ ngày 18 đến ngày 29/12/1972, thất bại trong cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố khác ở miền Bắc Việt Nam, đã buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam vào ngày 27/1/1973.
* Việc ký kết Hiệp định Pari là một thắng lợi tổng hợp của cuộc đấu tranh trên các mặt trận quân sự chính trị và ngoại giao. Với Hiệp định, Mĩ buộc phải chấm dứt chiến tranh, rút khỏi Việt Nam và Đông Dương, chấm dứt dính líu quân sự. Hiệp định Pari 1973 phản ánh thắng lợi của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi nhưng cũng có nhiều phức tạp.
* Hiệp định Pari và việc Mĩ rút khỏi Việt Nam, góp phần có tác động to lớn vào đến sự nghiệp giải phóng của nhân dân Lào, Campuchia.
  1. ***Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ 1973 đến 1975***

# Hoàn cảnh

* ***Trên Thế giới*,** phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập, dân chủ trên thế giới phát triển mạnh mẽ. Cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973 đã tác động sâu sắc đến nền kinh tế, chính trị của các nước tư bản. Sau vụ bê bối chính trị Watergate, nước Mĩ lâm vào cuộc khùng hoảng chính trị và khủng hoảng

niềm tin sâu sắc.

* ***Ở trong nước*,** sau hiệp định Pari, Hoa Kì rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam nhưng vẫn cố giữ chính quyền Sài Gòn, không trực tiếp dính líu quân sự ở Việt Nam và Đông Dương, tránh một Việt Nam thứ hai.
* Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu muốn xóa ngay hiệp định, tiếp tục chiến tranh, chiếm đất, giành dân, xóa bỏ hình thái da báo, thu hẹp vùng do Chính phủ lâm thời kiểm soát, dùng chiến tranh để nuôi dirửng quân ngụy, hòng kéo Mĩ tiếp tục viện trợ và khi cần thì yêu cầu Mĩ can thiệp trở lại.
* Việc kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam và chấm dứt sự có mặt của quân đội Mĩ trên đất nước ta, đã tạo nên sự thay đổi trong so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng ở Việt Nam và Đông Dương, có lợi cho cách mạng.
* Nhiệm vụ của nhân dân ta là phải tiếp tục dồn sức hoàn thành giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

# Chủ trương ngoại giao

* Hội nghị lần thứ 21 (năm 1973) của Đảng nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và nhấn mạnh trong bất cứ tình huống nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao với tính chủ động, linh hoạt cao, không ngừng giữ vững và phát triển lực lượng của cách mạng về mọi mặt, đánh thắng từng bước và chủ động trong mọi tình huống, đưa cách mạng miền Nam tiến lên.
* Phối hợp với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam còn đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao. Đấu tranh ngoại giao nhằm tố cáo hành động của Mĩ - Thiệu trong việc vi phạm hiệp định, phá hoại hòa bình, hòa hợp dân tộc và nêu cao tính chất chính nghĩa cuộc chiến đấu của nhân dân ta. Nhiệm vụ ngoại giao của thời kì này là theo dõi đánh giá về khả năng Mĩ có thể trở lại can thiệp bằng quân sự hay không và đấu tranh ngăn chặn khả năng đó.
* Trong những ngày cuối cùng của cuộc Tổng tấn công giải phóng Sài Gòn, ngoại giao góp phần ngăn chặn các hành động trung gian muộn màng của một số nước lớn; làm thất bại kế hoạch di tản của Liên hợp quốc do Mỹ gợi ý; đồng ý để Hoa Kì di tản những người Mĩ cuối cùng khỏi Sài Gòn; chuẩn bị tiếp quản bộ máy ngoại giao của chính quyền Sài Gòn. Đồng thời tiếp tục vận động tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

# Hoạt động ngoại giao

**\**Với các nước Xã hội chủ nghĩa,*** Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam bảo vệ, thi hành hiệp định. Liên Xô ủng hộ Việt Nam Dân chủ cộng hòa khôi phục kinh tế; xóa hoàn toàn những khoản nợ khá lớn cho vay trong chiến tranh; lên án mạnh mẽ Mĩ dung túng chính quyền Sài Gòn phá hiệp định.

***\*Với các nước Dông Dương,*** Quan hệ với Lào phát triển thuận lợi. Theo đúng thỏa thuận trước khi kết thúc đàm phán Paris, Việt Nam phối hợp với Neo Lào Hắcxát đi tới hiệp định chấm dứt chiến tranh ở Lào 21/1/1973 (Hiệp định Viêng chăn). Trong thế thuận lợi hơn sau Hiệp định Paris, Việt Nam cố gắng hợp tác hỗ trợ lực lượng kháng chiến Campuchia xây dựng lực lượng, mở rộng vùng giải phóng. Chính phủ Việt Nam giữ quan hệ tốt với Hoàng thân Xihanuc và Chính phủ Bắc Kinh, giúp đỡ mọi mặt để Hoàng thân về thăm vùng giải phóng.

***\* Với Mĩ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa,*** *S*au khi Bộ chỉ huy quân giải phóng công bố lệnh kiên quyết đánh trả các hành động chiến tranh của chính quyền Sài Gòn ngày 15/10/1973, quân ta liên tiếp tấn công thu nhiều thắng lợi làm thất bại kế hoạch lấn chiếm của Thiệu, so sánh lực lượng trên chiến trường đã thay đổi cơ bản có lợi cho cách mạng.

* Trước sức tấn công như vũ bão của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, ngoại giao Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ của mình là nắm vững ngọn cờ hòa bình, thi hành Hiệp định Paris chống Mĩ dính líu, can thiệp trở lại, tấn công chính trị cô lập đối phương, tranh thủ sự đồng tình của bè bạn quốc tế chuẩn bị về dư luận cho tổng công kích về quân sự và ra các tuyên bố nhằm ngăn chặn mưu toan thương lượng ngừng bắn của đối phương.
* Trong cuộc đấu tranh ngoại giao giai đoạn này, *có đặc điểm nổi bật là nền ngoại giao “ tuy hai mà một”*: Tháng 6/1969 Chính phủ CMLTCHMN Việt Nam thành lập, hình thành một thực tế là cùng một nước Việt Nam có 2 hệ thống tổ chức và cơ quan ngoại giao, ở cùng một nước ngoài lại có 2 cơ quan đại diện. Ngoại giao của Mặt trận DTGPMN và Chính phủ CMLTCHMN theo chính sách trung lập, còn ngoại giao của VNDCCH là ngoại giao của một nước XHCN. Nhưng ngoại giao của 2 miền đều do Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo, cùng nhau thực hiện một đường lối quốc tế nhằm phục vụ 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Cơ quan ngoại giao của 2 miền cùng nhau bàn bạc, phối hợp chặt chẽ nhịp nhàng phát huy sức mạnh tổng hợp của cả 2 miền. Đây chính là nét độc đáo và sáng tạo của ngoại giao nước ta.

## Kết luận

* + - Hiệp định Paris và cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước. Thắng lợi này đánh dấu một bước ngoặt căn bản trên tiến trình cách mạng dân tộc dân chủ, để lại những nét đặc sắc trong lĩnh vực hoạt động đối ngoại đầy sáng tạo của nền ngoại giao nước nhà. Trong cuộc đấu tranh này, chẳng những có tình trạng không cân sức về lực lượng quân sự và kinh tế, Việt Nam còn phải đối chọi với một quốc gia có kinh nghiệm đối ngoại hàng đầu thế giới với bộ máy tuyên truyền khổng lồ và đội ngũ các nhà ngoại giao chuyên nghiệp, lão luyện.
    - Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp. Trước hoàn cảnh đó, ngoại giao Việt Nam đã giải được bài toán cực kỳ khó

khăn trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, tự quyết định đường lối và chính sách đối ngoại của riêng mình, đồng thời vẫn giữ vững sự đoàn kết và tranh thủ sự viện trợ có hiệu quả của các nước đồng minh xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, vấn đề đoàn kết quốc tế, phát huy tối đa sức mạnh của thời đại được coi là một bộ phận hợp thành của đường lối chống Mỹ cứu nước, hoạt động đối ngoại đấu tranh ngoại giao có tầm quan trọng chiến lược, góp phần đánh thắng kẻ thù.

Phương châm đối ngoại của Đảng là: đoàn kết với bất cứ người nào có thể đoàn kết được, tranh thủ bất cứ người nào có thể tranh thủ được nhầm phân hóa kẻ thù và cô lập chúng, đồng thời có thêm nhiều nước ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

* + - Hoạt động đối ngoại của VN trong kháng chiến chống Mĩ cũng để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho hoạt động đối ngoại của nhà nước Việt Nam hiện nay như:

+ Nhận thức, đánh giá đúng về tình hình thế giới và về quan hệ quốc tế để triển khai các hoạt động đối ngoại phù hợp.

+ Kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhiều hướng đối ngoại khác nhau, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp.

+ Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

+ Đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu.

Các bài học kinh nghiệm nêu trên đều có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại ở thời kì hiện tại, song bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu là hai bài học tổng quát nhất, bao trùm nhất, có ý nghĩa nhất khi vận dụng vào hoạt động đối ngoại ngày nay.

## \* Nguyên nhân thắng lợi:

* + - Xác định đúng đối tượng và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh ngoại giao với đấu tranh quân sự;
    - Kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ trong cuộc đấu tranh với đối phương tại cuộc đàm phán Paris;
    - Xử lý đúng đắn mối quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc, hình thành mặt trận nhân dân thế giới - kể cả nhân dân Mỹ - ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của Việt Nam.

Những nhân tố cơ bản đó đã góp phần vào thành công của việc ký kết Hiệp định Paris, vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu ước.

# Đặc điểm và bài học kinh nghiệm của ngoại giao Việt Nam giai đoạn 1945 –

**1975**

## Đặc điểm

Ra đời cùng việc thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tháng

Tám 1945, ngoại giao Việt Nam đã trưởng thành trong cuộc đấu tranh gian khổ của toàn dân tộc, mang một số đặc điểm sau:

* + - Nền ngoại giao của một dân tộc yêu chuộng hòa bình, độc lập, tự do, công lý và

giác ngộ cách mạng:

+ Ngoại giao Việt Nam hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thể hiện trong việc đề ra đường lối quốc tế, chính sách đối ngoại; chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại

+ Các yếu tố trên đảm bảo sự nhất quán, thống nhất về mục tiêu và định hướng chính sách về tư tưởng và hành động của các hoạt động đối ngoại.

* + - Kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc:

+ Ngoại giao Việt Nam phục vụ cho quyền lợi tối cao của Tổ quốc, trong quá trình đấu tranh chống ngoại xâm, ông cha ta đã để lại những tư tưởng lớn, cách thức ứng xử bang giao, thể hiện bản sắc dân tộc và văn hóa Việt Nam: Đó là chủ nghĩa yêu nước, quyết tâm bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ đã kết tinh trong các tuyên ngôn lịch sử của dân tộc (Nam Quốc sơn hà – Lý Thường Kiệt, Bình ngô đại cáo – Nguyễn Trãi, Tuyên ngôn Độc lập – Hồ Chí Minh)

+ Hòa bình, hòa hiếu là tư tưởng cốt lõi của ngoại giao Việt Nam, nhờ quyết tâm đánh thắng quân xâm lược và tinh thần hòa hiếu mà dân tộc Việt Nam đã vượt qua bao thử thách lịch sử, bảo tồn và phát triển cương vực và lãnh thổ quốc gia, bản sắc dân tộc

+ Ngoại giao Việt Nam thấm nhuần chủ nghĩa nhân văn, con người Việt Nam giàu lòng nhân ái, không nuôi hận thù dân tộc, quyết chiến đẩy lùi xâm lược nhưng không hiếu chiến, sau chiến tranh *“Sửa soạn hòa hiếu cho hai nước, tắt muôn đời chiến tranh”* – Nguyễn Trãi; Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thời kì hiện đại, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần hòa hiếu được phát huy kết thành tư tưởng *“không có gì quý hơn độc lập tự do”*, mong muốn *“làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù chuốc oán với một ai”*.

* + - Ngoại giao Việt Nam hiện đại phải thường xuyên ứng xử với xác nước lớn: Từ năm 1858 – 1884, Việt Nam bị đế quốc Pháp xâm lược, trở thành thuộc địa; Từ năm 1940 – 1941, Nhật Bản tiến quân vào Đông Dương; Từ năm 1945 – 1975, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ
    - Ngoại giao Việt Nam hiện đại mang hình thức đa dạng và phong phú: Xây dựng quan hệ quốc tế của VN từ sự nghiệp chính nghĩa và các mục tiêu mà nhân dân phấn đấu thực hiện là cơ sở để thực hiện ngoại giao “tâm công”; Ngoại giao nhân dân là bước phát triển mới độc đáo, sáng tạo ngoài ra còn thể hiện trong thời kì chống Mĩ triển khai đồng thời hai mặt trận; Nền văn hiến lâu đời đã để lại cho ngoại giao Việt Nam hiện đại nhiều yếu tố văn hóa, tiếp thu nhiều giá trị của thế giới.
    - Nền ngoại giao Việt Nam hiện đại mang đậm dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Được thể hiện trong đường lối quốc tế và hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam: cứng rắn trong nguyên tắc, mềm dẻo trong sách lược; tư tưởng tiến công biết giành thắng lợi từng bước

+ Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho hoạt động đối ngoại VN thời kì hiện đại

* + - Ngoại giao phục vụ đắc lực cuộc đấu tranh giữ chính quyền cách mạng sau CMT8 năm 1945, trong hai cuộc kháng chiến cứu nước vì độc lập tự do, thống nhất Tổ quốc và sự nghiệp cả nước đi lên CNXH:

+ Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến đã góp phần to lớn vào sự nghiệp của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ Thắng lợi đó gắn liền với sự giúp đỡ, ủng hộ quốc tế to lớn của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cũng như sự ủng hộ vật chất, tinh thần quý báu của các nước bạn bè, nhân dân tiến bộ trên thế giới.

* + - Ngoại giao góp phần nâng cao vị thế quốc tế Việt Nam:

+ Cùng với các thắng lợi vang dội của quân và dân Việt Nam trên chiến trường, những cuộc đàm phán ngoại giao kiên quyết và khôn khéo của Việt Nam với các đối phương đã góp phần làm cho thế giới thêm hiểu biết và quý trọng VN

+ Đóng góp của VN vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ tiến bộ xã hội là những giá trị bền vững, xây đắp vị trí Việt Nam trên trường quốc tế.

* + - Phát triển từ yếu đến mạnh, ngoại giao Việt Nam đã trưởng thành qua thực tiễn, tiếp cận các vấn đề quốc tế hiện đại

+ Năm 1945, ngành ngoại giao Việt Nam ra đời từ hai bàn tay trắng, xây dựng từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, vừa học vừa làm

+ Những thành tựu to lớn của ngoại giao Việt Nam không tách rời những chiến công và kì tích của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

## Một số kinh nghiệm trong hoạt động đối ngoại

* + - Tầm nhìn chiến lược, dự báo đúng đắn và đối sách phù hợp;
    - Nhận thức đúng đắn mục tiêu cơ bản và xuyên suốt là phục vụ nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ;
    - Giải quyết đúng đắn vấn đề hội nhập và đoàn kết quốc tế;
    - Kết hợp giữa bên trong và bên ngoài, giữa nguyên tắc bất biến với giải pháp linh hoạt, giữa các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế với ngoại giao, giữa các lực lượng đối ngoại của Đảng, của nhà nước và nhân dân;
    - Đúc kết thành một hệ thống tư duy ngoại giao Việt Nam.

## Một số bài học kinh nghiệm

Từ quá trình hoạt động ngoại giao, có thể rút ra một số bài học mang ý nghĩa thực tiễn và tính thời sự sâu sắc:

* + - Luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; đồng thời tăng cường đoàn kết quốc tế và mở rộng hợp tác quốc tế:

+ Độc lập tự chủ thể hiện trong tư duy nhận thức độc lập, sáng tạo trong quyết sách và thực hiện đường lối chính sách *“tự lực cánh sinh là cái gốc, điểm mấu chốt về chính*

*trị, quân sự, kinh tế, nội chính, ngoại giao của ta”* – Hồ Chí minh

+ Độc lập tự chủ tự lực tự cường luôn chủ trương mở rộng đoàn kết quốc tế, xử lý đúng đắn các vấn đề quan hệ giữa dân tộc và thời đại

+ Chú trọng tập hợp lực lượng quốc tế, tạo thế và lực; Tiếp nhận sự giúp đỡ của quốc tế phải đi đôi với nghĩa vụ quốc tế.

* + - Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

+ Hồ Chí Minh là người yêu nước đầu tiên đặt cách mạng Việt Nam trong quan hệ toàn cầu, một bộ phận khăng khít của sự nghiệp cách mạng nhân loại tiến bộ

+ Trong hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, Việt Nam phải đối phó với các kẻ địch mạnh hơn gấp nhiều lần, việc phát huy nỗ lực cao nhất của bản thân đi đôi với tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ là một nhu cầu khách quan, có ý nghĩa chiến lược đảm bảo thắng lợi cho CMVN

+ Trong hoạt động quốc tế, lợi ích các dân tộc đan xen, tác động qua lại lẫn nhau, yếu tố quyết định để đảm bảo lợi ích quốc gia dân tộc là phát huy tinh thần độc lập tự chủ trong mọi suy tính chiến lược, quyết sách đối ngoại và hoạt động thực tiễn.

* + - Xây dựng, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác lâu dài bền vững với các nước láng giềng; quan tâm xử lý đúng đắn quan hệ với các nước lớn

+ Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế có lúc đã lợi dụng tình trạng bất thường của các quan hệ này để tập hợp lực lượng trong và ngoài khu vực bao vây cô lập, hòng kiềm chế và làm suy yếu Việt Nam. Ngoại giao Việt Nam đã đấu tranh bền bỉ, khôn khéo làm thất bại âm mưu và thủ đoạn đó.

+ Trong hai cuộc kháng chiến chống lại chiến tranh xâm lược do nước lớn thực dân và đế quốc tiến hành, Việt Nam đã liên minh chiến lược với Liên Xô và Trung Quốc. Nhờ kiên trì đường lối độc lập tự chủ, Việt Nam đã đoàn kết với cả Liên Xô và Trung Quốc tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ của hai nước ngay cả khi hai nước lớn này bất đồng và xung đột nghiêm trọng.

+ Vì lợi ích dân tộc của mình, các nước lớn có thể dàn xếp với nhau về giải pháp có lợi cho họ. Tuy nhiên, quan hệ giữa các nước lớn nằm trong bàn cờ chính trị thế giới, đều có giới hạn. Nếu các nước vừa và nhỏ có đối sách đúng đắn, khôn khéo, thì có thể hạn chế được những thoả hiệp bất lợi cho mình, hoặc có thể hình thành các quan hệ đối tác ở mức độ khác nhau.

**BÀI 13**

**HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY**

* 1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985

## Bối cảnh của hoạt động đối ngoại

* + - * + Xu thế hòa hoãn Đông - Tây đang được mở rộng.
        + Sự khủng hoảng của Liên Xô, Đông Âu và nguy cơ tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa.
        + Trung Quốc tiến hành cải cách mà đạt được nhiều thành tựu trên nhiều mặt.
        + Việt Nam hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ (1975) sau đó hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1976).
        + Đất nước bị bao vây và cấm vận.

## Hoạt động đối ngoại chủ yếu

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động** | **Những sự kiện tiêu biểu** |
| Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa | * Đẩy mạnh hợp tác toàn diện, nhất là lĩnh vực kinh tế. * Việt Nam coi trọng hợp tác với Liên Xô:   + Nhiều hiệp ước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học - kĩ thuật đã được kí kết.  + Liên Xô giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình lớn, như: Nhà máy thủy điện Hòa Bình, Nhà máy xi măng Bỉm Sơn…  + Việt Nam và Liên Xô kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác (11-1978).   * Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) năm 1978 và kí nhiều hiệp ước hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa. * Đối với Trung Quốc, ở phương diện đối ngoại, Việt Nam tiến hành đàm phán để giải quyết các xung đột biên giới, lãnh thổ, lãnh hải, kiên quyết   bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia. |
| Cải thiện quan hệ với các  nước Đông Nam Á, thúc đẩy đối thoại ASEAN | * Việt Nam kí với Lào Hiệp ước hữu nghị và hợp tác (1977). * Giúp đỡ Campuchia chống lại chế độ diệt chủng |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Khơ-me Đỏ (1977).  - Từ năm 1980, đẩy mạnh đối thoại, từng bước thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước thành viên ASEAN. |
| Bước đầu đàm phán bình thường hóa quan hệ với Mĩ | * Từ cuối những năm 70, Việt Nam đã gửi thông điệp cho chính quyền Mĩ về việc duy trì quan hệ song phương trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau. * Nhiều cuộc hội đàm Việt - Mĩ diễn ra tại Pari và   Hà Nội. |
| Phát triển quan hệ đối ngoại với các quốc gia và tổ chức quốc tế | * Việt Nam tham gia tích cực Phong trào Không liên kết trong cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình và thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 30 quốc gia thuộc nhóm nước trong phong trào này. * Đến năm 1979, Việt Nam tham gia 33 tổ chức và 19 điều ước quốc tế, trở thành thành viên thứ 149   của tổ chức Liên hợp quốc. |

* + - 1. ***Nhận xét***
         * Thời gian đầu sau khi đất nước thống nhất, quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước và tổ chức quốc tế gặp nhiều trở ngại:

+ Việt Nam bước vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ từ ba phía (phía Bắc, tây Nam và vùng biển đảo phía Đông).

+ Lợi dụng vấn đề Campuchia, các quốc gia trên thế giới (trừ liên xô) tiến hành bao vây, cô lập Việt Nam.

* + - * + Đường lối đối ngoại giai đoạn đầu còn nhiều chủ quan, chúng ta đánh giá không đúng về thực lực của Việt Nam và của đối phương, chưa nhìn rõ được âm mưu của các nước (nhất là các nước lớn, các nước có âm mưu chiến lược với Việt Nam) nên dẫn đến những chiến cuộc bất lợi: chiến tranh biên giới; bao vây, cấm vận kinh tế, đối ngoại…
        + Đường lối đổi mới về đối ngoại đề ra từ Đại hội VI góp phần nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, giúp Việt Nam dần thoát khỏi thế bao vây, cô lập và lần lượt thiết lập quan hệ đối ngoại với các nước và các tổ chức quốc tế, góp phần giúp Việt Nam thoát khỏi tình trạng bị đổ vỡ như Liên Xô và các nước Đông Âu.

# Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay

## Bối cảnh của hoạt động đối ngoại

* + - * + Thế giới và khu vực có những chuyển biến lớn, cục diện và trật tự thế giới có sự thay đổi: chiến tranh lạnh chấm dứt, Trật tự hai cực Ianta tan rã hoàn toàn (từ năm 1991).
        + Cách mạng khoa học công nghệ, xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ.
        + Các nước lớn có sự hoán đổi vị thế thường xuyên, tiến hành chạy đua, cạnh tranh khốc liệt trên tất cả các lĩnh vực.
        + Thế giới trải qua nhiều biến động to lớn: sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã; dịch bệnh diễn ra mang tính toàn cầu…
        + Nhận thức về đổi mới đối ngoại của Việt Nam có nhiều biến chuyển, thay đổi tư duy về “đối tượng” và “đối tác” trong quan hệ đối ngoại.
        + Quá trình đổi mới, Việt Nam hội nhập mạnh mẽ vào cộng đồng quốc tế, có nhiều giải pháp mang tính chiến lược để thúc đẩy quan hệ đối ngoại bền vững.
      1. ***Hoạt động đối ngoại chủ yếu***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động** | **Những sự kiện tiêu biểu** |
| Phá thế bao vây, cấm vận | * Đã tìm ra được giải pháp chính trị toàn diện cho vấn đề Campuchia. Đây là điều kiện chính trị thuận lợi để Việt Nam đẩy lùi một bước quan trọng chính sách bao vây, cấm vận. * Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao (11 - 1991). * Việt Nam và Mĩ bình thường hóa quan hệ ngoại   giao (7 - 1995). |
| Tham gia ASEAN, thúc đẩy hoạt động đối ngoại với các đối tác tuyền thống và đối tác khác | * Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của tổ chức ASEAN (7 - 1995). * Tham gia Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA) vào năm 1995. * Tổ chức thành công nhiều hoạt động và hội nghị của ASEAN, đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN vào các năm 1998, 2010, 2020, có nhiều đóng góp xây dựng Cộng đồng ASEAN. * Việt Nam không ngừng củng cố, phát triển quan hệ hữu nghị đặc biệt với Lào, Campuchia và Cuba. * Phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện |

|  |  |
| --- | --- |
|  | với 7 quốc gia: Trung Quốc (2008), Liên Bang Nga (2012), Ấn Độ (2016), Hàn Quốc (2022), Hoa  Kì (2023), Nhật Bản (2023), Australia (2024). |
| Chủ động gia nhập và đóng góp tích cực cho các tổ chức, diễn đàn quốc tế | * Tăng cường hội nhập vào cộng đồng quốc tế. * Đến năm 2020, Việt Nam trở thành thành viên của 63 tổ chức quốc tế, quan hệ với hơn 500 tổ chức phi chính phủ. * Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007. * Kí hiệp định tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), kí kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Hiệp định đối tác   kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)… |
| Triển khai hoạt động đối ngoại bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải và biển đảo của Tổ quốc | * Tham gia đàm phán và kí kết các thỏa thuận, hiệp định về phân định biên giới trên bộ, trên biển. * Đối với Trung Quốc: Việt Nam đã kí kết các hiệp ước biên giới trên đất liền và phân định vịnh Bắc Bộ. * Đối với Lào và Campuchia: đạt được nhiều thỏa thuận trong phát triển đường biên giới hòa bình, hữu nghị. * Đối với Malaixia, Philippin, Inđônêxia và Thái   Lan: đã đàm phán về ranh giới trên biển. |
| Hợp tác nhằm giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu: môi trường, hỗ trợ  nhân đạo… | Hợp tác giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu như: môi trường, hỗ trợ nhân đạo, dịch bệnh, đói nghèo… |

# Nhận xét

* + - * + Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay đã có nhiều biến đổi, đạt được nhiều thành tựu, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
        + Đại hội VI đánh dấu bước chuyển mình trong công tác đối ngoại của Đảng, góp phần chuyển biến các quan hệ quốc tế từ đối đầu sang đối thoại, tạo điều kiện và môi

trường cho sự phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.

* + - * + Công tác đối ngoại đã góp phần đưa đất nước vượt qua nhiều khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy nền kinh tế phát triển, trở thành đất nước có tốc độ tăng trưởng khá trong khu vực.
        + Việt Nam còn tham gia tích cực trong các chương trình, dự án cộng đồng mang tính toàn cầu, là thành viên có trách nhiệm của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế và khu vực.

**Chủ đề 6**

**HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM BÀI 14**

**KHÁI QUÁT CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH.**

* 1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh.

* + **Hoàn cảnh đất nước**
* Việt Nam là đất nước có nền văn hiến lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam đã hun đúc nên truyền thống quý báu: yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa,...
* Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược và từng bước áp đặt ách cai trị ở Việt Nam. Dưới chế độ thực dân, nền độc lập dân tộc và quyền tự do của đại bộ phận nhân dân bị tước đoạt.
* Cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều thất bại, đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân là nhiệm vụ cấp bách của dân tộc và cũng là khát vọng của cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

# Hoàn cảnh quê hương

* Nghệ An là địa phương có truyền thống hiếu học và khoa bảng, người dân chịu khó và cần cù trong lao động. Đây còn là vùng đất của những làn điệu dân ca ví, giặm, là quê hương của nhiều danh nhân.
* Nghệ An cũng là địa phương có truyền thống đấu tranh kiên cường chống ách thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai.
* Vào đầu thế kỉ XX, cuộc khai thác thuộc địa của tư bản Pháp đã dẫn đến hình thành khu công nghiệp Vinh - Bến Thuỷ. Từ đó, Nghệ An trở thành trung tâm công nghiệp, buôn bán lớn ở khu vực Bắc miền Trung. Những thanh niên, trí thức yêu nước và giai cấp công nhân có điều kiện tiếp thu nhiều tư tưởng mới của thời đại.

# Hoàn cảnh gia đình

* Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước, thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc và thân mẫu là Hoàng Thị Loan.

+ Nguyễn Sinh Sắc là một nhà nho yêu nước, từng đỗ Cử nhân tại trường thi Nghệ An (1894) và đỗ Phó bảng (1901). Ông là một tấm gương sáng về ý chí vượt khó, là người thầy mẫu mực trong dạy chữ, dạy người.

+ Bà Hoàng Thị Loan là con gái của nhà nho yêu nước Hoàng Xuân Đường. Bà là người sống chan hoà, giỏi làm ruộng và dệt vải, đã nuôi dưỡng các con bằng tình thương yêu cùng những điệu hò, câu ví, giặm.

* Dù phải trải qua tuổi thơ vất vả nhưng sự nền nếp, truyền thống hiếu học, giàu tình yêu thương của gia đình đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm hình thành nhân cách tốt đẹp và có sự đồng cảm với nhân dân lao động.

# Tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh (1911- 1969).

## Thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890 - 1911)

* Hồ Chí Minh có tuổi thơ gắn bó với làng Sen
* Năm 1895 được cha đưa theo vào Huế, học tại Trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, sau đó là Trường Quốc học Huế.
* Từ năm 1909, Nguyễn Tất Thành đến nhiều tỉnh phía nam như Bình Định (1909), dạy học tại Trường Dục Thanh ở Phan Thiết (1910) rồi vào Sài Gòn (1911).
* Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành (với tên gọi mới là Văn Ba) đã rời Bến Nhà Rồng trên con tàu La-tu-sơ Tơ-rê-vin, bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước.

1. ***Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911-1941)***

* **Từ năm 1911 đến năm 1920**

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Hoạt động của Người |
| 1911 - 1917 | Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu châu Phi, tích  cực tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động. |
| 1917 | Nguyễn Tất Thành trở lại hoạt động ở Pháp. |
| 1919 | Nguyễn Tất Thành thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An  Nam, trong đó kí tên là Nguyễn Ái Quốc. |
| 7-1920 | Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về  vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V. Lê-nin. |
| 12-1920 | Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham  gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. |

* **Từ năm 1921 đến năm 1941**

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Hoạt động của Người |
| 1921 đến  tháng 6-1923 | Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp: tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút Báo Người cùng  khổ,… |
| 6-1923 | Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đến Liên Xô, tích cực hoạt động trong phong  trào cộng sản quốc tế,.. |
| 11-1924 đến giữa năm 1927 | Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên (1925),...  + Từ giữa năm 1927 đến cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động  cách mạng ở Pháp, Bỉ, Đức, Xiêm,... |
| Đầu năm 1930 | Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng (Trung Quốc),  soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. |
| Năm 1933 | Nguyễn Ái Quốc hoạt động tại Liên Xô. |

|  |  |
| --- | --- |
| 1938 | Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô trở lại Trung Quốc và hoạt động cách  mạng ở đây. |
| Ngày  28-1-1941 | sau hơn 30 năm xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp  lãnh đạo cách mạng Việt Nam. |

1. **Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941-1969)**

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Hoạt động của Người |
| 5-1941 | Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành  Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương |
| Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh (Việt Minh), tổ chức chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách  mạng. |
| 8-1942 | Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc tìm sự liên  minh quốc tế. |
| 9-1944 | Hồ Chí Minh trở về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng. |
| 8-1945 | Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, và được cử làm  Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. |
| 2-9-1945 | tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc  lập, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà |
| 1945 -1954 | Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng  chiến chống thực dân Pháp |
| 1-1946 | Hồ Chí Minh được Quốc hội khoá I bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam  Dân chủ Cộng hoà |
| 2-1951 | Tại Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương, Hồ Chí Minh  được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. |
| 1954 – 1969 | Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng  chiến chống Mỹ, cứu nước. |
| 10-1956 | Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng, kiêm Tổng Bí thư Đảng Lao  động Việt Nam. |
| 9-1960 | Đại hội lần thứ III của Đảng Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được bầu  làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam. |
| 2-9-1969 | Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Hà Nội. |

**BÀI 16**

**DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH**

**TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM**

1. **KIẾN THỨC TỔNG HỢP**

# Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

* + - Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) trong khoá họp lần thứ 24 tại Pa-ri (1987) đã thông qua Nghị quyết số 24C/18.65 về Kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam.

 Đây là minh chứng cho sự ngưỡng mộ và tôn vinh của nhân dân thế giới đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

+ Người góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ Những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, nghệ thuật chính là sự kết tinh của truyền thống văn hoá hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam.

+ Những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hoá của mình.

## Sự ghi nhận của thế giới:

* + - Tượng và tượng đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có mặt ở khắp các châu lục: Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Phi, thể hiện sự tôn vinh của nhân dân thế giới đối với Người.

+ Tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đặt cho nhiều quảng trường, trường học và đường phố,... tại nhiều quốc gia trên thế giới, thể hiện sự ngưỡng mộ và lòng biết ơn của nhân dân thế giới đối với Người.

+ Năm 1923, nhà báo Ô-xíp Man-đen-xtam gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc đó là Nguyễn Ái Quốc) tại Pháp. Ông vô cùng ấn tượng trước phong thái, tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc và viết bài “Thăm một chiến sĩ cộng sản quốc tế” đăng trên tạp chí Ngọn lửa nhỏ.

## Di tích tưởng niệm Hồ Chí Minh trên thế giới:

* + - Tại một số quốc gia, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đến và hoạt động đều có những công trình di tích tưởng niệm, thể hiện lòng biết ơn và sự kính trọng của người dân sở tại đối với Người.

+ **Khách sạn Ca-tơn (Anh)** – nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc và hoạt động cuối năm 1913, đánh dấu bước chân đầu tiên của Người đến với thế giới.

+ **Nhà số 9, Thủ đô Pa-ri (Pháp)** – nơi Người ở và hoạt động cách mạng những năm 1921 – 1923, đánh dấu thời kỳ Người tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc.

+ **Nhà số 248 và 250 (trước là nhà số 13 và 13/1) đường Văn Minh, thành phố Quảng Châu (Trung Quốc)** – nơi Hồ Chí Minh mở các lớp đào tạo cán bộ (1925 – 1927), góp phần đào tạo nên thế hệ cán bộ cách mạng cho Việt Nam.

+ **Khu di tích Hồ Chí Minh tại Liễu Châu, Quảng Tây (Trung Quốc)** – nơi Người hoạt động cách mạng trong những năm 1930-1931, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ở Trung Quốc.

# Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam

## Nguyên nhân:

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

+ Người là nhà cách mạng lỗi lạc, nhà văn hoá lớn với những đóng góp vĩ đại trên nhiều lĩnh vực: chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hoá, giáo dục…

+ Cuộc đời của Người cũng là tấm gương đạo đức sáng ngời với phong cách cá nhân giản dị, gần gũi, nhân ái, vị tha…

+ Mỗi người Việt Nam đều dành cho Người lòng yêu quý, kính trọng và biết ơn vô hạn, bởi Người chính là vị cha già kính yêu của dân tộc.

1. ***Biểu hiện:*** Sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh được nối tiếp qua nhiều thế hệ với những hình thức khác nhau, như:

*\* Xây dựng công trình tưởng niệm Hồ Chí Minh*:

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, theo nguyện vọng của nhân dân cả nước, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bảo tàng Hồ Chí Minh đã được xây dựng, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của toàn dân tộc đối với Người.

+ Hệ thống bảo tàng và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển rộng khắp với 14 chi nhánh trong cả nước, giúp người dân có điều kiện tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp vĩ đại của Người.

+ Ngoài hệ thống bảo tàng, di tích lưu niệm do Nhà nước quản lí, nhân dân đã lập đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nhiều nơi trong cả nước, thể hiện lòng thành kính và sự tôn thờ của nhân dân đối với Người.

+ Nhiều cơ sở giáo dục, đào tạo (trường học, học viện), đường phố… mang tên Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh

*\* Thành phố mang tên Bác:*

Năm 1976, sau khi đất nước thống nhất, Quốc hội khoá VI đã quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện lòng biết ơn vô hạn của nhân dân đối với Người.

+ Trích dẫn nội dung trong nghị quyết về việc đặt tên của Quốc hội: “Xét rằng, nhân dân Thành phố Sài Gòn – Gia Định luôn luôn tỏ lòng kính yêu vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và tha thiết với việc thành phố mang tên Người”.

+ Việc thành phố Sài Gòn được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện lòng tự hào và mong muốn tiếp nối, phát huy những giá trị mà Người để lại.

*\* Nguồn cảm hứng sáng tác (Xây dựng hình tượng, nhân cách trong văn học, nghệ thuật)*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kế thừa, kết tinh, phát triển và nâng cao các giá trị văn hoá dân tộc và nhân loại.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành nguồn cảm hứng để các nhà văn, nhà thơ sáng tác, tiêu biểu như tác phẩm: *Sáng tháng Năm, Bác ơi* (Tố Hữu); *Người đi tìm hình của nước* (Chế Lan Viên); *Búp sen xanh, Cuộc chia li trên Bến Nhà Rồng* (Sơn Tùng), *Trông chờ cố quốc* (Hoàng Quảng Uyên)…) sáng tác, đưa đến sự ra đời của nhiều tác phẩm âm nhạc, thơ ca, kịch, nhiếp ảnh, hội hoạ,... ở trong nước và trên thế giới.

+ Trong lĩnh vực nghệ thuật, Chủ tịch Hồ Chí Minh là chủ đề lớn cho nhiều nhạc sĩ sáng tác, các nhà biên kịch xây dựng kịch bản và các nghệ sĩ biểu diễn phục vụ công chúng, đặc biệt vào dịp kỉ niệm những ngày lễ lớn, tiêu biểu như bộ phim *Hẹn gặp lại Sài Gòn* (kịch bản Sơn Tùng, Long Vân đạo diễn); *Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông* (kịch bản của Hữu Mai, Nguyễn Khắc Lợi đạo diễn)…

+ Những tác phẩm này thể hiện tình cảm, sự ngưỡng mộ và lòng biết ơn của các nhà văn, nhà thơ, các nghệ sĩ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

* *Tư tưởng Hồ Chí Minh - tài sản tinh vô giá:*

*+* Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của Đảng Cộng sản Việt Nam và toàn dân tộc, là ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam.

*+* Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh của tinh hoa văn hóa dân tộc, của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng thời đại, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng và nhân dân ta.

* *Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*

*+* Ngày 7 – 11 – 2006, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 06-CT/TW về tổ chức Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Cuộc vận động đã lan tỏa và mang lại hiệu quả tích cực trên nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội.

*+* Ngày 15 – 5 – 2016, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 05-CT/TW về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

 Lí do nhân dân Việt Nam tôn vinh và tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Người là nhà cách mạng, nhà văn hoá lớn với những đóng góp trên nhiều lĩnh vực. Cuộc đời của Người cũng là tấm gương đạo đức sáng ngời với phong cách cá nhân độc đáo. Vì vậy, mỗi người Việt Nam đều yêu quý, kính trọng, biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta.